



Disclosure: ABB Automation & Electrification (Vietnam) Ltd. remains the right to review the 2026 Price List of any product or item, at any time with 30 days written notice in advance.
The Country of Origin (CO) of the listed products below are for references only and may subject to change during the year.

ORDER CODE	DESCRIPTION (ENG)	DESCRIPTION (VNM)	PRICE LIST 2026 (USD)	CO	MINIMUM ORDER (PC)	BU	PRODUCT FAMILY	Remark	Abb r	Country
1SAM250000R1001	MS116-0.16 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-0.16	1,490,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			CN	China
1SAM250000R1002	MS116-0.25 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-0.25	1,490,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			AT	Austria
1SAM250000R1003	MS116-0.4 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-0.4	1,490,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			BE	Belgium
1SAM250000R1004	MS116-0.63 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-0.63	1,490,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			GB	Great Britain
1SAM250000R1005	MS116-1.0 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-1.0	1,537,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			BG	Bulgaria
1SAM250000R1006	MS116-1.6 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-1.6	1,537,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			CH	Switzerland
1SAM250000R1007	MS116-2.5 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-2.5	1,537,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			CZ	Czech Republic
1SAM250000R1008	MS116-4.0 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-4.0	1,537,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			DE	Germany
1SAM250000R1009	MS116-6.3 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-6.3	1,537,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			ES	Spain
1SAM250000R1010	MS116-10 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-10	1,812,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			EU	Europe
1SAM250000R1012	MS116-12 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-12	1,812,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			FI	Finland
1SAM250000R1011	MS116-16 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS116-16	1,812,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			FR	France
1SAM250000R1013	MS116-20 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-0.63	1,885,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			NL	Netherlands
1SAM250000R1014	MS116-25 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-1.0	2,561,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			ID	Indonesia
1SAM250000R1015	MS116-32 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-1.6	3,629,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			IN	India
1SAM350000R1001	MS132-0.16 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-0.16	1,885,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			IT	Italy
1SAM350000R1002	MS132-0.25 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-0.25	1,885,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			MX	Mexico
1SAM350000R1003	MS132-0.4 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-0.4	1,885,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			NA	Namibia
1SAM350000R1004	MS132-0.63 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-0.63	1,885,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			NO	Norway
1SAM350000R1005	MS132-1.0 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-1.0	2,164,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			RO	Romania
1SAM350000R1006	MS132-1.6 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-1.6	2,164,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			SE	Sweden
1SAM350000R1007	MS132-2.5 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-2.5	2,164,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			SG	Singapore
1SAM350000R1008	MS132-4.0 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-4.0	2,164,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			TN	Tunisia
1SAM350000R1009	MS132-6.3 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-6.3	2,164,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL			EE	Estonia
1SAM350000R1010	MS132-10 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-10	2,561,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM350000R1012	MS132-12 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-12	2,561,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM350000R1011	MS132-16 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-16	2,561,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM350000R1013	MS132-20 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-20	2,767,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM350000R1014	MS132-25 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-25	3,130,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM350000R1015	MS132-32 Manual Motor Starter	Aptomat khởi động động cơ loại MS132-32	3,941,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM451000R1011	Manual Motor Starter MS165-16	Aptomat khởi động động cơ loại MS165-16	6,496,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM451000R1012	Manual Motor Starter MS165-20	Aptomat khởi động động cơ loại MS165-20	6,900,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM451000R1013	Manual Motor Starter MS165-25	Aptomat khởi động động cơ loại MS165-25	6,908,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM451000R1014	Manual Motor Starter MS165-32	Aptomat khởi động động cơ loại MS165-32	7,227,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM451000R1015	Manual Motor Starter MS165-42	Aptomat khởi động động cơ loại MS165-42	7,436,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM451000R1016	Manual Motor Starter MS165-54	Aptomat khởi động động cơ loại MS165-54	7,803,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM451000R1017	Manual Motor Starter MS165-65	Aptomat khởi động động cơ loại MS165-65	8,192,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201901R1001	HKF-1-1 Aux.-contact for front mounting	Tiếp điểm phụ của công tắc loại HKF1-1	401,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201901R1003	HKF1-10 Aux.-contact for front mounting	Tiếp điểm phụ của công tắc loại HKF1-10	282,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201901R1004	HKF1-01 Aux.-contact for front mounting	Tiếp điểm phụ của công tắc loại HKF1-01	282,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201901R1002	HKF1-20 Aux.-contact ZNO, front mounting	Tiếp điểm phụ của công tắc loại HKF1-20	401,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201902R1001	HK1-11 Aux.-contact 1 NO + 1 NC	Tiếp điểm phụ của công tắc loại HK1-11	413,000	BG	2	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201902R1002	HK1-20 Aux.-contact 2 NO	Tiếp điểm phụ của công tắc loại HK1-20	413,000	BG	2	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201902R1003	HK1-02 Aux.-contact 2 NC	Tiếp điểm phụ của công tắc loại HK1-02	413,000	BG	2	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201902R1004	HK1-20L Aux.-cont. w. 2 lead contacts	Tiếp điểm phụ của công tắc loại HK1-20L	665,000	BG	2	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201903R1001	SK1-11 Signaling Contact	Tiếp điểm phụ của công tắc loại SK1-11	501,000	BG	2	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201903R1002	SK1-20 Signaling Contact 2 NO	Tiếp điểm phụ của công tắc loại SK1-20	501,000	BG	2	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201903R1003	SK1-02 Signaling Contact 2 NC	Tiếp điểm phụ của công tắc loại SK1-02	501,000	BG	2	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201910R1001	AA1-24 Shunt Trip 20-24V	Cuộn shunt của aptomat khởi động động cơ loại AA1-24	1,473,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201910R1002	AA1-110 Shunt Trip 110V	Cuộn shunt của aptomat khởi động động cơ loại AA1-110	1,473,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201910R1003	AA1-230 Shunt Trip 200-240V	Cuộn shunt của aptomat khởi động động cơ loại AA1-230	1,473,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201910R1004	AA1-400 Shunt Trip 350-415V	Cuộn shunt của aptomat khởi động động cơ loại AA1-400	1,473,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201904R1001	UA1-24 Undervoltage release 24 V	Bộ bảo vệ quá áp cho aptomat loại UA1-24	1,337,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201904R1002	UA1-48 Undervoltage release 48V	Bộ bảo vệ quá áp cho aptomat loại UA1-48	1,337,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201904R1003	UA1-110 Undervoltage release 110V	Bộ bảo vệ quá áp cho aptomat loại UA1-110	1,337,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201904R1005	UA1-230 Undervoltage release 230 V	Bộ bảo vệ quá áp cho aptomat loại UA1-230	1,337,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1102	PS1-2-0-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	659,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1103	PS1-3-0-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	659,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1104	PS1-4-0-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	977,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1112	PS1-2-1-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	724,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1113	PS1-3-1-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	911,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1114	PS1-4-1-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	1,011,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1115	PS1-2-2-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	1,165,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1122	PS1-2-2-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	748,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1123	PS1-3-2-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	977,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1124	PS1-4-2-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	1,064,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SAM201906R1125	PS1-5-2-65 3-phase busbar	Thành kết nối chính cho cầu dao khởi động động cơ loại P	1,251,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL137001R1110	AF09-30-10-11	Công tắc loại AF09-30-10-11	968,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL137001R1101	AF09-30-01-11	Công tắc loại AF09-30-01-11	968,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL137001R1210	AF09-30-10-12	Công tắc loại AF09-30-10-12	968,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL137001R1201	AF09-30-01-12	Công tắc loại AF09-30-01-12	968,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL137001R1310	AF09-30-10-13	Công tắc loại AF09-30-10-13	968,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL137001R1301	AF09-30-01-13	Công tắc loại AF09-30-01-13	968,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL137001R1410	AF09-30-10-14	Công tắc loại AF09-30-10-14	968,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL137001R1401	AF09-30-01-14	Công tắc loại AF09-30-01-14	968,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL157001R1110	AF12-30-10-11	Công tắc loại AF12-30-10-11	1,163,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL157001R1101	AF12-30-01-11	Công tắc loại AF12-30-01-11	1,163,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL157001R1210	AF12-30-10-12	Công tắc loại AF12-30-10-12	1,163,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL157001R1201	AF12-30-01-12	Công tắc loại AF12-30-01-12	1,163,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL157001R1310	AF12-30-10-13	Công tắc loại AF12-30-10-13	1,163,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL157001R1301	AF12-30-01-13	Công tắc loại AF12-30-01-13	1,163,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL157001R1410	AF12-30-10-14	Công tắc loại AF12-30-10-14	1,163,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL157001R1401	AF12-30-01-14	Công tắc loại AF12-30-01-14	1,163,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL177001R1110	AF16-30-10-11	Công tắc loại AF16-30-10-11	1,550,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL177001R1101	AF16-30-01-11	Công tắc loại AF16-30-01-11	1,550,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL177001R1210	AF16-30-10-12	Công tắc loại AF16-30-10-12	1,550,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL177001R1201	AF16-30-01-12	Công tắc loại AF16-30-01-12	1,550,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL177001R1310	AF16-30-10-13	Công tắc loại AF16-30-10-13	1,550,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL177001R1301	AF16-30-01-13	Công tắc loại AF16-30-01-13	1,550,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL177001R1410	AF16-30-10-14	Công tắc loại AF16-30-10-14	1,550,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL177001R1401	AF16-30-01-14	Công tắc loại AF16-30-01-14	1,550,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL237001R1100	AF26-30-00-11	Công tắc loại AF26-30-00-11	2,170,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL237001R1200	AF26-30-00-12	Công tắc loại AF26-30-00-12	2,170,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL237001R1300	AF26-30-00-13	Công tắc loại AF26-30-00-13	2,170,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL237001R1400	AF26-30-00-14	Công tắc loại AF26-30-00-14	2,170,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL277001R1100	AF30-30-00-11	Công tắc loại AF30-30-00-11	2,710,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL277001R1200	AF30-30-00-12	Công tắc loại AF30-30-00-12	2,710,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL277001R1300	AF30-30-00-13	Công tắc loại AF30-30-00-13	2,710,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL277001R1400	AF30-30-00-14	Công tắc loại AF30-30-00-14	2,710,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL297001R1100	AF38-30-00-11	Công tắc loại AF38-30-00-11	4,274,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL297001R1200	AF38-30-00-12	Công tắc loại AF38-30-00-12	4,274,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL297001R1300	AF38-30-00-13	Công tắc loại AF38-30-00-13	4,274,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL297001R1400	AF38-30-00-14	Công tắc loại AF38-30-00-14	4,274,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL347001R1200	AF40-30-00-12	Công tắc loại AF40-30-00-12	8,956,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL347001R1300	AF40-30-00-13	Công tắc loại AF40-30-00-13	5,325,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL347001R1400	AF40-30-00-14	Công tắc loại AF40-30-00-14	5,325,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL367001R1200	AF52-30-00-12	Công tắc loại AF52-30-00-12	1,164,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				
1SBL367001R1300	AF52-30-00-13	Công tắc loại AF52-30-00-13	5,385,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL				

1SFL447001R1311	CONTACTOR#AF140-30-11-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF140-30-11-13	16,141,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL467001R1111	CONTACTOR#AF146-30-11-1#24-60V	Công tắc tơ loại AF146-30-11-11	16,948,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL487001R1211	CONTACTOR#AF146-30-11-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF146-30-11-12	16,948,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL467001R1311	CONTACTOR#AF146-30-11-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF146-30-11-13	16,948,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL487002R1111	CONTACTOR#AF190-30-11-1#24-60V	Công tắc tơ loại AF190-30-11-11	19,483,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL487002R1211	CONTACTOR#AF190-30-11-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF190-30-11-12	19,483,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL487002R1311	CONTACTOR#AF190-30-11-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF190-30-11-13	19,483,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL527002R1111	CONTACTOR#AF205-30-11-1#24-60V	Công tắc tơ loại AF205-30-11-11	23,393,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL527002R1211	CONTACTOR#AF205-30-11-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF205-30-11-12	23,393,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL527002R1311	CONTACTOR#AF205-30-11-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF205-30-11-13	23,393,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL547002R1111	CONTACTOR#AF265-30-11-1#24-60V	Công tắc tơ loại AF265-30-11-11	28,075,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL547002R1211	CONTACTOR#AF265-30-11-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF265-30-11-12	28,075,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL547002R1311	CONTACTOR#AF265-30-11-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF265-30-11-13	28,075,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL587002R1111	CONTACTOR#AF305-30-11-1#24-60V	Công tắc tơ loại AF305-30-11-11	33,682,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL587002R1211	CONTACTOR#AF305-30-11-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF305-30-11-12	33,682,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL587002R1311	CONTACTOR#AF305-30-11-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF305-30-11-13	33,682,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL607002R1111	CONTACTOR#AF370-30-11-1#24-60V	Công tắc tơ loại AF370-30-11-11	40,435,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL607002R1211	CONTACTOR#AF370-30-11-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF370-30-11-12	40,435,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL607002R1311	CONTACTOR#AF370-30-11-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF370-30-11-13	40,435,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL577001R6811	Contactor AF400-30-11 24-60V DC	Công tắc tơ loại AF400-30-11	45,720,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL577001R6911	Contactor AF400-30-11 48-130V AC/DC	Công tắc tơ loại AF400-30-11	45,720,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL577001R7011	Contactor AF400-30-11 100-250V AC/DC	Công tắc tơ loại AF400-30-11	45,720,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL577001R7111	Contactor AF400-30-11 250-500V AC/DC	Công tắc tơ loại AF400-30-11	45,720,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL597001R6811	Contactor AF460-30-11 24-60V DC	Công tắc tơ loại AF460-30-11	53,850,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL597001R6911	Contactor AF460-30-11 48-130V AC/DC	Công tắc tơ loại AF460-30-11	53,850,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL597001R7011	Contactor AF460-30-11 100-250V AC/DC	Công tắc tơ loại AF460-30-11	53,850,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL597001R7111	Contactor AF460-30-11 250-500V AC/DC	Công tắc tơ loại AF460-30-11	57,734,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL617001R6811	Contactor AF580-30-11 24-60V DC	Công tắc tơ loại AF580-30-11	72,117,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL617001R6911	Contactor AF580-30-11 48-130V AC/DC	Công tắc tơ loại AF580-30-11	72,117,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL617001R7011	Contactor AF580-30-11 100-250V AC/DC	Công tắc tơ loại AF580-30-11	72,117,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL617001R7111	Contactor AF580-30-11 250-500V AC/DC	Công tắc tơ loại AF580-30-11	76,055,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL637001R6811	Contactor AF750-30-11 24-60V DC	Công tắc tơ loại AF750-30-11	86,930,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL637001R6911	Contactor AF750-30-11 48-130V AC/DC	Công tắc tơ loại AF750-30-11	86,930,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL637001R7011	Contactor AF750-30-11 100-250V AC/DC	Công tắc tơ loại AF750-30-11	86,930,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL647001R6811	Contactor AF1250-30-11 24-60V DC	Công tắc tơ loại AF1250-30-11	157,950,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL647001R6911	Contactor AF1250-30-11 48-130V AC/DC	Công tắc tơ loại AF1250-30-11	157,950,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL647001R7011	Contactor AF1250-30-11 100-250V AC/DC	Công tắc tơ loại AF1250-30-11	157,950,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL647001R7111	Contactor AF1250-30-11 250-500V AC/DC	Công tắc tơ loại AF1250-30-11	157,950,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL657001R70111	CONTACTOR#AF1350-30-11#100-250V a.c./d.	Công tắc tơ loại AF1350-30-11	269,530,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL677001R7011	CONTACTOR#AF1650-30-11#100-250V a.c./d.	Công tắc tơ loại AF1650-30-11	343,519,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL707001R7011	CONTACTOR#AF2050-30-11#100-250V a.c./d.	Công tắc tơ loại AF2050-30-11	429,396,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL667001R7011	CONTACTOR#AF2650-30-11#100-250V 50/60	Công tắc tơ loại AF2650-30-11	824,438,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL687001R7022	CONTACTOR#AF2850-30-22#100-250V 50/60	Công tắc tơ loại AF2850-30-22	992,331,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN01010R1010	CA4-10	Tiếp điểm phụ của công tắc CA4-10	115,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN01010T1010	CA4-10-T	Tiếp điểm phụ của công tắc CA4-10-T	116,000	CZ	10	ELSP-CF CONTROL
1SBN01010R1001	CA4-01	Tiếp điểm phụ của công tắc CA4-01	115,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN01010T1001	CA4-01-T	Tiếp điểm phụ của công tắc CA4-01-T	116,000	CZ	10	ELSP-CF CONTROL
1SBN01020R1011	CA4-11	Tiếp điểm phụ của công tắc CA4-11	345,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN01020T1011	CA4-11-T	Tiếp điểm phụ của công tắc CA4-11-T	304,000	CZ	10	ELSP-CF CONTROL
1SFN010820R1011	AUX. CONT. BLOCK#CAL19-11	Tiếp điểm phụ của công tắc CAL19-11	643,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN010820R3311	AUX. CONT. BLOCK#CAL19-11B	Tiếp điểm phụ của công tắc CAL19-11B	643,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN010720R1011	Auxiliary Contact Block CAL18-11	Tiếp điểm phụ của công tắc CAL18-11	659,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN010720R3311	AUX. CONTACT#CAL18-11B	Tiếp điểm phụ của công tắc CAL18-11B	659,000	CN	2	ELSP-CF CONTROL
1SBN030105T1000	VM4	Khóa liên động của công tắc chuyển mạch VM4	258,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SBN033405T1000	VM96-4	Khóa liên động của công tắc chuyển mạch VM96-4	307,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SFN03300R1000	Mech.interlock#VM19	Khóa liên động của công tắc chuyển mạch VM19	2,032,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN034403R1000	MECH. INTERLOCK#VM140/190	Khóa liên động của công tắc chuyển mạch VM140/190	2,032,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN035203R1000	MECH. INTERLOCK#M205/265	Khóa liên động của công tắc chuyển mạch VM205/265	2,085,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN03520R1000	MECH. INTERLOCK#M750H	Khóa liên động của công tắc chuyển mạch VM750H	3,277,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN03011R1000	VEM4	Khóa liên động của công tắc chuyển mạch VEM4	548,000	PL	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN020112R1000	TEF4-ON	Rơ le thời gian mở TEF4-ON	1,961,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN020114R1000	TEF4-OFF	Rơ le thời gian đóng TEF4-OFF	1,890,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN081306T1000	BEA16-4	Thanh nối cho cầu dao khởi động động cơ BEA16-4	241,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SBN082306T1000	BEA26-4	Thanh nối cho cầu dao khởi động động cơ BEA26-4	283,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SBN082306T2000	BEA38-4	Thanh nối cho cầu dao khởi động động cơ BEA38-4	283,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SBL137201R1100	AF26-40-00-11	Công tắc tơ loại AF26-40-00-11	1,251,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL177201R1100	AF16-40-00-11	Công tắc tơ loại AF16-40-00-11	1,772,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL237201R1100	AF26-40-00-11	Công tắc tơ loại AF26-40-00-11	2,710,000	FR	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL297201R1100	AF38-40-00-11	Công tắc tơ loại AF38-40-00-11	5,213,000	FR	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL137201R1200	AF09-40-00-12	Công tắc tơ loại AF09-40-00-12	1,251,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL137201R1300	AF09-40-00-13	Công tắc tơ loại AF09-40-00-13	1,074,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL177201R1200	AF16-40-00-12	Công tắc tơ loại AF16-40-00-12	1,772,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL177201R1300	AF16-40-00-13	Công tắc tơ loại AF16-40-00-13	1,521,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL237201R1200	AF26-40-00-12	Công tắc tơ loại AF26-40-00-12	2,710,000	FR	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL237201R1300	AF26-40-00-13	Công tắc tơ loại AF26-40-00-13	2,326,000	FR	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL297201R1200	AF38-40-00-12	Công tắc tơ loại AF38-40-00-12	5,213,000	FR	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL297201R1300	AF38-40-00-13	Công tắc tơ loại AF38-40-00-13	4,475,000	FR	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL347201R1100	AF40-40-00-11	Công tắc tơ loại AF40-40-00-11	10,967,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL347201R1200	AF40-40-00-12	Công tắc tơ loại AF40-40-00-12	10,967,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL347201R1300	AF40-40-00-13	Công tắc tơ loại AF40-40-00-13	6,602,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL367201R1100	AF52-40-00-11	Công tắc tơ loại AF52-40-00-11	9,751,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL367201R1200	AF52-40-00-12	Công tắc tơ loại AF52-40-00-12	9,751,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL367201R1300	AF52-40-00-13	Công tắc tơ loại AF52-40-00-13	7,218,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL397201R1100	AF80-40-00-11	Công tắc tơ loại AF80-40-00-11	14,037,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL397201R1200	AF80-40-00-12	Công tắc tơ loại AF80-40-00-12	14,037,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL397201R1300	AF80-40-00-13	Công tắc tơ loại AF80-40-00-13	8,734,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL427101R1100	Contactor#AF116-40-00-11#24-60V	Công tắc tơ loại AF116-40-00-11	22,296,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL427101R1200	Contactor#AF116-40-00-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF116-40-00-12	22,296,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL427101R1300	Contactor#AF116-40-00-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF116-40-00-13	22,296,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL447101R1100	Contactor#AF140-40-00-11#24-60V	Công tắc tơ loại AF140-40-00-11	27,154,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL447101R1200	Contactor#AF140-40-00-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF140-40-00-12	27,154,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL447101R1300	Contactor#AF140-40-00-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF140-40-00-13	18,315,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL487102R1100	Contactor#AF190-40-00-11#24-60V	Công tắc tơ loại AF190-40-00-11	29,983,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL487102R1200	Contactor#AF190-40-00-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF190-40-00-12	29,983,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL487102R1300	Contactor#AF190-40-00-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF190-40-00-13	28,032,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL527102R1100	Contactor#AF205-40-00-11#24-60V	Công tắc tơ loại AF205-40-00-11	52,611,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL527102R1200	Contactor#AF205-40-00-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF205-40-00-12	52,611,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL527102R1300	Contactor#AF205-40-00-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF205-40-00-13	49,599,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL547102R1100	Contactor#AF265-40-00-11#24-60V	Công tắc tơ loại AF265-40-00-11	58,101,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL547102R1200	Contactor#AF265-40-00-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF265-40-00-12	58,101,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL547102R1300	Contactor#AF265-40-00-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF265-40-00-13	55,802,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL587102R1100	Contactor#AF305-40-00-11#24-60V	Công tắc tơ loại AF305-40-00-11	70,666,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL587102R1200	Contactor#AF305-40-00-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF305-40-00-12	70,666,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL587102R1300	Contactor#AF305-40-00-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF305-40-00-13	70,666,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL607102R1100	Contactor#AF370-40-00-11#24-60V	Công tắc tơ loại AF370-40-00-11	74,419,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL607102R1200	Contactor#AF370-40-00-12#48-130V	Công tắc tơ loại AF370-40-00-12	74,419,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL607102R1300	Contactor#AF370-40-00-13#100-250V	Công tắc tơ loại AF370-40-00-13	74,419,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
SK827041-EM	CONTACTOR EK550-40-11 220-230V 50Hz	Công tắc tơ loại EK550-40-11	124,805,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
SK827044-EM	CONTACTOR EK1000-40-11 220-230V 50Hz	Công tắc tơ loại EK1000-40-11	155,727,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN01040R1022	CA4-22E	Tiếp điểm phụ của công tắc tơ loại CA4-22E	460,000	PL	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN081313R2000	BEY16-4	Thanh nối hỗ trợ khởi động sao tam giác BEY16-4	614,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN082713R2000	BEY38-4	Thanh nối hỗ trợ khởi động sao tam giác BEY38-4	1,012,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN083413R2000	BEY65-4	Thanh nối hỗ trợ khởi động sao tam giác BEY65-4	1,307,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN083913R2000	BEY96-4	Thanh nối hỗ trợ khởi động sao tam giác BEY96-4	1,652,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL901074R8110	Contactor AX09-30-10 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX09-30-10-81	577,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL901074R8101	Contactor AX09-30-01 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX09-30-01-81	577,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL901074R8410	Contactor AX09-30-10-84 110V/50HZ	Công tắc tơ loại AX09-30-10-84	577,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL901074R8010	Contactor AX09-30-10-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX09-30-10-80	577,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL901074R8001	Contactor					

1SBL921074R8010	Contactactor AX18-30-10-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX18-30-10-80	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL921074R8001	Contactactor AX18-30-01-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX18-30-01-80	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL921074R8810	Contactactor AX18-30-10-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX18-30-10-88	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL921074R8801	Contactactor AX18-30-01-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX18-30-01-88	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL931074R8110	Contactactor AX25-30-10 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX25-30-10-81	1,193,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL931074R8101	Contactactor AX25-30-01 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX25-30-01-81	1,193,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL931074R8410	Contactactor AX25-30-10-84 110V/50HZ	Công tắc tơ loại AX25-30-10-84	1,193,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL931074R8401	Contactactor AX25-30-01-84 110V/50HZ	Công tắc tơ loại AX25-30-01-84	1,193,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL931074R8010	Contactactor AX25-30-10-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX25-30-10-80	1,193,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL931074R8001	Contactactor AX25-30-01-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX25-30-01-80	1,193,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL931074R8810	Contactactor AX25-30-10-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX25-30-10-88	1,193,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL931074R8801	Contactactor AX25-30-01-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX25-30-01-88	1,193,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL281074R8110	Contactactor AX32-30-10 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX32-30-10-81	1,729,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL281074R8101	Contactactor AX32-30-01 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX32-30-01-81	1,729,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL281074R8410	Contactactor AX32-30-10 110V50/110-120V60HZ	Công tắc tơ loại AX32-30-10-84	1,729,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL281074R8401	Contactactor AX32-30-01 110V50/110-120V60HZ	Công tắc tơ loại AX32-30-01-84	1,729,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL281074R8001	Contactactor AX32-30-10-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX32-30-10-80	1,729,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL281074R8810	Contactactor AX32-30-10-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX32-30-10-88	2,530,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL281074R8801	Contactactor AX32-30-01-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX32-30-01-88	1,729,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL321074R8110	Contactactor AX40-30-10 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX40-30-10-81	2,530,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL321074R8101	Contactactor AX40-30-01 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX40-30-01-81	2,530,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL321074R8410	Contactactor AX40-30-10 110V50/110-120V60HZ	Công tắc tơ loại AX40-30-10-84	2,530,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL321074R8401	Contactactor AX40-30-01 110V50/110-120V60HZ	Công tắc tơ loại AX40-30-01-84	2,530,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL321074R8010	Contactactor AX40-30-10-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX40-30-10-80	2,530,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL321074R8001	Contactactor AX40-30-01-80 220-230V/50HZ/230-24	Công tắc tơ loại AX40-30-01-80	2,530,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL321074R8810	Contactactor AX40-30-10-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX40-30-10-88	2,530,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL321074R8801	Contactactor AX40-30-01-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX40-30-01-88	2,530,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL351074R8100	Contactactor AX50-30 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX50-30-00-81	2,766,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL351074R8400	Contactactor AX50-30 110V50HZ/110-120V60HZ	Công tắc tơ loại AX50-30-00-84	2,766,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL351074R8000	Contactactor AX50-30-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX50-30-00-80	2,766,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL351074R8800	Contactactor AX50-30-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX50-30-00-88	2,766,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL351074R8111	Contactactor AX50-30-11 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX50-30-11-81	2,766,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL351074R8411	Contactactor AX50-30-11-84 110V/50HZ	Công tắc tơ loại AX50-30-11-84	2,766,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL351074R8011	Contactactor AX50-30-11-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX50-30-11-80	2,766,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL351074R8811	Contactactor AX50-30-11-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX50-30-11-88	2,766,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL371074R8100	Contactactor AX65-30 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX65-30-00-81	3,343,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL371074R8400	Contactactor AX65-30 110V50HZ/110-120V60HZ	Công tắc tơ loại AX65-30-00-84	3,343,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL371074R8000	Contactactor AX65-30-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX65-30-00-80	3,343,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL371074R8800	Contactactor AX65-30-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX65-30-00-88	3,343,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL371074R8111	Contactactor AX65-30-11 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX65-30-11-81	3,343,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL371074R8411	Contactactor AX65-30-11-84 110V/50HZ	Công tắc tơ loại AX65-30-11-84	3,343,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL371074R8011	Contactactor AX65-30-11-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX65-30-11-80	3,343,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL371074R8811	Contactactor AX65-30-11-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX65-30-11-88	3,343,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL411074R8100	Contactactor AX80-30 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX80-30-00-81	4,380,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL411074R8400	Contactactor AX80-30 110V50HZ/110-120V60HZ	Công tắc tơ loại AX80-30-00-84	4,380,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL411074R8000	Contactactor AX80-30-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX80-30-00-80	4,380,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL411074R8800	Contactactor AX80-30-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX80-30-00-88	4,380,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL411074R8111	Contactactor AX80-30-11 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX80-30-11-81	4,380,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL411074R8411	Contactactor AX80-30-11-84 110V/50HZ	Công tắc tơ loại AX80-30-11-84	4,380,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL411074R8011	Contactactor AX80-30-11-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại AX80-30-11-80	4,380,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL411074R8811	Contactactor AX80-30-11-88 230-240V/50HZ	Công tắc tơ loại AX80-30-11-88	4,380,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL431074R8111	Contactactor AX95-30-11 24V 50/60HZ	Công tắc tơ loại AX95-30-11-81	6,570,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL431074R8411	Contactactor AX95-30-11 110V 50Hz/110-120V	Công tắc tơ loại AX95-30-11-84	6,570,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL431074R8011	Contactactor AX95-30-11 220-230V 50Hz/230-2	Công tắc tơ loại AX95-30-11-80	6,570,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL431074R8811	Contactactor AX95-30-11 230-240V 50Hz/240V	Công tắc tơ loại AX95-30-11-88	6,570,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL981074R8111	Contactactor AX115-30-11 24V 50/60HZ	Công tắc tơ loại AX115-30-11-81	8,917,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL981074R8411	Contactactor AX115-30-11 110V 50Hz/110-120V	Công tắc tơ loại AX115-30-11-84	8,917,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL981074R8011	Contactactor AX115-30-11 220-230V 50Hz/230-	Công tắc tơ loại AX115-30-11-80	8,917,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL981074R8811	Contactactor AX115-30-11 230-240V 50Hz/240V	Công tắc tơ loại AX115-30-11-88	8,917,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL991074R8111	Contactactor AX150-30-11 24V 50/60HZ	Công tắc tơ loại AX150-30-11-81	11,262,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL991074R8411	Contactactor AX150-30-11 110V 50Hz/110-120V	Công tắc tơ loại AX150-30-11-84	11,262,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL991074R8011	Contactactor AX150-30-11 220-230V 50Hz/230-	Công tắc tơ loại AX150-30-11-80	11,262,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL991074R8811	Contactactor AX150-30-11 230-240V 50Hz/240V	Công tắc tơ loại AX150-30-11-88	11,262,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL491074R8111	Contactactor AX185-30-11 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX185-30-11-81	14,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL491074R8411	Contactactor AX185-30-11 110V50/110-120V60H	Công tắc tơ loại AX185-30-11-84	14,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL491074R8011	Contactactor AX185-30-11 220V-230V50Hz/230-	Công tắc tơ loại AX185-30-11-80	14,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL491074R8811	Contactactor AX185-30-11 230-240V 50Hz/240V	Công tắc tơ loại AX185-30-11-88	14,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL491074R8611	Contactactor AX185-30-11 400-415V 50Hz/415V	Công tắc tơ loại AX185-30-11-86	14,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL501074R8111	Contactactor AX205-30-11 24V50/60HZ	Công tắc tơ loại AX205-30-11-81	16,844,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL501074R8411	Contactactor AX205-30-11 110V50/110-120V60H	Công tắc tơ loại AX205-30-11-84	16,844,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL501074R8011	Contactactor AX205-30-11 220V-230V50Hz/230-	Công tắc tơ loại AX205-30-11-80	16,844,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL501074R8811	Contactactor AX205-30-11 230-240V 50Hz/240V	Công tắc tơ loại AX205-30-11-88	16,844,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL501074R8611	Contactactor AX205-30-11 400-415V 50Hz/415V	Công tắc tơ loại AX205-30-11-86	16,844,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL547074R8111	Contactactor AX260 24V 50/60HZ	Công tắc tơ loại AX260-30-11-81	20,218,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL547074R8411	Contactactor AX260 110V 50Hz/110-120V 60HZ	Công tắc tơ loại AX260-30-11-84	20,218,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL547074R8011	Contactactor AX260 220-230V/50Hz230-240V60HZ	Công tắc tơ loại AX260-30-11-80	20,218,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL547074R8811	Contactactor AX260 230-240V/50Hz240-260V60HZ	Công tắc tơ loại AX260-30-11-88	20,218,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL587074R8111	Contactactor AX300 24V 50/60HZ	Công tắc tơ loại AX300-30-11-81	24,253,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL587074R8411	Contactactor AX300 110V 50Hz/110-120V 60HZ	Công tắc tơ loại AX300-30-11-84	24,253,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL587074R8011	Contactactor AX300 220-230V/50Hz230-240V60HZ	Công tắc tơ loại AX300-30-11-80	24,253,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL587074R8811	Contactactor AX300 230-240V/50Hz240-260V60HZ	Công tắc tơ loại AX300-30-11-88	24,253,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL607074R8111	Contactactor AX370 24V 50/60HZ	Công tắc tơ loại AX370-30-11-81	29,115,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL607074R8411	Contactactor AX370 110V 50Hz/110-120V 60HZ	Công tắc tơ loại AX370-30-11-84	29,115,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL607074R8011	Contactactor AX370 220-230V/50Hz230-240V60HZ	Công tắc tơ loại AX370-30-11-80	29,115,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL607074R8811	Contactactor AX370 230-240V/50Hz240-260V60HZ	Công tắc tơ loại AX370-30-11-88	29,115,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN019010R1010	CASX-10 CONTACT AUX.	Tiếp điểm phụ của công tắc tơ loại CASX-10	97,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SBN019010R1001	CASX-01 CONTACT AUX.	Tiếp điểm phụ của công tắc tơ loại CASX-01	97,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SBN019020R1011	CAL5X-11 CONTACT AUX.	Tiếp điểm phụ của công tắc tơ loại CAL5X-11	292,000	CN	2	ELSP-CF CONTROL
1SFN019820R1011	Auxiliary Contact Block CAL18X-11	Tiếp điểm phụ của công tắc tơ loại CAL18X-11	352,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN03010R1000	VM5-1 VERROUILL.MECA EL	Khóa liên động của công tắc chuyển mạch VM5-1	509,000	CZ	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN030110R1000	VE5-1 VERROUILL.MECA EL	Khóa liên động của công tắc chuyển mạch VE5-1	744,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN030210R1000	VE5-2 VERROUILL.MECA EL	Khóa liên động của công tắc chuyển mạch VE5-2	799,000	CZ	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN020312R1000	TEF5-ON	Rơ le thời gian mở TEF5-ON	1,817,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN020314R1000	TEF5-OFF	Rơ le thời gian đóng TEF5-OFF	1,961,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN081406R1000	BEA16/116	Thanh nối cho cầu dao khởi động động cơ loại BEA16/116	251,000	RO	10	ELSP-CF CONTROL
1SBN0893061001	CONNECTING KIT BEA25/116	Thanh nối cho cầu dao khởi động động cơ loại BEA25/116	238,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBN0893061001	CONNECTING KIT BEA25/132	Thanh nối cho cầu dao khởi động động cơ loại BEA25/132	270,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN019820R3311	Auxiliary Contact Block CAL18X-11B	Tiếp điểm phụ của công tắc tơ loại CAL18X-11B	352,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730210R3300	CT-SDS 22S Time relay, star-delta	Rơ le thời gian trễ dùng cho khởi động Star-delta ON-delay	2,701,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730100R0300	CT-ERS 21S Time relay, ON-delay	Rơ le thời gian trễ kiểu ON-delay	3,193,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1005	TF42-0.13 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-0.13	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1008	TF42-0.17 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-0.17	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1009	TF42-0.23 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-0.23	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1013	TF42-0.31 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-0.31	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1014	TF42-0.41 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-0.41	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1017	TF42-0.55 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-0.55	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1021	TF42-0.74 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-0.74	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1023	TF42-1.0 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-1.0	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1025	TF42-1.3 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-1.3	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1028	TF42-1.7 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-1.7	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1031	TF42-2.3 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-2.3	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1033	TF42-3.1 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-3.1	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1035	TF42-4.2 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-4.2	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1038	TF42-5.7 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-5.7	1,003,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ721201R1040	TF42-7.6 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF42-				

1SAZ911201R1005	Thermal Overload Relay TF96 87A	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF96-87	5,603,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ911201R1006	Thermal Overload Relay TF96 96A	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF96-96	6,000,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ431201R1001	TF140DU-90 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF140DU-90	5,465,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ431201R1002	TF140DU-110 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF140DU-110	5,692,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ431201R1003	TF140DU-135 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF140DU-135	6,250,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ431201R1004	TF140DU-142 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF140DU-142	6,606,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ431301R1001	TF140DU-90-V1000 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF140DU-90-V1000*	6,386,000	CZ	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ431301R1002	TF140DU-110-V1000 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF140DU-110-V1000*	6,886,000	CZ	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ431301R1003	TF140DU-135-V1000 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF140DU-135-V1000*	7,307,000	CZ	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ431301R1004	TF140DU-142-V1000 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TF140DU-142-V1000*	7,724,000	CZ	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ421201R1001	TA200DU-90 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA200DU-90	5,716,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ421201R1002	TA200DU-110 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA200DU-110	6,072,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ421201R1003	TA200DU-135 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA200DU-135	6,428,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ421201R1004	TA200DU-150 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA200DU-150	6,782,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ421201R1005	TA200DU-175 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA200DU-175	6,856,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ421201R1006	TA200DU-200 Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA200DU-200	7,000,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX121001R1101	Electronic Overload Relay EF19 0.32A	Rơ le điện tử loại EF19-0.32	4,259,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX121001R1102	Electronic Overload Relay EF19 1.0A	Rơ le điện tử loại EF19-1.0	4,259,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX121001R1103	Electronic Overload Relay EF19 2.7A	Rơ le điện tử loại EF19-2.7	4,259,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX121001R1104	Electronic Overload Relay EF19 6.3A	Rơ le điện tử loại EF19-6.3	4,735,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX121001R1105	Electronic Overload Relay EF19 18.9A	Rơ le điện tử loại EF19-18.9	4,735,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX221001R1101	Electronic Overload Relay EF45 30A	Rơ le điện tử loại EF45-30	8,653,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX221001R1102	Electronic Overload Relay EF45 45A	Rơ le điện tử loại EF45-45	10,448,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX331001R1102	Electronic Overload Relay EF65 56A	Rơ le điện tử loại EF65-56	11,274,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX331001R1101	Electronic Overload Relay EF65 70A	Rơ le điện tử loại EF65-70	11,274,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX341001R1102	Electronic Overload Relay EF96 56A	Rơ le điện tử loại EF96-56	13,640,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX341001R1101	Electronic Overload Relay EF96 100A	Rơ le điện tử loại EF96-100	13,778,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX351001R1101	Electronic Overload Relay EF146 150A	Rơ le điện tử loại EF146-150	15,309,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX331001R1101	Electronic Overload Relay EF205	Rơ le điện tử loại EF205-210	14,213,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX611001R1101	Electronic Overload Relay EF370	Rơ le điện tử loại EF370-380	18,584,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX721001R1101	Electronic Overload Relay EF460	Rơ le điện tử loại EF460-500	24,050,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX821001R1101	Electronic Overload Relay EF750	Rơ le điện tử loại EF750-800	30,608,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2005	TA25DU-0.16M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-0.16M	824,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2009	TA25DU-0.25M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-0.25M	824,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2013	TA25DU-0.4M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-0.4M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2017	TA25DU-0.63M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-0.63M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2021	TA25DU-1.0M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-1.0M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2023	TA25DU-1.4M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-1.4M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2025	TA25DU-1.8M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-1.8M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2028	TA25DU-2.4M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-2.4M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2031	TA25DU-3.1M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-3.1M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2033	TA25DU-4.0M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-4.0M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2035	TA25DU-5.0M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-5.0M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2038	TA25DU-6.5M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-6.5M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2040	TA25DU-8.5M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-8.5M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2043	TA25DU-11M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-11M	782,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2045	TA25DU-14M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-14M	823,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2047	TA25DU-17M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-17M	912,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2051	TA25DU-25M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-25M	912,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ211201R2053	TA25DU-32M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA25DU-32M	1,262,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ311201R2001	TA42DU-25M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA42DU-25M	1,371,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ311201R2002	TA42DU-32M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA42DU-32M	1,610,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ311201R2003	TA42DU-42M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA42DU-42M	2,102,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ321201R2001	TA75DU-25M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA75DU-25M	1,371,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ321201R2002	TA75DU-32M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA75DU-32M	2,104,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ321201R2003	TA75DU-42M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA75DU-42M	2,104,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ321201R2004	TA75DU-52M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA75DU-52M	2,615,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ321201R2005	TA75DU-63M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA75DU-63M	3,074,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAZ321201R2006	TA75DU-80M Thermal Overload Relay	Rơ le nhiệt bảo vệ loại TA75DU-80M	3,181,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX111001R1101	Electronic Overload Relay E16DU 0.32A	Rơ le điện tử E16DU-0.32	4,259,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX111001R1102	Electronic Overload Relay E16DU 1.0A	Rơ le điện tử E16DU-1.0	4,259,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX111001R1103	Electronic Overload Relay E16DU 2.7A	Rơ le điện tử E16DU-2.7	4,259,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX111001R1104	Electronic Overload Relay E16DU 6.3A	Rơ le điện tử E16DU-6.3	4,735,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SAX111001R1105	Electronic Overload Relay E16DU 18.9A	Rơ le điện tử E16DU-18.9	4,735,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBE11111R0620	ESB16-20N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB16-20N-06	1,227,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBE11111R0602	ESB16-02N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB16-02N-06	1,279,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBE11111R0611	ESB16-11N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB16-11N-06	1,279,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBE12111R0620	ESB20-20N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB20-20N-06	1,361,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBE12111R0602	ESB20-02N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB20-02N-06	1,420,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBE12111R0611	ESB20-11N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB20-11N-06	1,361,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE23111R0640	ESB25-04N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB25-04N-06	1,025,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE23111R0604	ESB25-04N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB25-04N-06	1,135,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE23111R0622	ESB25-22N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB25-22N-06	1,132,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE23111R0631	ESB25-31N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB25-31N-06	1,079,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE23111R0613	ESB25-13N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB25-13N-06	1,101,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE34111R0640	ESB40-40N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB40-40N-06	1,867,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE34111R0622	ESB40-22N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB40-22N-06	2,078,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE34111R0631	ESB40-31N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB40-31N-06	2,014,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE34111R0630	ESB40-30N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB40-30N-06	1,867,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE34111R0620	ESB40-20N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB40-20N-06	1,835,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE35111R0640	ESB63-40N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB63-40N-06	2,713,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE35111R0631	ESB63-31N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB63-31N-06	2,713,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE35111R0630	ESB63-30N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB63-30N-06	2,737,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE35111R0620	ESB63-20N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB63-20N-06	2,713,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE60111R0640	ESB100-40N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB100-40N-06	11,103,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE30111R0620	ESB100-20N-06 Installation Contactor	Công tắc tơ loại ESB100-20N-06	10,650,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SAE09101R1011	EH04-11N Auxiliary contact block	Tiếp điểm phụ loại EH04-11N	338,000	BG	10	ELSP-CF CONTROL
1SAE09101R1020	EH04-20N Auxiliary contact block	Tiếp điểm phụ loại EH04-20N	338,000	BG	10	ELSP-CF CONTROL
1SBL181022R8010	UA16-30-10 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA 16-30-10	2,611,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL281022R8010	UA26-30-10 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA 26-30-10	3,341,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL281022R8010	UA30-30-10 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA 30-30-10	4,008,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL351022R8011	UA63-30-11 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA 63-30-11	5,763,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL371022R8011	UA63-30-11 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA 63-30-11	8,063,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL411022R8011	UA75-30-11 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA 75-30-11	9,217,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL431022R8011	Contactor UA95-30-11-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA 95-30-11	8,853,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL451022R8011	Contactor UA110-30-11-80 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA 110-30-11	14,248,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL181024R8010	UA16-30-10RA 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA16-30-10RA 220-230V/50HZ	3,888,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL241024R8010	UA26-30-10RA 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA26-30-10RA 220-230V/50HZ	5,636,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL281024R8010	UA30-30-10RA 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA30-30-10RA 220-230V/50HZ	6,884,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL351024R8000	UA50-30-00 RA 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA50-30-00 RA 220-230V/50HZ	9,374,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL371024R8000	UA63-30-00 RA 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA63-30-00 RA 220-230V/50HZ	10,539,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL411024R8000	UA75-30-00 RA 220-230V/50HZ	Công tắc tơ loại UA75-30-00 RA 220-230V/50HZ	10,460,000	BG	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL431024R8000	CONTACTORUA95-30-00RA#220-230V 50Hz	Công tắc tơ loại UA95-30-00RA#220-230V 50Hz	22,813,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFL451024R8000	CONTACTORUA110-30-00RA#220-230V 50Hz	Công tắc tơ loại UA110-30-00RA#220-230V 50Hz	27,260,000	IN	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730840R0400	CM-SRS.21S Current monitoring relay	Rơ le giám sát dòng điện CM-SRS.21S 24-240 V AC/DC	8,277,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730841R0400	CM-SRS.21S Current monitoring relay	Rơ le giám sát dòng điện CM-SRS.21S 110-130 V AC	7,080,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730841R1400	CM-SRS.21S Current monitoring relay	Rơ le giám sát dòng điện CM-SRS.21S 220-240 V AC	7,080,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730840R0500	CM-SRS.22S Current monitoring relay	Rơ le giám sát dòng điện CM-SRS.22S 24-240 V AC/DC	8,277,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730841R0500	CM-SRS.22S Current monitoring relay	Rơ le giám sát dòng điện CM-SRS.22S 110-130 V AC	7,080,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730841R1500	CM-SRS.22S Current monitoring relay	Rơ le giám sát dòng điện CM-SRS.22S 220-240 V AC	7,080,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730830R0400	CM-ESS.2S Voltage monitoring relay	Rơ le giám sát điện áp một pha loại CM-ESS.2S 24-240 V	8,277,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730831R0400	CM-ESS.2S Voltage monitoring relay	Rơ le giám sát điện áp một pha loại CM-ESS.2S 110-130 V	7,080,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730831R1400	CM-ESS.2S Voltage monitoring relay	Rơ le giám sát điện áp một pha loại CM-ESS.2S 220-240 V	7,080,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730794R1300	CM-PVS.31S Three-phase monitoring relay	Rơ le giám sát 3 pha điện áp loại CM-PVS.31S	8,626,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730794R3300	CM-PVS.41S Three-phase monitoring relay	Rơ le giám sát 3 pha điện áp loại CM-PVS.41S	8,626,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730600R0100	CM-IWS.1S Insulation monitoring relay	Rơ le giám sát cách ly trung tính loại CM-IWS.1S	11,269,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730740R0100	CM-TCS.11S Temperature monitoring relay	Rơ le giám sát nhiệt độ CM-TCS.11S	9,374,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730740R0200	CM-TCS.12S Temperature monitoring relay	Rơ le giám sát nhiệt độ CM-TCS.12S	9,374,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730740R0300	CM-TCS.13S Temperature monitoring relay	Rơ le giám sát nhiệt độ CM-TCS.13S	9,374,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730740R9100	CM-TCS.21S Temperature monitoring relay	Rơ le giám sát nhiệt độ CM-TCS.21S	7,679,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730740R9200	CM-TCS.22S Temperature monitoring relay	Rơ le giám sát nhiệt độ CM-TCS.22S	7,679,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730740R9300	CM-TCS.23S Temperature monitoring relay	Rơ le giám sát nhiệt độ CM-TCS.23S	7,679,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR427033R3000	CP-E 5/3.0 Power supply	Bộ cấp nguồn loại CP-E 5/3.0	4,057,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR427032R1000	CP-E 12/2					

1SVR405631R1000	CR-MX024DC2 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX024DC2	192,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405631R8000	CR-MX110DC2 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX110DC2	227,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405631R3000	CR-MX230AC2 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX230AC2	238,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405641R1000	CR-MX110DC2T Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX024DC2T	127,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405641R8000	CR-MX110DC2T Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX110DC2T	141,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405641R3000	CR-MX230AC2T Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX230AC2	144,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405633R1000	CR-MX024DC4 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX024DC4	214,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405633R8000	CR-MX110DC4 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX110DC4	252,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405633R3000	CR-MX230AC4 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX230AC4	251,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405643R1000	CR-MX024C4T Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX024C4T	132,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405643R8000	CR-MX110DC4T Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX110DC4T	147,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405643R3000	CR-MX230AC4T Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-MX230AC4T	149,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405631R1100	CR-MX024DC2L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX024DC2L	223,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405631R8100	CR-MX110DC2L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX110DC2L	256,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405631R3100	CR-MX230AC2L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX230AC2L	272,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405641R1100	CR-MX024DC2LT Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX024DC2LT	145,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405641R8100	CR-MX110DC2LT Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX110DC2LT	158,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405641R3100	CR-MX230AC2LT Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX230AC2LT	163,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405633R1100	CR-MX024DC4L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX024DC4L	253,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405633R8100	CR-MX110DC4L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX110DC4L	287,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405633R3100	CR-MX230AC4L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX230AC4L	287,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405643R1100	CR-MX024DC4LT Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX024DC4LT	151,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405643R8100	CR-MX110DC4LT Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX110DC4LT	166,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405643R3100	CR-MX230AC4LT Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-MX230AC4LT	170,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R1400	CR-M2SFB Standard socket, fork type	Ổ cắm loại CR-M2SFB	191,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R3400	CR-M4SFB Standard socket, fork type	Ổ cắm loại CR-M4SFB	321,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405659R1100	CR-MH1 Metal holder for CR-M sockets	Đế của ổ cắm bằng thép loại CR-MH1	26,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R0000	CR-PM 22 Pluggable module	Thiết bị bảo vệ cực tính CR-PM 22	73,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R4000	CR-M012DC2 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M012DC2	330,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R1000	CR-M024DC2 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M024DC2	336,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R8000	CR-M110DC2 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M110DC2	382,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R9000	CR-M220DC2 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M220DC2	410,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R0000	CR-M024AC2 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M024AC2	350,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R7000	CR-M110AC2 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M110AC2	366,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R3000	CR-M230AC2 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M230AC2	384,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R4000	CR-M012DC3 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M012DC3	346,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R1000	CR-M024DC3 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M024DC3	346,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R8000	CR-M110DC3 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M110DC3	394,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R9000	CR-M220DC3 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M220DC3	422,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R0000	CR-M024AC3 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M024AC3	366,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R7000	CR-M110AC3 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M110AC3	377,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R3000	CR-M230AC3 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M230AC3	405,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R4000	CR-M012DC4 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M012DC4	357,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R1000	CR-M024DC4 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M024DC4	357,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R8000	CR-M110DC4 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M110DC4	405,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R9000	CR-M220DC4 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M220DC4	431,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R0000	CR-M24AC4 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M24AC4	377,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R7000	CR-M110AC4 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M110AC4	387,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R0100	CR-M230AC4 Pluggable interface relay	Rơ le không tích hợp đèn LED loại CR-M230AC4	416,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R4100	CR-M012DC2L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M012DC2L	402,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R1100	CR-M024DC2L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M024DC2L	402,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R8100	CR-M110DC2L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M110DC2L	444,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R9100	CR-M220DC2L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M220DC2L	476,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R0100	CR-M024AC2L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M024AC2L	371,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R7100	CR-M110AC2L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M110AC2L	429,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405611R3100	CR-M230AC2L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M230AC2L	459,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R4100	CR-M012DC3L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M012DC3L	411,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R1100	CR-M024DC3L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M024DC3L	411,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R8100	CR-M110DC3L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M110DC3L	459,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R9100	CR-M220DC3L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M220DC3L	480,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R0100	CR-M024AC3L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M024AC3L	429,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R7100	CR-M110AC3L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M110AC3L	439,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405612R3100	CR-M230AC3L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M230AC3L	472,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R4100	CR-M012DC4L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M012DC4L	425,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R1100	CR-M024DC4L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M024DC4L	425,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R8100	CR-M110DC4L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M110DC4L	472,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R0100	CR-M230AC4L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M230AC4L	472,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R0100	CR-M024AC4L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M024AC4L	439,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R7100	CR-M110AC4L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M110AC4L	453,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405613R3100	CR-M230AC4L Pluggable interface relay	Rơ le không có tích hợp đèn LED loại CR-M230AC4L	483,000	PL	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R1100	CR-M2LS Logical socket	Đế logic cho rơ le không CR-M2LS	247,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R2100	CR-M3LS Logical socket	Đế logic cho rơ le không CR-M3LS	264,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R3100	CR-M4LS Logical socket	Đế logic cho rơ le không CR-M4LS	383,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R1000	CR-M2SS Standard socket	Đế logic cho rơ le không CR-M2SS	259,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R2000	CR-M3SS Standard socket	Đế logic cho rơ le không CR-M3SS	283,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R3000	CR-M4SS Standard socket	Đế logic cho rơ le không CR-M4SS	300,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R1300	CR-M2SF Standard socket, fork type	Đế logic cho rơ le không CR-M2SF	250,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405651R3300	CR-M4SF Standard socket, fork type	Đế logic cho rơ le không CR-M4SF	294,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405659R1000	CR-MH1 Metal holder for CR-M socket	Nút nhấn giữ rơ le bằng nhựa CR-MH	33,000	DE	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405658R6000	CR-MJ Jumper bar	Thanh nối cho rơ le không loại CR-MJ	237,000	DE	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR405658R1000	CR-MM Marker for CR-M socket	Nhãn bằng nhựa cho rơ le không loại CR-MM	7,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SVR7300210R0200	CT-MFS 21S Time relay, multifunction	Rơ le thời gian loại CT-MFS 21S, đa chức năng	4,537,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730020R0200	CT-MVS 21S Time relay, multifunction	Rơ le thời gian loại CT-MVS 21S, đa chức năng	4,537,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730040R3300	CT-WBS 22S Time relay, impulse & flasher	Rơ le thời gian loại CT-WBS 22S, impulse & flasher	2,918,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730100R3100	CT-ERS 12S Time relay, ON-delay	Rơ le thời gian loại CT-ERS 12S, ON-delay	2,367,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR730100R3200	CT-ERS 22S Time relay, ON-delay	Rơ le thời gian loại CT-ERS 22S, ON-delay	2,781,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR73010R3300	CT-AHS 22S Time relay, OFF-delay	Rơ le thời gian loại CT-AHS 22S, OFF-delay	3,193,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SVR74010R3300	CT-AHS 22P Time relay, OFF-delay	Rơ le thời gian loại CT-AHS 22P, OFF-delay	3,389,000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5021	Compact LED Pilot Light (CL2-502R)	Đèn báo loại CL2-502R	173,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5022	Compact LED Pilot Light (CL2-502G)	Đèn báo loại CL2-502G	193,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5023	Compact LED Pilot Light (CL2-502Y)	Đèn báo loại CL2-502Y	173,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5024	Compact LED Pilot Light (CL2-502L)	Đèn báo loại CL2-502L	173,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5028	Compact LED Pilot Light (CL2-502C)	Đèn báo loại CL2-502C	173,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5131	Compact LED Pilot Light (CL2-513R)	Đèn báo loại CL2-513R	264,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5132	Compact LED Pilot Light (CL2-513G)	Đèn báo loại CL2-513G	264,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5133	Compact LED Pilot Light (CL2-513Y)	Đèn báo loại CL2-513Y	264,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5151	Compact LED Pilot Light (CL2-515R)	Đèn báo loại CL2-515R	371,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5152	Compact LED Pilot Light (CL2-515G)	Đèn báo loại CL2-515G	371,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5153	Compact LED Pilot Light (CL2-515Y)	Đèn báo loại CL2-515Y	371,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5201	Compact LED Pilot Light (CL2-520R)	Đèn báo loại CL2-520R	371,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5202	Compact LED Pilot Light (CL2-520G)	Đèn báo loại CL2-520G	371,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5203	Compact LED Pilot Light (CL2-520Y)	Đèn báo loại CL2-520Y	371,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5231	Compact LED Pilot Light (CL2-523R)	Đèn báo loại CL2-523R	173,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5232	Compact LED Pilot Light (CL2-523G)	Đèn báo loại CL2-523G	193,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5233	Compact LED Pilot Light (CL2-523Y)	Đèn báo loại CL2-523Y	173,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5234	Compact LED Pilot Light (CL2-523L)	Đèn báo loại CL2-523L	228,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5238	Compact LED Pilot Light (CL2-523C)	Đèn báo loại CL2-523C	173,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5421	Compact LED Pilot Light (CL2-542R)	Đèn báo loại CL2-542R	173,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619403R5422	Compact LED Pilot Light (CL2-542G)	Đèn báo loại CL2-542G	193,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619200R1016	SELE. SWIT#CH#C2SS1-10B-10	Công tắc chuyển mạch vận tay ngắn loại C2SS1-10B-10	180,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619200R1026	SELE. SWIT#CH#C2SS1-10B-20	Công tắc chuyển mạch vận tay ngắn loại C2SS1-10B-20	130,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619200R1016	SELE. SWIT#CH#C2SS1-10B-11	Công tắc chuyển mạch vận tay ngắn loại C2SS1-10B-11	251,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619201R1016	SELE. SWIT#CH#C2SS2-10B-10	Công tắc chuyển mạch vận tay ngắn loại C2SS2-10B-10	198,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619201R1026	SELE. SWIT#CH#C2SS2-10B-20	Công tắc chuyển mạch vận tay ngắn loại C2SS2-10B-20	251,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619201R1076	SELE. SWIT#CH#C2SS2-10B-11	Công tắc chuyển mạch vận tay ngắn loại C2SS2-10B-11	251,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619210R1026	SELE. SWIT#CH#C3SS1-10B-20	Công tắc chuyển mạch vận tay ngắn loại C3SS1-10B-20	170,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619210R3026	SELE. SWIT#CH#C3SS1-30B-20	Công tắc chuyển mạch vận tay ngắn loại C3SS1-30B-20	446,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619210R1076	SELE. SWIT#CH#C3SS1-10B-11	Công tắc chuyển mạch vận tay ngắn loại C3SS1-10B-11	170,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619210R1026	SELE. SWIT#CH#C3SS2-10B-20	Công tắc chuyển mạch vận tay ngắn loại C3SS2-10B-20	392,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619500R1041	Red E-Stop Twist#30mm#CE3T-10R-01	Nút nhấn dừng khẩn cấp của công tắc loại CE3T-10R-01	248,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619500R1051	Red E-Stop Twist#30mm#CE3T-10R-02	Nút nhấn dừng khẩn cấp của công tắc loại CE3T-10R-02	339,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619500R1071	Red E-Stop Twist#30mm#CE3T-10R-11	Nút nhấn dừng khẩn cấp của công tắc loại CE3T-10R-11	339,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619550R1041	Red E-Stop Twist#40mm#CE4T-10R-01	Nút nhấn dừng khẩn cấp của công tắc loại CE4T-10R-01	254,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619550R1051	Red E-Stop Twist#40mm#CE4T-10R-02	Nút nhấn dừng khẩn cấp của công tắc loại CE4T-10R-02	339,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619550R1071	Red E-Stop Twist#40mm#CE4T-10R-11	Nút nhấn dừng khẩn cấp của công tắc loại CE4T-10R-11	339,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619552R1051	Emergency stop#CE4K1-10R-02	Nút nhấn dừng khẩn cấp của công tắc loại CE4K1-10R-02	487,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619552R1071	Emergency stop#CE4K1-10R-11	Nút nhấn dừng khẩn cấp của công tắc loại CE4K1-10R-11	487,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA6191						

1SFA619100R1022	PUSHBUTTON#CP1-10G-20	Nút nhấn của công tắc CP1-10G-20	250,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1072	PUSHBUTTON#CP1-10G-11	Nút nhấn của công tắc CP1-10G-11	270,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1013	PUSHBUTTON#CP1-10Y-10	Nút nhấn của công tắc CP1-10Y-10	118,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1071	Push Button Red	Nút nhấn của công tắc CP1-10Y-11	250,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1014	PUSHBUTTON#CP1-10L-10	Nút nhấn của công tắc CP1-10L-10	123,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1015	PUSHBUTTON#CP1-10W-10	Nút nhấn của công tắc CP1-10W-10	118,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1016	PUSHBUTTON#CP1-10B-10	Nút nhấn của công tắc CP1-10B-10	118,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1026	PUSHBUTTON#CP1-10B-20	Nút nhấn của công tắc CP1-10B-20	250,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1076	PUSHBUTTON#CP1-10B-11	Nút nhấn của công tắc CP1-10B-11	250,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1111	Illuminated Push Button Red	Nút nhấn của công tắc CP1-11R-10	332,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1141	Illuminated Push Button Red	Nút nhấn của công tắc CP1-11R-01	332,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1112	Illuminated Push Button Green	Nút nhấn của công tắc CP1-11G-10	332,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1211	Illuminated Push Button Red	Nút nhấn của công tắc CP1-12R-10	332,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1241	Illuminated Push Button Red	Nút nhấn của công tắc CP1-12R-01	332,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1212	Illuminated Push Button Green	Nút nhấn của công tắc CP1-12G-10	332,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1311	Illuminated Push Button Red	Nút nhấn của công tắc CP1-13R-10	332,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1341	Illuminated Push Button Red	Nút nhấn của công tắc CP1-13R-01	332,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619100R1312	Illuminated Push Button Green	Nút nhấn của công tắc CP1-13G-10	332,000	CN	10	ELSP-CF CONTROL
1SFA619600R6103	Compact Buzzer#CB1-610Y	Còi cảnh báo CB1-610Y	750,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619600R6133	Compact Buzzer#CB1-613Y	Còi cảnh báo CB1-613Y	750,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619600R6306	Compact Buzzer#CB1-630B	Còi cảnh báo CB1-630B	682,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA619600R6336	Compact Buzzer#CB1-633B	Còi cảnh báo CB1-633B	682,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL13100R8110	AFC09-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	Công tắc từ loại AFC09-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL13100R8101	AFC09-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	Công tắc từ loại AFC09-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL13100R8410	AFC09-30-10-84 110V 50Hz / 110-120V 60Hz	Công tắc từ loại AFC09-30-10-84 110V 50Hz / 110-120V 6	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL13100R8401	AFC09-30-01-84 110V 50Hz / 110-120V 60Hz	Công tắc từ loại AFC09-30-01-84 110V 50Hz / 110-120V 6	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL13100R8010	AFC09-30-10-80 220-230V 50Hz/230-240V 60	Công tắc từ loại AFC09-30-10-80 220-230V 50Hz/230-240	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL13100R8001	AFC09-30-01-80 220-230V 50Hz/230-240V 60	Công tắc từ loại AFC09-30-01-80 220-230V 50Hz/230-240	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL13100R8810	AFC09-30-10-88 230-240V 50Hz/240-260V 60	Công tắc từ loại AFC09-30-10-88 230-240V 50Hz/240-260	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL13100R8801	AFC09-30-01-88 230-240V 50Hz/240-260V 60	Công tắc từ loại AFC09-30-01-88 230-240V 50Hz/240-260	784,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL15100R8110	AFC12-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	Công tắc từ loại AFC12-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	1,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL15100R8101	AFC12-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	Công tắc từ loại AFC12-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	1,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL15100R8410	AFC12-30-10-84 110V 50Hz / 110-120V 60Hz	Công tắc từ loại AFC12-30-10-84 110V 50Hz / 110-120V 6	1,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL15100R8401	AFC12-30-01-84 110V 50Hz / 110-120V 60Hz	Công tắc từ loại AFC12-30-01-84 110V 50Hz / 110-120V 6	1,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL15100R8001	AFC12-30-01-80 220-230V 50Hz/230-240V 60	Công tắc từ loại AFC12-30-01-80 220-230V 50Hz/230-240	1,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL15100R8810	AFC12-30-10-88 230-240V 50Hz/240-260V 60	Công tắc từ loại AFC12-30-10-88 230-240V 50Hz/240-260	1,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL15100R8801	AFC12-30-01-88 230-240V 50Hz/240-260V 60	Công tắc từ loại AFC12-30-01-88 230-240V 50Hz/240-260	1,026,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL17100R8110	AFC16-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	Công tắc từ loại AFC16-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	1,327,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL17100R8101	AFC16-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	Công tắc từ loại AFC16-30-01-81 24V 50Hz/60Hz	1,327,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL17100R8410	AFC16-30-10-84 110V 50Hz / 110-120V 60Hz	Công tắc từ loại AFC16-30-10-84 110V 50Hz / 110-120V 6	1,327,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL17100R8401	AFC16-30-01-84 110V 50Hz / 110-120V 60	Công tắc từ loại AFC16-30-01-84 110V 50Hz / 110-120V 6	1,327,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL17100R8010	AFC16-30-10-80 220-230V 50Hz/230-240V 60	Công tắc từ loại AFC16-30-10-80 220-230V 50Hz/230-240	1,327,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL17100R8001	AFC16-30-01-80 220-230V 50Hz/230-240V 60	Công tắc từ loại AFC16-30-01-80 220-230V 50Hz/230-240	1,327,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL17100R8810	AFC16-30-10-88 230-240V 50Hz/240-260V 60	Công tắc từ loại AFC16-30-10-88 230-240V 50Hz/240-260	1,327,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL17100R8801	AFC16-30-01-88 230-240V 50Hz/240-260V 60	Công tắc từ loại AFC16-30-01-88 230-240V 50Hz/240-260	1,327,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL23100R8100	AFC26-30-00-81 24V 50Hz/60Hz	Công tắc từ loại AFC26-30-00-81 24V 50Hz/60Hz	1,867,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL23100R8401	AFC26-30-00-84 110V 50Hz / 110-120V 60Hz	Công tắc từ loại AFC26-30-00-84 110V 50Hz / 110-120V 6	1,867,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL23100R8800	AFC26-30-00-80 220-230V 50Hz/230-240V 60	Công tắc từ loại AFC26-30-00-80 220-230V 50Hz/230-240	1,867,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL23100R8800	AFC26-30-00-88 230-240V 50Hz/240-260V 60	Công tắc từ loại AFC26-30-00-88 230-240V 50Hz/240-260	1,867,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL23100R8100	AFC30-30-00-81 24V 50Hz/60Hz	Công tắc từ loại AFC30-30-00-81 24V 50Hz/60Hz	2,305,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL27100R8400	AFC30-30-00-84 110V 50Hz / 110-120V 60Hz	Công tắc từ loại AFC30-30-00-84 110V 50Hz / 110-120V 6	2,305,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL27100R8000	AFC30-30-00-80 220-230V 50Hz/230-240V 60	Công tắc từ loại AFC30-30-00-80 220-230V 50Hz/230-240	2,305,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL29100R8100	AFC38-30-00-81 24V 50Hz/60Hz	Công tắc từ loại AFC38-30-00-81 24V 50Hz/60Hz	3,227,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL29100R8400	AFC38-30-00-84 110V 50Hz / 110-120V 60Hz	Công tắc từ loại AFC38-30-00-84 110V 50Hz / 110-120V 6	3,227,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL29100R8000	AFC38-30-00-80 220-230V 50Hz/230-240V 60	Công tắc từ loại AFC38-30-00-80 220-230V 50Hz/230-240	3,227,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
LSBL29100R8800	AFC38-30-00-88 230-240V 50Hz/240-260V 60	Công tắc từ loại AFC38-30-00-88 230-240V 50Hz/240-260	3,227,000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA896103R7000	Softstarter PSR3-600-70	Khởi động mềm PSR3-600-70	6,076,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896104R7000	Softstarter PSR4-600-70	Khởi động mềm PSR4-600-70	6,479,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896105R7000	Softstarter PSR5-600-70	Khởi động mềm PSR5-600-70	7,019,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896106R7000	Softstarter PSR6-600-70	Khởi động mềm PSR6-600-70	8,369,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896107R7000	Softstarter PSR7-600-70	Khởi động mềm PSR7-600-70	9,178,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896108R7000	Softstarter PSR8-600-70	Khởi động mềm PSR8-600-70	10,664,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896109R7000	Softstarter PSR9-600-70	Khởi động mềm PSR9-600-70	12,417,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896110R7000	Softstarter PSR10-600-70	Khởi động mềm PSR10-600-70	15,388,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896111R7000	Softstarter PSR11-600-70	Khởi động mềm PSR11-600-70	16,995,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896112R7000	Softstarter PSR12-600-70	Khởi động mềm PSR12-600-70	22,943,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896113R7000	Softstarter PSR13-600-70	Khởi động mềm PSR13-600-70	27,129,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896114R7000	Softstarter PSR14-600-70	Khởi động mềm PSR14-600-70	31,314,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896115R7000	Softstarter PSR15-600-70	Khởi động mềm PSR15-600-70	34,823,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896103R1100	Softstarter PSR3-600-11	Khởi động mềm PSR3-600-11	7,545,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896104R1100	Softstarter PSR4-600-11	Khởi động mềm PSR4-600-11	8,804,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896105R1100	Softstarter PSR5-600-11	Khởi động mềm PSR5-600-11	10,220,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896106R1100	Softstarter PSR6-600-11	Khởi động mềm PSR6-600-11	11,004,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896107R1100	Softstarter PSR7-600-11	Khởi động mềm PSR7-600-11	13,360,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896108R1100	Softstarter PSR8-600-11	Khởi động mềm PSR8-600-11	14,307,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896109R1100	Softstarter PSR9-600-11	Khởi động mềm PSR9-600-11	16,822,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896110R1100	Softstarter PSR10-600-11	Khởi động mềm PSR10-600-11	25,149,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896111R1100	Softstarter PSR11-600-11	Khởi động mềm PSR11-600-11	27,665,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896112R1100	Softstarter PSR12-600-11	Khởi động mềm PSR12-600-11	30,967,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896113R1100	Softstarter PSR13-600-11	Khởi động mềm PSR13-600-11	38,669,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896114R1100	Softstarter PSR14-600-11	Khởi động mềm PSR14-600-11	44,482,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896115R1100	Softstarter PSR15-600-11	Khởi động mềm PSR15-600-11	46,528,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896211R1001	Connection kit#PSR16-MS165	Bộ nối đầu cực PSR16-MS16	327,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896212R1001	Connection kit#PSR20-MS132	Bộ nối đầu cực PSR20-MS132	1,754,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896216R1001	Connection kit#PSR45-MS165	Bộ nối đầu cực PSR45-MS165	331,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896215R1001	PSR60-MS165 connection kit	Bộ nối đầu cực PSR60-MS165	396,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896311R1001	Fan PSR-FAN 3-45A	Quạt PSR-FAN 3-45A	2,696,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896313R1001	Fan PSR-FAN 60-105A	Quạt PSR-FAN 60-105A	3,959,000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899002R1072	TERMINAL ENLARG#LW-72	Bộ nối đầu cực PSLW-72	5,851,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA896312R1002	Terminal kit PS-FBPA	Bộ nối đầu cực PS-FBPA	1,501,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897101R7000	SOFTSTARTER#PSE18-600-70	Khởi động mềm PSE18-600-70	26,992,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897102R7000	SOFTSTARTER#PSE25-600-70	Khởi động mềm PSE25-600-70	28,343,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897103R7000	SOFTSTARTER#PSE30-600-70	Khởi động mềm PSE30-600-70	29,693,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897104R7000	SOFTSTARTER#PSE37-600-70	Khởi động mềm PSE37-600-70	31,042,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897105R7000	SOFTSTARTER#PSE45-600-70	Khởi động mềm PSE45-600-70	32,392,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897106R7000	SOFTSTARTER#PSE50-600-70	Khởi động mềm PSE50-600-70	33,744,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897107R7000	SOFTSTARTER#PSE72-600-70	Khởi động mềm PSE72-600-70	35,763,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897108R7000	SOFTSTARTER#PSE85-600-70	Khởi động mềm PSE85-600-70	39,139,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897109R7000	SOFTSTARTER#PSE105-600-70	Khởi động mềm PSE105-600-70	52,501,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897110R7000	SOFTSTARTER#PSE142-600-70 1	Khởi động mềm PSE142-600-70 1	58,711,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897111R7000	SOFTSTARTER#PSE170-600-70	Khởi động mềm PSE170-600-70	60,193,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897112R7001	SOFTSTARTER#PSE210-600-70-1	Khởi động mềm PSE210-600-70-1	97,848,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897113R7001	SOFTSTARTER#PSE250-600-70-1	Khởi động mềm PSE250-600-70-1	110,668,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897114R7001	SOFTSTARTER#PSE300-600-70-1	Khởi động mềm PSE300-600-70-1	112,828,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA897115R7001	SOFTSTARTER#PSE370-600-70-1	Khởi động mềm PSE370-600-70-1	143,732,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFN074307R1000	TERMINAL ENLARG#LW110	Bộ nối đầu cực LW110	614,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN07407R1000	TERMINAL ENLARG#LW185	Bộ nối đầu cực LW185	787,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN075107R1000	TERMINAL ENLARG#LW300	Bộ nối đầu cực LW300	3,602,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA899221R1002	Terminal kit # PSLE-185	Bộ nối đầu cực PSLE-185	4,103,000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899221R1003	Terminal kit # PSLE-300	Bộ nối đầu cực PSLE-300	5,127,000	US	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFN074810R1000	Terminal enlargement#LX205	Bộ nối đầu cực LX205	2,133,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN075410R1000	Terminal enlargement#LX370	Bộ nối đầu cực LX370	2,663,000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA897100R1001	EXTERNAL KEYPAD#PSEEK	Bộ phím điều khiển rời PSE				

1SFA898120R7000	Softstarter#PSTX1050-600-70	Khởi động mềm PSTX1050-600-70	485,720.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898121R7000	Softstarter#PSTX1250-600-70	Khởi động mềm PSTX1250-600-70	544,427.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898103R7000	SOFTSTARTER#PSTX30-600-70	Khởi động mềm PSTX30-600-70	43,187.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898104R7000	SOFTSTARTER#PSTX37-600-70	Khởi động mềm PSTX37-600-70	45,540.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898105R7000	SOFTSTARTER#PSTX45-600-70	Khởi động mềm PSTX45-600-70	47,237.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898106R7000	SOFTSTARTER#PSTX60-600-70	Khởi động mềm PSTX60-600-70	49,936.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898107R7000	SOFTSTARTER#PSTX72-600-70	Khởi động mềm PSTX72-600-70	53,309.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898108R7000	SOFTSTARTER#PSTX85-600-70	Khởi động mềm PSTX85-600-70	54,680.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898109R7000	SOFTSTARTER#PSTX105-600-70	Khởi động mềm PSTX105-600-70	62,218.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898110R7000	SOFTSTARTER#PSTX142-600-70	Khởi động mềm PSTX142-600-70	77,334.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898111R7000	SOFTSTARTER#PSTX170-600-70	Khởi động mềm PSTX170-600-70	85,160.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898112R7000	SOFTSTARTER#PSTX210-600-70	Khởi động mềm PSTX210-600-70	101,761.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898113R7000	SOFTSTARTER#PSTX250-600-70	Khởi động mềm PSTX250-600-70	117,010.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898114R7000	SOFTSTARTER#PSTX300-600-70	Khởi động mềm PSTX300-600-70	134,690.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898115R7000	SOFTSTARTER#PSTX370-600-70	Khởi động mềm PSTX370-600-70	172,479.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898116R7000	Softstarter#PSTX470-600-70	Khởi động mềm PSTX470-600-70	201,494.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898117R7000	Softstarter#PSTX570-600-70	Khởi động mềm PSTX570-600-70	222,865.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898118R7000	Softstarter#PSTX720-600-70	Khởi động mềm PSTX720-600-70	373,840.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898119R7000	Softstarter#PSTX840-600-70	Khởi động mềm PSTX840-600-70	429,712.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898120R7000	Softstarter#PSTX1050-600-70	Khởi động mềm PSTX1050-600-70	485,720.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA898121R7000	Softstarter#PSTX1250-600-70	Khởi động mềm PSTX1250-600-70	544,427.000	CN	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899314R1001	PSTX USB CABLE#PSCA-1	Cáp kết nối UPSI loại PSCA-1	1,072.000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SAJ2200R0101	DX122-FBP 0 IQ-Module for UMC100	Mô đun tín hiệu vi xử lý DX122-FBP 0 cho UMC100	48,401.000	DE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFA899300R1001	AB-PROFIBUS-1	Mô đun truyền thông AB-PROFIBUS-1	17,292.000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899300R1002	AB-DEVICENET-1	Mô đun truyền thông AB-DEVICENET-1	17,292.000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899300R1003	AB-MODBUS-RTU-1	Mô đun truyền thông AB-MODBUS-RTU-1	17,292.000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899300R1004	AB-BACNET-IP-2	Mô đun truyền thông AB-BACNET-IP-2	26,026.000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899300R1006	AB-ETHERNET-IP-2	Mô đun truyền thông AB-ETHERNET-IP-2	24,208.000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899300R1008	AB-MODBUS-TCP-2	Mô đun truyền thông AB-MODBUS-TCP-2	24,208.000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899300R1010	AB-PROFINET-IO-2	Mô đun truyền thông AB-PROFINET-IO-2	27,844.000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899300R1011	AB-BACNET-MSTP-1	Mô đun truyền thông AB-BACNET-MSTP-1	19,856.000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFA899300R1012	AB-ETHERCAT-IP-2	Mô đun truyền thông AB-ETHERCAT-IP-2	19,856.000	SE	1	ELSP-CF SOFTSTARTERS
1SFN07510R1000	TERMINAL EXTENS#LX460	Bộ nối đầu cực LX460	5,321.000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN074807R1000	Terminal enlargement#LW205	Bộ nối đầu cực LW205	699.000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN075047R1000	Terminal enlargement#LW370	Bộ nối đầu cực LW370	3,145.000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN075077R1000	TERMINAL ENLARG#LW460	Bộ nối đầu cực LW460	3,271.000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SFN076107R1000	TERMINAL ENLARG#LW750	Bộ nối đầu cực LW750	4,865.000	SE	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL347001R1100	AF40-30-00-11	Công tắc từ loại AF40-30-00-11	8,956.000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL367001R1100	AF52-30-00-11	Công tắc từ loại AF52-30-00-11	8,619.000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SBL397001R1100	AF80-30-00-11	Công tắc từ loại AF80-30-00-11	11,820.000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SDA079800R1	AF96-30-00-11	Công tắc từ loại AF96-30-00-11	13,534.000	CN	1	ELSP-CF CONTROL
1SDA079800R1	A0A 100 TMF 30-300 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,674.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079801R1	A0A 100 TMF 40-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,674.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079802R1	A0A 100 TMF 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,870.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079803R1	A0A 100 TMF 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,870.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079804R1	A0A 100 TMF 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,981.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079805R1	A0B 100 TMF 30-300 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,726.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079806R1	A0B 100 TMF 40-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,726.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079807R1	A0B 100 TMF 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,942.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079808R1	A0B 100 TMF 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,942.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079809R1	A0B 100 TMF 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	2,031.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079810R1	A0C 100 TMF 30-300 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,762.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079811R1	A0C 100 TMF 40-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,762.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079812R1	A0C 100 TMF 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,981.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079813R1	A0C 100 TMF 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	1,981.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA079814R1	A0C 100 TMF 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 100A	2,072.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066510R1	A1A 125 TMF 15-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,762.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068746R1	A1A 125 TMF 16-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,762.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066511R1	A1A 125 TMF 20-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,762.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066512R1	A1A 125 TMF 25-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,762.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066513R1	A1A 125 TMF 30-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,762.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068757R1	A1A 125 TMF 32-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,762.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066514R1	A1A 125 TMF 40-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,762.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066515R1	A1A 125 TMF 50-500 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,762.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066516R1	A1A 125 TMF 60-600 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,981.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068769R1	A1A 125 TMF 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,981.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066517R1	A1A 125 TMF 70-700 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,981.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066518R1	A1A 125 TMF 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	1,981.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066519R1	A1A 125 TMF 90-900 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,072.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066520R1	A1A 125 TMF 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,072.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066521R1	A1A 125 TMF 125-1250 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,485.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066524R1	A1A 125 TMF 15-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,378.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068756R1	A1A 125 TMF 16-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,378.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066525R1	A1A 125 TMF 20-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,378.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066526R1	A1A 125 TMF 25-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,378.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066527R1	A1A 125 TMF 30-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,378.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068761R1	A1A 125 TMF 32-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,378.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066528R1	A1A 125 TMF 40-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,378.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066529R1	A1A 125 TMF 50-500 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,378.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066530R1	A1A 125 TMF 60-600 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,657.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068772R1	A1A 125 TMF 63-630 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,657.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066531R1	A1A 125 TMF 70-700 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,657.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066532R1	A1A 125 TMF 80-800 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,657.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066533R1	A1A 125 TMF 90-900 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,816.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066534R1	A1A 125 TMF 100-1000 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,816.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066535R1	A1A 125 TMF 125-1250 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	3,356.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066697R1	A1B 125 TMF 15-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,092.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068747R1	A1B 125 TMF 16-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,092.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066698R1	A1B 125 TMF 20-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,092.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066699R1	A1B 125 TMF 25-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,092.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066700R1	A1B 125 TMF 30-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,092.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068758R1	A1B 125 TMF 32-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,092.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066701R1	A1B 125 TMF 40-400 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,092.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066702R1	A1B 125 TMF 50-500 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,092.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066703R1	A1B 125 TMF 60-600 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,338.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068769R1	A1B 125 TMF 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,338.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066704R1	A1B 125 TMF 70-700 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,338.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066705R1	A1B 125 TMF 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,338.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066706R1	A1B 125 TMF 90-900 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,478.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066707R1	A1B 125 TMF 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,478.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066708R1	A1B 125 TMF 125-1250 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,954.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068733R1	A1B 125 TMF 15-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,824.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068751R1	A1B 125 TMF 16-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,824.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068734R1	A1B 125 TMF 20-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,824.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068735R1	A1B 125 TMF 25-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,824.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066736R1	A1B 125 TMF 30-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,824.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068762R1	A1B 125 TMF 32-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,824.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066737R1	A1B 125 TMF 40-400 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,824.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066738R1	A1B 125 TMF 50-500 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	2,824.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066739R1	A1B 125 TMF 60-600 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	3,178.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068773R1	A1B 125 TMF 63-630 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	3,178.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066740R1	A1B 125 TMF 70-700 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	3,178.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066741R1	A1B 125 TMF 80-800 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	3,178.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066742R1	A1B 125 TMF 90-900 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	3,322.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066743R1	A1B 125 TMF 100-1000 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	3,322.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066744R1	A1B 125 TMF 125-1250 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 125A	4,014.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066549R1	A2B 250 TMF 125-1250 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 250A	4,318.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068779R1	A2B 250 TMF 150-1500 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 250A	4,893.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066549R1	A2B 250 TMF 160-1600 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 250A	4,893.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066550R1	A2B 250 TMF 175-1750 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 250A	5,756.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066551R1	A2B 250 TMF 200-2000 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 250A	5,756.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066552R1	A2B 250 TMF 225-2250 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 250A	5,756.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066553R1	A2B 250 TMF 250-2500 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 250A	5,756.000	CN		

1SDA068754R1	A1C 125 TFM 32-400 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,424,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068469R1	A1C 125 TFM 40-400 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,424,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068490R1	A1C 125 TFM 50-500 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,424,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068491R1	A1C 125 TFM 60-600 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,591,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068765R1	A1C 125 TFM 63-630 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,591,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068492R1	A1C 125 TFM 70-700 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,591,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068493R1	A1C 125 TFM 80-800 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,591,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068494R1	A1C 125 TFM 90-900 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,675,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068495R1	A1C 125 TFM 100-1000 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,675,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068496R1	A1C 125 TFM 125-1250 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,009,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068686R1	A1N 125 TFM 20-400 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,736,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068687R1	A1N 125 TFM 25-400 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,736,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068688R1	A1N 125 TFM 30-400 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,736,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068755R1	A1C 125 TFM 32-400 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,736,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068689R1	A1N 125 TFM 40-400 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,736,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068690R1	A1N 125 TFM 50-500 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,736,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068691R1	A1N 125 TFM 60-600 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,941,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068766R1	A1N 125 TFM 63-630 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,941,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068692R1	A1N 125 TFM 70-700 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,941,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068693R1	A1N 125 TFM 80-800 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	1,941,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068694R1	A1C 125 TFM 90-900 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,042,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068695R1	A1N 125 TFM 100-1000 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,042,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068696R1	A1N 125 TFM 125-1250 1p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,450,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068497R1	A1N 125 TFM 20-400 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,270,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068498R1	A1N 125 TFM 25-400 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,270,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068499R1	A1N 125 TFM 30-400 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,270,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068756R1	A1C 125 TFM 32-400 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,270,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068500R1	A1N 125 TFM 40-400 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,270,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068501R1	A1N 125 TFM 50-500 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,270,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068502R1	A1N 125 TFM 60-600 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,537,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068767R1	A1C 125 TFM 63-630 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,537,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068503R1	A1N 125 TFM 70-700 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,537,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068504R1	A1C 125 TFM 80-800 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,537,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068505R1	A1N 125 TFM 90-900 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,671,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068506R1	A1N 125 TFM 100-1000 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,671,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068507R1	A1N 125 TFM 125-1250 2p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,226,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068542R1	A2N 250 TFM 125-1250 2p F F	May cdt MCBF Formula 250A	4,596,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068776R1	A2N 250 TFM 150-1500 2p F F	May cdt MCBF Formula 250A	5,209,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068543R1	A2N 250 TFM 160-1600 2p F F	May cdt MCBF Formula 250A	5,209,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068544R1	A2N 250 TFM 175-1750 2p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,128,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068545R1	A2N 250 TFM 200-2000 2p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,128,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068546R1	A2N 250 TFM 225-2250 2p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,128,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068547R1	A2N 250 TFM 250-2500 2p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,128,000	IT	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068709R1	A1C 125 TFM 15-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,189,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068748R1	A1C 125 TFM 16-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,189,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068714R1	A1C 125 TFM 20-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,189,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA0686711R	A1C 125 TFM 25-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,189,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA0686712R1	A1C 125 TFM 30-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,189,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068759R1	A1C 125 TFM 32-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,189,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA0686713R1	A1C 125 TFM 40-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,189,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068714R1	A1C 125 TFM 50-500 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,189,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068715R1	A1C 125 TFM 60-600 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,189,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA0686770R1	A1C 125 TFM 63-630 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,447,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA0686716R1	A1C 125 TFM 70-700 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,447,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA0686717R1	A1C 125 TFM 80-800 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,447,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068717R1	A1C 125 TFM 90-900 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,575,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068719R1	A1C 125 TFM 100-1000 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,575,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068720R1	A1C 125 TFM 125-1250 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,091,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068745R1	A1C 125 TFM 15-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,956,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068752R1	A1C 125 TFM 16-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,956,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068746R1	A1C 125 TFM 20-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,956,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068747R1	A1C 125 TFM 25-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,956,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068748R1	A1C 125 TFM 30-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,956,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068763R1	A1C 125 TFM 32-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,956,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068749R1	A1C 125 TFM 40-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,956,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068750R1	A1C 125 TFM 50-500 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,956,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068751R1	A1C 125 TFM 60-600 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,326,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068774R1	A1C 125 TFM 63-630 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,326,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068752R1	A1C 125 TFM 70-700 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,326,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068753R1	A1C 125 TFM 80-800 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,326,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068754R1	A1C 125 TFM 90-900 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,477,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068755R1	A1C 125 TFM 100-1000 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,477,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068756R1	A1C 125 TFM 125-1250 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	4,201,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068775R1	A2C 250 TFM 125-1250 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	4,872,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068780R1	A2C 250 TFM 150-1500 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	5,522,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068776R1	A2C 250 TFM 160-1600 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	5,522,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068777R1	A2C 250 TFM 175-1750 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,496,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068778R1	A2C 250 TFM 200-2000 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,496,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068779R1	A2C 250 TFM 225-2250 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,496,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068780R1	A2C 250 TFM 250-2500 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,496,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068787R1	A2C 250 TFM 125-1250 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,577,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068783R1	A2C 250 TFM 150-1500 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	7,454,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068784R1	A2C 250 TFM 160-1600 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	7,454,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068789R1	A2C 250 TFM 175-1750 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	8,769,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068780R1	A2C 250 TFM 200-2000 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	8,769,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068791R1	A2C 250 TFM 225-2250 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	8,769,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068792R1	A2C 250 TFM 250-2500 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	8,769,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068721R1	A1N 125 TFM 15-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,671,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068749R1	A1N 125 TFM 16-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,671,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068722R1	A1N 125 TFM 20-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,671,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068723R1	A1N 125 TFM 25-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,671,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068724R1	A1N 125 TFM 30-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,671,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068760R1	A1N 125 TFM 32-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,671,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068725R1	A1N 125 TFM 40-400 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,671,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068726R1	A1N 125 TFM 50-500 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,671,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068727R1	A1N 125 TFM 60-600 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,984,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068771R1	A1N 125 TFM 63-630 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,984,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068728R1	A1N 125 TFM 70-700 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,984,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068729R1	A1N 125 TFM 80-800 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	2,984,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068730R1	A1N 125 TFM 90-900 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,141,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068731R1	A1N 125 TFM 100-1000 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,141,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068732R1	A1N 125 TFM 125-1250 3p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,796,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068757R1	A1N 125 TFM 15-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,630,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068753R1	A1N 125 TFM 16-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,630,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068758R1	A1N 125 TFM 20-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,630,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068759R1	A1N 125 TFM 25-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,630,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068760R1	A1N 125 TFM 30-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,630,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068761R1	A1N 125 TFM 32-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,630,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068762R1	A1N 125 TFM 40-400 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,630,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068762R1	A1N 125 TFM 50-500 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	3,630,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068763R1	A1N 125 TFM 60-600 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	4,056,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068775R1	A1N 125 TFM 63-630 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	4,056,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068764R1	A1N 125 TFM 70-700 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	4,056,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068765R1	A1N 125 TFM 80-800 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	4,056,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068766R1	A1N 125 TFM 90-900 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	4,241,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068767R1	A1N 125 TFM 100-1000 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	4,241,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068768R1	A1N 125 TFM 125-1250 4p F F	May cdt MCBF Formula 125A	5,124,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068781R1	A2N 250 TFM 125-1250 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	5,408,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068781R1	A2N 250 TFM 150-1500 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,128,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068782R1	A2N 250 TFM 160-1600 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	6,128,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068783R1	A2N 250 TFM 175-1750 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	7,209,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068784R1	A2N 250 TFM 200-2000 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	7,209,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068785R1	A2N 250 TFM 225-2250 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	7,209,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068786R1	A2N 250 TFM 250-2500 3p F F	May cdt MCBF Formula 250A	7,209,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068793R1	A2N 250 TFM 125-1250 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	7,300,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068784R1	A2N 250 TFM 150-1500 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	8,274,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068785R1	A2N 250 TFM 160-1600 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	8,274,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068786R1	A2N 250 TFM 175-1750 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	9,732,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068796R1	A2N 250 TFM 200-2000 4p F F	May cdt MCBF Formula 250A	9,732,000	CN	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA068797R1	A2N 250 TFM				

1SDA06568R1	ASN 400 TFM 320-3200 4p F F InN=100%ln	Máy cắt MCCB Formula 630A	15,026.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06569R1	ASN 400 TFM 4000-400 4p F F InN=100%ln	Máy cắt MCCB Formula 630A	15,026.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06572R1	ASN 630 TFM 500-5000 4p F F InN=100%ln	Máy cắt MCCB Formula 630A	19,121.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06574R1	ASN 630 ELT-1 In=630 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 630A	21,990.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06562R1	AS3 400 TFM 320-3200 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 320A	12,218.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06563R1	AS3 400 TFM 400-4000 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 320A	12,218.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06565R1	AS3 630 TFM 500-5000 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 630A	15,983.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06567R1	AS3 630 ELT-1 In=630 3p F F	Máy cắt MCCB Formula 630A	18,242.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06570R1	AS3 400 TFM 320-3200 4p F F InN=100%ln	Máy cắt MCCB Formula 320A	16,495.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06571R1	AS3 400 TFM 4000-400 4p F F InN=100%ln	Máy cắt MCCB Formula 320A	16,495.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06573R1	AS3 630 TFM 500-5000 4p F F InN=100%ln	Máy cắt MCCB Formula 630A	21,414.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06575R1	AS3 630 ELT-1 In=630 4p F F	Máy cắt MCCB Formula 630A	24,827.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA06613R1	SOR-C A1-22 12 Vac	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	1,637.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066134R1	SOR-C A1-24 24-30 Vac	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	1,637.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066135R1	SOR-C A1-42 48-60 Vac	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	1,637.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066136R1	SOR-C A1-12 110-127Vac- 110-125Vdc	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	1,637.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066137R1	SOR-C A1-22 240Vac-220-250Vdc	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	1,637.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066138R1	SOR-C A1-42 380-440 Vac	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	1,637.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066141R1	SOR-C A1-42 480-575 Vac	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	1,637.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA05486R1	SOR-C T4-75 T6 12 Vac	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	5,028.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA05487R1	SOR-C T4-75 T6 24...30 Vac/dc	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	5,028.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA054871R1	SOR-C T4-75 T6 48...60 Vac/dc	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	5,028.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA054872R1	SOR-C T4-75 T6 110...127Vac - 110...125Vdc	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	5,028.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA054873R1	SOR-C T4-75 T6 220...240Vac - 220...250Vdc	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	5,028.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA054874R1	SOR-C T4-75 T6 380...440 Vac	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	5,028.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA054875R1	SOR-C T4-75 T6 480...500 Vac	Phụ kiện cuộn ngắt của MCCB Formula	5,028.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066149R1	AUX-C 10-1SV 250 Vac/d.c. A1-A2 3p-4p	Phụ kiện tiếp điểm phụ của MCCB Formula	1,717.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066150R1	AUX-C 2Q-1SV 250 Vac/d.c. A1-A2 3p-4p	Phụ kiện tiếp điểm phụ của MCCB Formula	2,403.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066151R1	AUX-C 10-1SV 250 Vac/d.c. A1 2p	Phụ kiện tiếp điểm phụ của MCCB Formula	1,717.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066152R1	AUX-C 2Q-1SV 250 V A2 2p	Phụ kiện tiếp điểm phụ của MCCB Formula	2,403.000	IT	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066159R1	UVC-C T4-75 T6 10...15V 250 Vac	Phụ kiện tiếp điểm phụ của MCCB Formula	2,988.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066161R1	UVC-C T4-75 T6 10...15V 250 Vac	Phụ kiện tiếp điểm phụ của MCCB Formula	2,988.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066153R1	AUE 2 CONTACTS x RHY A1-A2	Phụ kiện tiếp điểm phụ của MCCB Formula	1,717.000	IT	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA054925R1	AUE T4-T5 250Vac/dc 2 EARLY CONTACTS	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	3,362.000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066143R1	UVR-C A1-24 24-30 Vac	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	2,119.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066144R1	UVR-C A1-42 48 Vac	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	2,119.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066145R1	UVR-C A1-42 110-127Vac-110-125Vdc	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	2,119.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066146R1	UVR-C A1-22 240Vac-220-250Vdc	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	2,119.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066147R1	UVR-C A1-42 380-440 Vac	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	2,119.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066148R1	UVR-C A1-42 480-525 Vac	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	2,119.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA054887R1	UVR-C T4-75 T6 24...30 Vac/dc	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	7,759.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA054888R1	UVR-C T4-75 T6 48...60 Vac/dc	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	7,759.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA054890R1	UVR-C T4-75 T6 110...127Vac - 110...125Vdc	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	7,759.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA054891R1	UVR-C T4-75 T6 220...240Vac - 220...250Vdc	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	7,759.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA054892R1	UVR-C T4-75 T6 380...440 Vac	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	7,759.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA054893R1	UVR-C T4-75 T6 480...500 Vac	Phụ kiện cuộn bảo vệ tiếp áp của MCCB Formula	7,759.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066154R1	RHD A1-A2 STAND. DIRECT	Phụ kiện tay xoay của MCCB Formula	1,241.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066158R1	RHE A1-A2 STAND. RETURNED	Phụ kiện tay xoay của MCCB Formula	2,161.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066155R1	RHD A3 FIP STAND. RETURNED	Phụ kiện tay xoay của MCCB Formula	2,479.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066170R1	RHE A3 FIP STAND. RETURNED	Phụ kiện tay xoay của MCCB Formula	4,321.000	CN	1	ELSP-B5 FORMULA DSA
1SDA066799R1	XTB 160 TMD 16-450 3p F F	Phụ kiện tay xoay của MCCB Formula	2,479.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066800R1	XTB 160 TMD 20-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,331.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066801R1	XTB 160 TMD 25-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,331.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066802R1	XTB 160 TMD 32-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,331.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066803R1	XTB 160 TMD 40-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,331.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066804R1	XTB 160 TMD 50-500 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,331.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066805R1	XTB 160 TMD 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,331.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066806R1	XTB 160 TMD 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,331.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066807R1	XTB 160 TMD 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,331.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066808R1	XTB 160 TMD 125-1250 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,846.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066809R1	XTB 160 TMD 160-1600 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	7,144.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066810R1	XTB 160 TMD 16-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,846.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066811R1	XTB 160 TMD 20-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,846.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066812R1	XTB 160 TMD 25-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,846.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066813R1	XTB 160 TMD 32-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,846.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066814R1	XTB 160 TMD 40-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,846.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066815R1	XTB 160 TMD 50-500 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,846.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066816R1	XTB 160 TMD 63-630 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,846.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066817R1	XTB 160 TMD 80-800 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,846.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066818R1	XTB 160 TMD 100-1000 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,846.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066888R1	XTB 160 TMD 125-1250 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	7,948.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066821R1	XTB 160 TMD 160-1600 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	9,644.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066819R1	XTB 160 TMD 125-1250 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	7,892.000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068202R1	XTB 160 TMD 160-1600 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	9,644.000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068203R1	XTB 160 TMD 160-1600 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	9,644.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068202R1	XTB 160 TMD 20-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,419.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067391R1	XTIC 160 TMD 25-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,419.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067392R1	XTIC 160 TMD 32-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,419.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067393R1	XTIC 160 TMD 40-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,419.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067394R1	XTIC 160 TMD 50-500 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,419.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067395R1	XTIC 160 TMD 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,419.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067396R1	XTIC 160 TMD 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,419.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067397R1	XTIC 160 TMD 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,419.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067398R1	XTIC 160 TMD 125-1250 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,965.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067399R1	XTIC 160 TMD 160-1600 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	7,288.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068040R1	XTIC 160 TMD 16-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,965.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068041R1	XTIC 160 TMD 20-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,965.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068042R1	XTIC 160 TMD 25-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,965.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067401R1	XTIC 160 TMD 32-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,965.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067402R1	XTIC 160 TMD 40-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,965.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067403R1	XTIC 160 TMD 50-500 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,965.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067404R1	XTIC 160 TMD 63-630 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,965.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067405R1	XTIC 160 TMD 80-800 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,965.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067406R1	XTIC 160 TMD 100-1000 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	5,965.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067409R1	XTIC 160 TMD 125-1250 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	8,352.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067410R1	XTIC 160 TMD 160-1600 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	9,839.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067407R1	XTIC 160 TMD 125-1250 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	8,032.000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067408R1	XTIC 160 TMD 160-1600 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	9,839.000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA080827R1	XTIN 160 TFM 16-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,573.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA080828R1	XTIN 160 TFM 20-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,573.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA080829R1	XTIN 160 TMD 25-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,573.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067411R1	XTIN 160 TMD 32-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,573.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067412R1	XTIN 160 TMD 40-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,573.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067413R1	XTIN 160 TMD 50-500 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,573.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067414R1	XTIN 160 TMD 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,573.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067415R1	XTIN 160 TMD 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,573.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067416R1	XTIN 160 TMD 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	4,573.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067417R1	XTIN 160 TMD 125-1250 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6,171.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067418R1	XTIN 160 TMD 160-1600 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	7,541.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA080842R1	XTIN 160 TFM 16-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6,171.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA080843R1	XTIN 160 TFM 20-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6,171.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA080844R1	XTIN 160 TMD 25-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6,171.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067420R1	XTIN 160 TMD 32-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6,171.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067421R1	XTIN 160 TMD 40-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6,171.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067422R1	XTIN 160 TMD 50-500 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6,171.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067423R1	XTIN 160 TMD 63-630 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6,171.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067424R1	XTIN 160 TMD 80-800 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6,171.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067427R1	XTIN 160 TMD 100-1000 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6,171.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067428R1	XTIN 160 TMD 125-1250 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	8,330.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067429R1	XTIN 160 TMD 160-1600 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	9,839.000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA067425R1	XTIN 160 TMD 125-1250 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	8,330.000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA080830R1	XTIS 160 TFM 16-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10,181.000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA080831R1	XTIS 160 TFM 20-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10,181.000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA080832R1	XTIS 160 TMD 25-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10,181.000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT

1SDA080846R1	XT1S 160 TMF 20-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6.836,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080847R1	XT1S 160 TMD 25-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6.836,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080848R1	XT1S 160 TMD 32-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6.836,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080849R1	XT1S 160 TMD 40-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6.836,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067439R1	XT1S 160 TMD 50-500 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6.836,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067440R1	XT1S 160 TMD 63-630 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6.836,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067441R1	XT1S 160 TMD 80-800 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6.836,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067442R1	XT1S 160 TMD 100-1000 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	6.836,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067445R1	XT1S 160 TMD 125-1250 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	9.228,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067446R1	XT1S 160 TMD 160-1600 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	11,278,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067443R1	XT1S 160 TMD 125-1250 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	11,278,000	IT	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067444R1	XT1S 160 TMD 160-1600 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	11,278,000	IT	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080835R1	XT1H 160 TMF 16-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.507,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080836R1	XT1H 160 TMF 20-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.507,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080837R1	XT1H 160 TMD 25-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.507,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080838R1	XT1H 160 TMD 32-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.507,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080839R1	XT1H 160 TMD 40-450 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.507,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067449R1	XT1H 160 TMD 50-500 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.507,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067450R1	XT1H 160 TMD 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.507,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067451R1	XT1H 160 TMD 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.507,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067452R1	XT1H 160 TMD 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.507,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067453R1	XT1H 160 TMD 125-1250 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.486,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067454R1	XT1H 160 TMD 160-1600 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.037,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080850R1	XT1H 160 TMF 16-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.486,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080851R1	XT1H 160 TMF 20-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.486,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080852R1	XT1H 160 TMD 25-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.486,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080853R1	XT1H 160 TMD 32-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.486,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA080854R1	XT1H 160 TMD 40-450 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.486,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067457R1	XT1H 160 TMD 50-500 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.486,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067458R1	XT1H 160 TMD 63-630 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.486,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067459R1	XT1H 160 TMD 80-800 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.486,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067460R1	XT1H 160 TMD 100-1000 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.486,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067463R1	XT1H 160 TMD 125-1250 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	15.504,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067464R1	XT1H 160 TMD 160-1600 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	18.951,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067461R1	XT1H 160 TMD 125-1250 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	15.504,000	IT	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067462R1	XT1H 160 TMD 160-1600 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	18.951,000	IT	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067000R1	XZ1N 160 TMD 1-6-16 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.035,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067001R1	XZ1N 160 TMD 2-20 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.035,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067002R1	XZ1N 160 TMD 2-25 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.000,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067003R1	XZ1N 160 TMD 3-32 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.035,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067004R1	XZ1N 160 TMD 4-40 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.035,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067005R1	XZ1N 160 TMD 5-50 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.035,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067006R1	XZ1N 160 TMD 6-63 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.035,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067007R1	XZ1N 160 TMD 8-80 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.035,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067008R1	XZ1N 160 TMD 10-100 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.000,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067009R1	XZ1N 160 TMD 125-125 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.035,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067010R1	XZ1N 160 TMD 16-300 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.128,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067011R1	XZ1N 160 TMD 20-300 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.128,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067012R1	XZ1N 160 TMD 25-300 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.128,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067013R1	XZ1N 160 TMD 32-320 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.128,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067014R1	XZ1N 160 TMD 16-16 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.628,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067022R1	XZ1N 160 TMD 2-20 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.628,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067023R1	XZ1N 160 TMD 2.5-25 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.628,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067024R1	XZ1N 160 TMD 3-32 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.628,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067025R1	XZ1N 160 TMD 4-40 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.628,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067026R1	XZ1N 160 TMD 5-50 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.628,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067027R1	XZ1N 160 TMD 6-63 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.628,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067028R1	XZ1N 160 TMD 8-80 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.628,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067029R1	XZ1N 160 TMD 10-100 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.628,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067030R1	XZ1N 160 TMD 12.5-125 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	14.628,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067031R1	XZ1N 160 TMD 16-300 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.971,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067032R1	XZ1N 160 TMD 20-300 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.971,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067033R1	XZ1N 160 TMD 25-300 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.971,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067034R1	XZ1N 160 TMD 32-320 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.971,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067014R1	XZ1N 160 TMA 40-400 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.128,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067015R1	XZ1N 160 TMA 50-500 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.128,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067016R1	XZ1N 160 TMA 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.128,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067017R1	XZ1N 160 TMA 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.128,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067018R1	XZ1N 160 TMA 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.128,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067019R1	XZ1N 160 TMA 125-1250 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	8.946,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067020R1	XZ1N 160 TMA 160-1600 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	11.356,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067035R1	XZ1N 160 TMA 40-400 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.971,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067036R1	XZ1N 160 TMA 50-500 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.971,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067037R1	XZ1N 160 TMA 63-630 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.971,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067038R1	XZ1N 160 TMA 80-800 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.971,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067039R1	XZ1N 160 TMA 100-1000 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	10.971,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067042R1	XZ1N 160 TMA 125-1250 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.075,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067043R1	XZ1N 160 TMA 160-1600 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	15.329,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067040R1	XZ1N 160 TMA 125-1250 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.075,000	IT	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067041R1	XZ1N 160 TMA 160-1600 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT1 160A	15.329,000	IT	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067054R1	XZ1N 160 Exp LSI/1=10A 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.782,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067055R1	XZ1N 160 Exp LSI/1=25A 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.782,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067056R1	XZ1N 160 Exp LSI/1=63A 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.782,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067057R1	XZ1N 160 Exp LSI/1=100A 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.782,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067058R1	XZ1N 160 Exp LSI/1=160A 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	17.044,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067090R1	XZ1N 160 Exp LSI/1=10A 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	17.256,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067091R1	XZ1N 160 Exp LSI/1=25A 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	17.256,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067092R1	XZ1N 160 Exp LSI/1=63A 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	17.256,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067093R1	XZ1N 160 Exp LSI/1=100A 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	21.008,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067095R1	XZ1N 160 Exp LSI/1=160A 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT1 160A	23.008,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067540R1	XZ2S 160 TMD 1-6-16 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.375,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067541R1	XZ2S 160 TMD 2-20 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.375,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067542R1	XZ2S 160 TMD 2.5-25 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.375,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067543R1	XZ2S 160 TMD 3-32 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.375,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067544R1	XZ2S 160 TMD 4-40 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.375,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067545R1	XZ2S 160 TMD 5-50 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.375,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067546R1	XZ2S 160 TMD 6-63 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.375,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067547R1	XZ2S 160 TMD 8-80 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.375,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067548R1	XZ2S 160 TMD 10-100 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.375,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067549R1	XZ2S 160 TMD 12.5-125 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.375,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067550R1	XZ2S 160 TMD 16-300 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	9.283,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067551R1	XZ2S 160 TMD 20-300 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	9.283,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067552R1	XZ2S 160 TMD 25-300 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	9.283,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067553R1	XZ2S 160 TMD 32-320 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	9.283,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067561R1	XZ2S 160 TMD 1-6-16 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	16.706,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067562R1	XZ2S 160 TMD 2-20 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	16.706,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067563R1	XZ2S 160 TMD 2.5-25 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	16.706,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067564R1	XZ2S 160 TMD 3-32 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	16.706,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067565R1	XZ2S 160 TMD 4-40 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	16.706,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067566R1	XZ2S 160 TMD 5-50 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	16.706,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067567R1	XZ2S 160 TMD 6-63 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	16.706,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067568R1	XZ2S 160 TMD 8-80 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	16.706,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067569R1	XZ2S 160 TMD 10-100 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	16.706,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067570R1	XZ2S 160 TMD 12.5-125 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	16.706,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067571R1	XZ2S 160 TMD 16-300 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.530,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067572R1	XZ2S 160 TMD 20-300 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.530,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067573R1	XZ2S 160 TMD 25-300 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.530,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067574R1	XZ2S 160 TMD 32-320 4p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	12.530,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067554R1	XZ2S 160 TMA 40-400 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	9.283,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067555R1	XZ2S 160 TMA 50-500 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	9.283,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067556R1	XZ2S 160 TMA 63-630 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	9.283,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067557R1	XZ2S 160 TMA 80-800 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	9.283,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067558R1	XZ2S 160 TMA 100-1000 3p F F	Máy cắt MCCB XT1 160A	9.283,000	CN	1	ELSPBS TMAX XT
1SDA067559R1	XZ2S 160 TMA 125-1250 3p F F	Máy cắt MCC				

1SDA060804R1	XT3M 250 TMD 160-1600 4 F F InN=50%	May cdt MCCB XT3 250A	13,722,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA060806R1	XT3M 250 TMD 200-2000 4 F F InN=100%	May cdt MCCB XT3 250A	13,722,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608070R1	XT3M 250 TMD 250-2500 4 F F InN=100%	May cdt MCCB XT3 250A	13,722,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA060806R1	XT3M 250 TMD 200-2000 4 F F InN=50%	May cdt MCCB XT3 250A	13,722,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA060806R1	XT3M 250 TMD 250-2500 4 F F InN=50%	May cdt MCCB XT3 250A	13,722,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA060822R1	XT3S 250 TMD 63-630 4p F F	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA060822R1	XT3S 250 TMD 80-800 4p F F	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608224R1	XT3S 250 TMD 100-1000 4p F F	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608229R1	XT3S 250 TMD 125-1250 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608230R1	XT3S 250 TMD 160-1600 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608225R1	XT3S 250 TMD 125-1250 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608226R1	XT3S 250 TMD 160-1600 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608231R1	XT3S 250 TMD 200-2000 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608232R1	XT3S 250 TMD 250-2500 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608227R1	XT3S 250 TMD 200-2000 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608228R1	XT3S 250 TMD 250-2500 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT3 250A	14,774,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608076R1	XT4M 160 TMD 16-300 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608080R1	XT4M 160 TMD 20-300 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608081R1	XT4M 160 TMD 25-300 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608082R1	XT4M 160 TMD 32-320 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608083R1	XT4M 160 TMA 40-400 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608084R1	XT4M 160 TMA 50-500 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608085R1	XT4M 160 TMA 63-630 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608086R1	XT4M 160 TMA 80-800 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608087R1	XT4M 160 TMA 100-1000 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608088R1	XT4M 160 TMA 125-1250 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608089R1	XT4M 160 TMA 160-1600 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608090R1	XT4M 250 TMA 200-2000 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608091R1	XT4M 250 TMA 225-2250 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608092R1	XT4M 250 TMA 250-2500 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608120R1	XT4M 160 Exp LSI In=60A 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608123R1	XT4M 160 Exp LSI In=63A 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608124R1	XT4M 160 Exp LSI In=100A 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608125R1	XT4M 160 Exp LSI In=160A 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608126R1	XT4M 250 Exp LSI In=250A 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	12,680,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608299R1	XT4S 160 TMD 16-300 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608300R1	XT4S 160 TMD 20-300 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608301R1	XT4S 160 TMD 25-300 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608302R1	XT4S 160 TMD 32-320 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608303R1	XT4S 160 TMA 40-400 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608304R1	XT4S 160 TMA 50-500 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608305R1	XT4S 160 TMA 63-630 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608306R1	XT4S 160 TMA 80-800 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608307R1	XT4S 160 TMA 100-1000 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608308R1	XT4S 160 TMA 125-1250 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608309R1	XT4S 160 TMA 160-1600 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608109R1	XT4M 250 TMA 200-2000 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT4 250A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608110R1	XT4M 250 TMA 225-2250 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT4 250A	19,195,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608111R1	XT4M 250 TMA 250-2500 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT4 250A	19,195,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608109R1	XT4M 250 TMA 200-2000 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT4 250A	17,117,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608109R1	XT4M 250 TMA 225-2250 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT4 250A	17,117,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608109R1	XT4M 250 TMA 250-2500 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT4 250A	19,195,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608142R1	XT4M 160 Exp LSI In=40A 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	26,043,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608144R1	XT4M 160 Exp LSI In=63A 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	26,043,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608145R1	XT4M 160 Exp LSI In=100A 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	26,043,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608146R1	XT4M 160 Exp LSI In=160A 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	26,043,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608147R1	XT4M 250 Exp LSI In=250A 4p F F	May cdt MCCB XT4 250A	26,043,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608313R1	XT4S 160 TMD 16-300 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608314R1	XT4S 160 TMD 20-300 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608315R1	XT4S 160 TMD 25-300 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608316R1	XT4S 160 TMD 32-320 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608317R1	XT4S 160 TMA 40-400 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608318R1	XT4S 160 TMA 50-500 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608319R1	XT4S 160 TMA 63-630 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608320R1	XT4S 160 TMA 80-800 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608321R1	XT4S 160 TMA 100-1000 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608327R1	XT4S 160 TMA 125-1250 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608328R1	XT4S 160 TMA 160-1600 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608329R1	XT4S 160 TMA 125-1250 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608329R1	XT4S 160 TMA 160-1600 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT4 160A	18,330,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608310R1	XT4S 250 TMA 200-2000 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	13,577,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608311R1	XT4S 250 TMA 225-2250 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	15,221,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608312R1	XT4S 250 TMA 250-2500 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	15,221,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608471R1	XT4S 160 Exp LSI In=40A 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	22,186,000	CN	3	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608472R1	XT4S 160 Exp LSI In=60A 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	22,186,000	CN	3	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608473R1	XT4S 160 Exp LSI In=100A 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	22,186,000	CN	3	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608474R1	XT4S 160 Exp LSI In=160A 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	22,186,000	CN	3	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608475R1	XT4S 250 Exp LSI In=250A 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	22,186,000	CN	3	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608332R1	XT4M 160 TMD 16-300 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608333R1	XT4M 160 TMD 20-300 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608334R1	XT4M 160 TMD 25-300 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608335R1	XT4M 160 TMD 32-320 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608336R1	XT4M 160 TMA 40-400 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608337R1	XT4M 160 TMA 50-500 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608338R1	XT4M 160 TMA 63-630 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608339R1	XT4M 160 TMA 80-800 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608340R1	XT4M 160 TMA 100-1000 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608341R1	XT4M 160 TMA 125-1250 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608342R1	XT4M 160 TMA 160-1600 3p F F	May cdt MCCB XT4 160A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608343R1	XT4M 250 TMA 200-2000 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608344R1	XT4M 250 TMA 225-2250 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608345R1	XT4M 250 TMA 250-2500 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	18,297,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608511R1	XT4M 160 Exp LSI In=40A 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	25,514,000	CN	3	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608512R1	XT4M 160 Exp LSI In=60A 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	25,514,000	CN	3	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608513R1	XT4M 160 Exp LSI In=100A 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	25,514,000	CN	3	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608514R1	XT4M 160 Exp LSI In=160A 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	25,514,000	CN	3	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608515R1	XT4M 250 Exp LSI In=250A 3p F F	May cdt MCCB XT4 250A	25,514,000	CN	3	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608329R1	XT4S 250 TMA 200-2000 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT4 250A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608330R1	XT4S 250 TMA 225-2250 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT4 250A	20,548,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608331R1	XT4S 250 TMA 250-2500 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT4 250A	20,548,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608340R1	XT4S 250 TMA 200-2000 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT4 250A	18,330,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608329R1	XT4S 250 TMA 225-2250 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT4 250A	20,548,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608328R1	XT4S 250 TMA 250-2500 4p F F InN=50%	May cdt MCCB XT4 250A	20,548,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608491R1	XT4S 160 Exp LSI In=40A 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	29,952,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608492R1	XT4S 160 Exp LSI In=63A 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	29,952,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608493R1	XT4S 160 Exp LSI In=100A 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	29,952,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608494R1	XT4S 250 Exp LSI In=250A 4p F F	May cdt MCCB XT4 250A	29,952,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608346R1	XT4M 160 TMD 16-300 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608347R1	XT4M 160 TMD 20-300 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608348R1	XT4M 160 TMD 25-300 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608349R1	XT4M 160 TMD 32-320 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608350R1	XT4M 160 TMA 40-400 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608351R1	XT4M 160 TMA 50-500 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608352R1	XT4M 160 TMA 63-630 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608353R1	XT4M 160 TMA 80-800 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608354R1	XT4M 160 TMA 100-1000 4p F F	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608360R1	XT4M 160 TMA 125-1250 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA0608361R1	XT4M 160 TMA 160-1600 4p F F InN=100%	May cdt MCCB XT4 160A	24,699,000			

1SDA100347R1	XTSM 630 TMA 630-6300 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	32,466,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100352R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=250 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	22,178,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100353R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=320 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	22,178,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100354R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=400 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	22,178,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100355R1	XTSM 630 Exp Dip LSI ln=630 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	34,176,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100400R1	XTSM 400 TMA 320-3200 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	24,950,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100415R1	XTSM 400 TMA 400-4000 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	24,651,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100416R1	XTSM 630 TMA 500-5000 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	35,541,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100417R1	XTSM 630 TMA 630-6300 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	35,541,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100422R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=250 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	25,761,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100423R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=320 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	25,761,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100424R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=400 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	25,761,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100425R1	XTSM 630 Exp Dip LSI ln=630 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	34,176,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100484R1	XTSM 400 TMA 320-3200 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	29,950,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100485R1	XTSM 400 TMA 400-4000 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	29,950,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100486R1	XTSM 630 TMA 500-5000 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	40,322,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100487R1	XTSM 630 TMA 630-6300 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	40,322,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100488R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=250 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	31,058,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100489R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=320 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	31,058,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100490R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=400 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	31,058,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100491R1	XTSM 630 Exp Dip LSI ln=630 3p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	42,031,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100383R1	XTSM 400 TMA 320-3200 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	28,443,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100385R1	XTSM 400 TMA 400-4000 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	28,443,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100382R1	XTSM 400 TMA 320-3200 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	28,443,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100384R1	XTSM 400 TMA 400-4000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	28,443,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100387R1	XTSM 630 TMA 500-5000 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	43,829,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100388R1	XTSM 630 TMA 630-6300 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	43,829,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100386R1	XTSM 630 TMA 500-5000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	43,829,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100388R1	XTSM 630 TMA 630-6300 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	43,829,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100394R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=250 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	29,940,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100395R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=320 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	29,940,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100396R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=400 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	29,940,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100397R1	XTSM 630 Exp Dip LSI ln=630 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	46,136,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100453R1	XTSM 400 TMA 320-3200 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	33,280,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100455R1	XTSM 400 TMA 400-4000 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	33,280,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100452R1	XTSM 400 TMA 320-3200 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	33,280,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100454R1	XTSM 400 TMA 400-4000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	33,280,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100457R1	XTSM 630 TMA 500-5000 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	47,980,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100458R1	XTSM 630 TMA 630-6300 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	47,980,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100456R1	XTSM 630 TMA 500-5000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	47,980,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100458R1	XTSM 630 TMA 630-6300 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	47,980,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100464R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=250 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	34,776,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100465R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=320 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	34,776,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100466R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=400 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	34,776,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100467R1	XTSM 630 Exp Dip LSI ln=630 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	50,287,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100519R1	XTSM 400 TMA 320-3200 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	40,430,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100521R1	XTSM 400 TMA 400-4000 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	40,430,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100518R1	XTSM 400 TMA 320-3200 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	40,430,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100520R1	XTSM 400 TMA 400-4000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 400A	40,430,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100523R1	XTSM 630 TMA 500-5000 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	54,435,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100524R1	XTSM 630 TMA 630-6300 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	54,435,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100522R1	XTSM 630 TMA 500-5000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	54,435,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100524R1	XTSM 630 TMA 630-6300 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT5 630A	54,435,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100526R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=250 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	41,929,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100527R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=320 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	41,929,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100528R1	XTSM 400 Exp Dip LSI ln=400 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 400A	41,929,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100529R1	XTSM 630 Exp Dip LSI ln=630 4p F F	Máy cắt MCCB XT5 630A	57,437,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10561R1	XTSM 630 TMA 630-6300 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	46,675,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100718R1	XTSM 800 TMA 800-8000 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	46,675,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10562R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=630 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	49,131,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100719R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	49,131,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100720R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 1000A	69,924,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100721R1	XTSM 800 TMA 630-6300 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	52,143,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100740R1	XTSM 800 TMA 800-8000 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	52,143,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10575R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=630 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	54,591,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100741R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	54,591,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100742R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 1000A	69,924,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA10587R1	XTSM 800 TMA 630-6300 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	63,876,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100743R1	XTSM 800 TMA 800-8000 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	63,876,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10588R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=630 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	66,336,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100763R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	66,336,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100764R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000 3p F F	Máy cắt MCCB XT6 1000A	76,474,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10569R1	XTSM 800 TMA 630-6300 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	63,011,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10568R1	XTSM 800 TMA 800-8000 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	63,011,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100731R1	XTSM 800 TMA 800-8000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	63,011,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100732R1	XTSM 1000 TMA 800-8000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	63,011,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10570R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=630 4p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	66,328,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100732R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800 4p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	66,328,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100733R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000 4p F F	Máy cắt MCCB XT6 1000A	114,293,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA10582R1	XTSM 800 TMA 630-6300 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	70,380,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA10581R1	XTSM 800 TMA 800-8000 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	70,380,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10573R1	XTSM 800 TMA 800-8000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	70,380,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10572R1	XTSM 800 TMA 800-8000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	70,380,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10583R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=630 4p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	73,696,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100754R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800 4p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	73,696,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100755R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000 4p F F	Máy cắt MCCB XT6 1000A	114,293,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10595R1	XTSM 800 TMA 630-6300 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	86,236,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100756R1	XTSM 800 TMA 800-8000 4p F F ln=100%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	86,236,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100775R1	XTSM 800 TMA 800-8000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	86,236,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100774R1	XTSM 800 TMA 800-8000 4p F F ln=50%ln	Máy cắt MCCB XT6 800A	86,236,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA10596R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=630 4p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	89,551,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100776R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800 4p F F	Máy cắt MCCB XT6 800A	89,551,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100777R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000 4p F F	Máy cắt MCCB XT6 1000A	123,137,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100626R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 800A	55,804,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100627R1	XTSM 1250 Exp Dip LSI ln=1250A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1250A	71,477,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100826R1	XTSM 1250 Exp Dip LSI ln=1250A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1250A	74,466,000	IT	1	ELSPB-TM AX
1SDA100829R1	XTSM 1600 Exp Dip LSI ln=1600A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1600A	88,770,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100890R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 800A	67,809,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100891R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1000A	78,174,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100892R1	XTSM 1250 Exp Dip LSI ln=1250A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1250A	81,467,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100893R1	XTSM 1600 Exp Dip LSI ln=1600A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1600A	109,850,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101114R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 800A	75,335,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101115R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1000A	96,493,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101116R1	XTSM 1250 Exp Dip LSI ln=1250A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1250A	105,969,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101117R1	XTSM 1600 Exp Dip LSI ln=1600A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1600A	119,840,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101170R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 800A	91,542,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101171R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1000A	105,834,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101172R1	XTSM 1250 Exp Dip LSI ln=1250A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1250A	109,982,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101173R1	XTSM 1600 Exp Dip LSI ln=1600A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1600A	144,340,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100954R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 800A	81,371,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100955R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1000A	93,809,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100956R1	XTSM 1250 Exp Dip LSI ln=1250A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1250A	97,762,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA100957R1	XTSM 1600 Exp Dip LSI ln=1600A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1600A	128,302,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101229R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 800A	109,850,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101227R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1000A	126,640,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101228R1	XTSM 1250 Exp Dip LSI ln=1250A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1250A	131,977,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101229R1	XTSM 1600 Exp Dip LSI ln=1600A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1600A	173,208,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101366R1	XTSM 800 Exp Dip LSI ln=800A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 800A	64,174,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101367R1	XTSM 1000 Exp Dip LSI ln=1000A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1000A	82,198,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101368R1	XTSM 1250 Exp Dip LSI ln=1250A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1250A	97,762,000	CN	1	ELSPB-TM AX
1SDA101369R1	XTSM 1600 Exp Dip LSI ln=1600A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1600A</				

1SDA101496R1	XT7L M 1250 Ekip Dip LSI/ In1250A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1250A	112,426,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA101497R1	XT7L M 1600 Ekip Dip LSI/ In1600A 3p F F	Máy cắt MCCB XT7 1600A	147,548,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA101766R1	XT7L M 800 Exp Dip LSI/ In=800A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 800A	126,327,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA101767R1	XT7L M 1000 Ekip Dip LSI/ In1000A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1000A	145,636,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA101768R1	XT7L M 1250 Ekip Dip LSI/ In1250A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1250A	151,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA101769R1	XT7L M 1600 Ekip Dip LSI/ In1600A 4p F F	Máy cắt MCCB XT7 1600A	199,190,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068183R1	XT1 P PP 3p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT1 3 cực	4,601,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068184R1	XT1 P PP 3p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT1 3 cực	5,061,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068187R1	XT2 P PP 3p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT2 3 cực	4,812,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068189R1	XT2 P PP 3p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT2 3 cực	5,295,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068192R1	XT3 P PP 3p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT3 3 cực	4,955,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068193R1	XT3 P PP 3p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT3 3 cực	5,449,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068196R1	XT4 P PP 3p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT4 3 cực	5,134,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068197R1	XT4 P PP 3p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT4 3 cực	5,605,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104668R1	XT5 P PP 400A 3p EF EF IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	13,664,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104670R1	XT5 P PP 400A 3p HR HR IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	15,141,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA112961R1	XT5 P PP 400A 3p VR VR IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	15,141,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104676R1	XT5 P PP 630A 3p EF EF IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	15,141,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104677R1	XT5 P PP 630A 3p HR HR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	16,655,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104678R1	XT5 P PP 630A 3p VR VR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	16,655,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068185R1	XT1 P PP 4p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT1 4 cực	5,750,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068186R1	XT1 P PP 4p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT1 4 cực	6,326,000	BG	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068190R1	XT2 P PP 4p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT2 4 cực	6,016,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068191R1	XT2 P PP 4p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT2 4 cực	6,618,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068194R1	XT3 P PP 4p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT3 4 cực	6,192,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068195R1	XT3 P PP 4p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT3 4 cực	6,862,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068198R1	XT4 P PP 4p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT4 4 cực	6,370,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068199R1	XT4 P PP 4p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT4 4 cực	7,008,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104672R1	XT5 P PP 400A 4p EF EF IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	17,205,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104674R1	XT5 P PP 400A 4p HR HR IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	18,927,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA112963R1	XT5 P PP 400A 4p VR VR IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	18,927,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104679R1	XT5 P PP 630A 4p EF EF IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	18,927,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104680R1	XT5 P PP 630A 4p HR HR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	20,666,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104681R1	XT5 P PP 630A 4p VR VR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	20,666,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA112963R1	XT5 P PP 630A 3p frame configurable	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	4,101,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA112965R1	XT5 P PP 630A 4p frame configurable	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	4,509,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA112954R1	XT5 P PP 400A 4p frame configurable	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	5,125,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA112956R1	XT5 P PP 630A 4p frame configurable	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	5,638,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068200R1	XT2 W PP 3p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT2 3 cực	10,610,000	BG	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068201R1	XT2 W PP 3p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT2 3 cực	11,585,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068204R1	XT4 W PP 3p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT4 3 cực	11,532,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068205R1	XT4 W PP 3p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT4 3 cực	12,686,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104682R1	XT5 W PP 400A 3p EF EF IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	27,899,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104684R1	XT5 W PP 400A 3p HR HR IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	30,688,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA112965R1	XT5 W PP 400A 3p VR VR IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	30,688,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104690R1	XT5 W PP 630A 3p EF EF IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	30,688,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104691R1	XT5 W PP 630A 3p HR HR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	33,758,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104692R1	XT5 W PP 630A 3p VR VR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 3 cực	33,758,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104696R1	XT6 W PP 800A 3p EF EF IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT6 3 cực	32,141,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104697R1	XT6 W PP 800A 3p HR HR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT6 3 cực	35,354,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104698R1	XT6 W PP 800A 3p VR VR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT6 3 cực	35,354,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104702R1	XT7-XT7M W PP 3p EF IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT7 3 cực	51,302,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104703R1	XT7-XT7M W PP 3p HR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT7 3 cực	56,432,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068202R1	XT2 W PP 4p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT2 4 cực	13,165,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068203R1	XT2 W PP 4p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT2 4 cực	14,589,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068206R1	XT4 W PP 4p EF	Phần cô định máy cắt MCCB XT4 4 cực	14,417,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068207R1	XT4 W PP 4p HR	Phần cô định máy cắt MCCB XT4 4 cực	15,857,000	BG	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104686R1	XT5 W PP 400A 4p EF EF IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	34,872,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104688R1	XT5 W PP 400A 4p HR HR IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	38,360,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA112967R1	XT5 W PP 400A 4p VR VR IEC	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	38,360,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104693R1	XT5 W PP 630A 4p EF EF IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	38,360,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104694R1	XT5 W PP 630A 4p HR HR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	42,196,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104695R1	XT5 W PP 630A 4p VR VR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT5 4 cực	42,196,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104699R1	XT6 W PP 800A 4p EF EF IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT6 3 cực	40,175,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104700R1	XT6 W PP 800A 4p HR HR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT6 3 cực	44,193,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104701R1	XT6 W PP 800A 4p VR VR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT6 3 cực	44,193,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104704R1	XT7-XT7M W PP 4p EF IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT7 3 cực	64,126,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104705R1	XT7-XT7M W PP 4p HR/VR IEC/UL	Phần cô định máy cắt MCCB XT7 3 cực	70,538,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068093R1	XT4N 160 TMD 16-300 4p F F	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068094R1	XT4N 160 TMD 20-300 4p F F	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068095R1	XT4N 160 TMD 25-300 4p F F	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068096R1	XT4N 160 TMD 32-320 4p F F	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068097R1	XT4N 160 TMA 40-400 4p F F	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068098R1	XT4N 160 TMA 50-500 4p F F	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068099R1	XT4N 160 TMA 63-630 4p F F	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068100R1	XT4N 160 TMA 80-800 4p F F	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068101R1	XT4N 160 TMA 100-1000 4p F F	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068107R1	XT4N 160 TMA 125-1250 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068108R1	XT4N 160 TMA 160-1600 4p F F InN=100%	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068102R1	XT4N 160 TMA 125-1250 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA068103R1	XT4N 160 TMA 160-1600 4p F F InN=50%	Máy cắt MCCB XT4 160A	17,117,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066321R1	SOR-C XT1..XT4 F/P 12 Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT1-XT4	2,842,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066322R1	SOR-C XT1..XT4 F/P 24-30 Vac/dc	Phụ kiện cuộn mở XT1-XT4	2,842,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066323R1	SOR-C XT1..XT4 F/P 48-60 Vac/dc	Phụ kiện cuộn mở XT1-XT4	2,842,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066324R1	SOR-C XT1..XT4 F/P 110-127Vac-110-125Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT1-XT4	2,842,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066325R1	SOR-C XT1..XT4 F/P 220-240Vac-220-250Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT1-XT4	2,842,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066326R1	SOR-C XT1..XT4 F/P 380-440 Vac	Phụ kiện cuộn mở XT1-XT4	2,842,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066327R1	SOR-C XT1..XT4 F/P 480-525 Vac	Phụ kiện cuộn mở XT1-XT4	2,842,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104932R1	YO-C XT5-XT6 F/P 12 Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT5-XT6	3,876,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104933R1	YO-C XT5-XT6 F/P 24..60 Vac/dc	Phụ kiện cuộn mở XT5-XT6	3,876,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104934R1	YO-C XT5-XT6 F/P 110..240Vac-110..250Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT5-XT6	3,876,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104935R1	YO-C XT5-XT6 F/P 380..440 Vac	Phụ kiện cuộn mở XT5-XT6	3,876,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066328R1	SOR-C XT2-XT4 W 12 Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT2-XT4	3,102,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066329R1	SOR-C XT2-XT4 W 24-30 Vac/dc	Phụ kiện cuộn mở XT2-XT4	3,102,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066330R1	SOR-C XT2-XT4 W 48-60 Vac/dc	Phụ kiện cuộn mở XT2-XT4	3,102,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066331R1	SOR-C XT2-XT4 W 110-127Vac-110-125Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT2-XT4	3,102,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066332R1	SOR-C XT2-XT4 W 220-240Vac-220-250Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT2-XT4	3,102,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066333R1	SOR-C XT2-XT4 W 380-440 Vac	Phụ kiện cuộn mở XT2-XT4	3,102,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066334R1	SOR-C XT2-XT4 W 480-525 Vac	Phụ kiện cuộn mở XT2-XT4	3,102,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104928R1	YO-C XT6 W 12 Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT6	4,228,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104929R1	YO-C XT6 W24..60 Vac/dc	Phụ kiện cuộn mở XT6	4,228,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104930R1	YO-C XT6 W 110..240 Vac - 110..250 Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT6	4,228,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104931R1	YO-C XT6 W 380...440 Vac	Phụ kiện cuộn mở XT6	4,228,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104936R1	YO-C XT6 W 12 Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT6	4,228,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104937R1	YO-C XT6 W 24..60 Vac/dc	Phụ kiện cuộn mở XT7	4,228,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104938R1	YO-C XT6 W 110..240 Vac - 110..250 Vdc	Phụ kiện cuộn mở XT7	4,228,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104939R1	YO-C XT6 W 380..440 Vac	Phụ kiện cuộn mở XT7	4,228,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA073668R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 24 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073669R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 30 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073670R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 48 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073671R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 60 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073672R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 110-120 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073673R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 120-127 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073674R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 220-240 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073675R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 240-250 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073677R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 380-400 VAC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073678R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 415-440 VAC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073679R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 480-500 VAC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA066396R1	UVR-C XT1..XT4 F/P 24-30 Vac/dc	Phụ kiện bảo vệ thấp áp XT1-XT4	4,122,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066396S1	UVR-C XT1..XT4 F/P 48 Vac/dc	Phụ kiện bảo vệ thấp áp XT1-XT4	4,122,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066397R1	UVR-C XT1..XT4 F/P 60 Vac/dc	Phụ kiện bảo vệ thấp áp XT1-XT4	4,122,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066398R1	UVR-C XT1..XT4 F/P 110-127Vac-110-125Vdc	Phụ kiện bảo vệ thấp áp XT1-XT4	4,122,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066399R1	UVR-C XT1..XT4 F/P 220-240Vac-220-250Vdc	Phụ kiện bảo vệ thấp áp XT1-XT4	4,122,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066400R1	UVR-C XT1..XT4 F/P 380-440 Vac	Phụ kiện bảo vệ thấp áp XT1-XT4	4,122,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066401R1	UVR-C XT1..XT4 F/P 480-525 Vac	Ph				

1SDA066466R1	MOE XT2-XT4 220...250V ac/dc	Mô tả sạc	24,810,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104879R1	MOE XT5 24V DC	Mô tả sạc	36,719,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104881R1	MOE XT5 48...60V DC	Mô tả sạc	36,719,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104883R1	MOE XT5 110...125V AC/DC	Mô tả sạc	36,719,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104885R1	MOE XT5 220...250V AC/DC	Mô tả sạc	36,719,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104887R1	MOE XT5 380V AC	Mô tả sạc	36,719,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104889R1	MOE XT6 24V DC	Mô tả sạc	44,063,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104891R1	MOE XT6 48...60V DC	Mô tả sạc	44,063,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104893R1	MOE XT6 110...125V AC/DC	Mô tả sạc	44,063,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104895R1	MOE XT6 220...250V AC/DC	Mô tả sạc	44,063,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104897R1	MOE XT6 380V AC	Mô tả sạc	44,063,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA074172R1	EKIP SUPPLY 110-240VAC/DC E1.2..E6.2-XT	Mô đun truyền thông	14,717,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074173R1	EKIP SUPPLY 24-48VDC E1.2..E6.2-Tmax XT	Mô đun truyền thông	14,717,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA105173R1	EKIP COM ETHERNET/IP XT2-XT4 INT	Mô đun truyền thông	28,651,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105160R1	EKIP COM HUB XT2-XT4 INT	Mô đun truyền thông	32,148,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105174R1	EKIP COM IEC61850 XT2-XT4 INT	Mô đun truyền thông	39,876,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105175R1	SLIM EKP COM MODBUS RS-485 XT2-4 INT F	Mô đun truyền thông	27,286,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105177R1	EKIP COM MODBUS TCP XT2-XT4 INT	Mô đun truyền thông	28,651,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105180R1	EKIP COM PROFINET XT2-XT4 INT	Mô đun truyền thông	28,651,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105197R1	EKIP LINK XT2-XT4 INT	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105183R1	EKIP COM STA MODBUS TCP XT2-XT4 INT	Mô đun truyền thông	26,187,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105181R1	EKIP COM STA MODB RS-485 XT2-XT4 INT F	Mô đun truyền thông	26,187,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105185R1	EKIP COM ETHERNET/IP XT5 INT	Mô đun truyền thông	29,797,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105161R1	EKIP COM HUB XT5 INT	Mô đun truyền thông	33,433,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105186R1	EKIP COM IEC61850 XT5 INT	Mô đun truyền thông	41,472,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105187R1	EKIP COM MODBUS RS-485 XT5 INT F/P	Mô đun truyền thông	28,381,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105189R1	EKIP COM MODBUS TCP XT5 INT	Mô đun truyền thông	29,797,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105192R1	EKIP COM PROFINET XT5 INT	Mô đun truyền thông	29,797,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105196R1	EKIP LINK XT5 INT	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105195R1	EKIP COM STA MODBUS TCP XT5 INT F/P	Mô đun truyền thông	27,234,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105193R1	EKIP COM STA MODBUS RS-485 XT5 INT F/F	Mô đun truyền thông	27,234,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105166R1	EKIP COM MODBUS RS-485 Tmax XT	Mô đun truyền thông	30,322,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105167R1	EKIP COM MODBUS TCP Tmax XT	Mô đun truyền thông	31,834,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105170R1	EKIP COM PROFIBUS Tmax XT	Mô đun truyền thông	31,834,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105171R1	EKIP COM PROFINET Tmax XT	Mô đun truyền thông	31,834,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105162R1	EKIP COM DEVICENET Tmax XT	Mô đun truyền thông	31,834,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105163R1	EKIP COM ETHERNET/IP Tmax XT	Mô đun truyền thông	31,834,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105165R1	EKIP COM IEC61850 Tmax XT	Mô đun truyền thông	44,306,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105172R1	EKIP LINK Tmax XT	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105164R1	Ekip Com Hub Tmax XT	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA074166R1	EKIP COM ACTUATOR E1.2..E6.2-XT7-XT7M	Mô đun truyền thông	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA105208R1	SW Measuring for XT2-XT4	Chức năng đo lường	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105215R1	SW Frequency Protection for XT2-XT4	Chức năng đo lường	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105211R1	SW Voltages Protection for XT2-XT4	Chức năng đo điện áp	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105213R1	SW Voltages Protection Advanced XT2-XT4	Chức năng đo điện áp	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105215R1	SW Frequency Protection for XT2-XT4	Chức năng đo lường	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105217R1	SW Power Protection for XT2-XT4	Chức năng bảo vệ công suất	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105221R1	SW Adaptive Protection for XT2-XT4	Chức năng bảo vệ công suất	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105223R1	SW Datalogger for XT2-XT4	Chức năng ghi dữ liệu	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105209R1	SW Measuring for XT5-XT7	Chức năng phân tích	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105216R1	SW Frequency Protection for XT5-XT7	Chức năng đo lường năng lượng	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105212R1	SW Voltages Protection for XT5-XT7	Chức năng đo điện áp	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105214R1	SW Voltages Protection Advanced XT5-XT7	Chức năng đo điện áp	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105218R1	SW Power Protection for XT5-XT7	Chức năng bảo vệ công suất	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105222R1	SW Adaptive Protection for XT5-XT7	Chức năng bảo vệ công suất	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105224R1	SW Datalogger for XT5-XT7	Chức năng ghi dữ liệu	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA105226R1	SW Network Analyzer for XT5-XT7	Chức năng phân tích	***	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	Contact ABB for price information
1SDA114809R1	Lite Panel	Lite Panel	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA101991R1	RATING PLUG In=250A XT5 IEC	Bộ định dòng In=250A XT5 IEC	3,968,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA101994R1	RATING PLUG In=320 A XT5 IEC	Bộ định dòng In=320 A XT5 IEC	3,968,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA101995R1	RATING PLUG In=400A XT5 IEC	Bộ định dòng In=400A XT5 IEC	3,968,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA101997R1	RATING PLUG In=500 A XT5 IEC	Bộ định dòng In=500 A XT5 IEC	3,968,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102000R1	RATING PLUG In=630 A XT5 IEC	Bộ định dòng In=630 A XT5 IEC	3,968,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA107617R1	RATING PLUG BASIC In=630 A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng BASIC In=630 A XT7-XT7M IEC	3,968,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102011R1	RATING PLUG BASIC In=800A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng BASIC In=800A XT7-XT7M IEC	3,968,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102014R1	RATING PLUG BASIC In=1000A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng BASIC In=1000A XT7-XT7M IEC	3,968,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102018R1	RATING PLUG BASIC In=1250A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng BASIC In=1250A XT7-XT7M IEC	3,968,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102020R1	RATING PLUG BASIC In=1600A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng BASIC In=1600A XT7-XT7M IEC	3,968,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA107619R1	RATING PLUG In=630 A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng In=630 A XT7-XT7M IEC	3,968,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102001R1	RATING PLUG In=800 A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng In=800 A XT7-XT7M IEC	3,968,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102004R1	RATING PLUG In=1000 A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng In=1000 A XT7-XT7M IEC	3,968,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102006R1	RATING PLUG In=1250 A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng In=1250 A XT7-XT7M IEC	3,968,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102010R1	RATING PLUG In=1600 A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng In=1600 A XT7-XT7M IEC	3,968,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102021R1	RATING PLUG RC In=800 A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng RC In=800 A XT7-XT7M IEC	5,966,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA102023R1	RATING PLUG RC In=1250 A XT7-XT7M IEC	Bộ định dòng RC In=1250 A XT7-XT7M IEC	5,966,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066637R1	MIR-HR XT1..XT4	Khóa liên động	10,100,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066638R1	MIR-VR XT1..XT4	Khóa liên động	11,192,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066639R1	MIR-P x XT1 F	Khóa liên động	2,526,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066640R1	MIR-P x XT1 P	Khóa liên động	2,526,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066643R1	MIR-P x XT3 F	Khóa liên động	2,652,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066644R1	MIR-P x XT3 P	Khóa liên động	2,652,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066641R1	MIR-P x XT2 F	Khóa liên động	2,577,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066642R1	MIR-P x XT2 P/W	Khóa liên động	2,577,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066645R1	MIR-P x XT4 F	Khóa liên động	2,728,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066646R1	MIR-P x XT4 P/W	Khóa liên động	2,728,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105177R1	MIR-H XT5 MECH LOCK REAR HO. 2 C.BREA	Khóa liên động	14,383,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105119R1	MIR-V XT5 MECH LOCK REAR VE. 2 C.BREA	Khóa liên động	15,821,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105122R1	MIR-P x XT5 F	Khóa liên động	3,597,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105123R1	MIR-P x XT5 P/W 400A FP	Khóa liên động	3,597,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105124R1	MIR-P x XT5 P/W 630A FP	Khóa liên động	3,597,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105121R1	MIR-P XT4 F x MIR-HV XT5	Khóa liên động	3,597,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105125R1	MIR-P XT4 P x MIR-HV XT5	Khóa liên động	3,597,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105118R1	MIR-H XT6 MECH LOCK REAR HO. 2 C.BREA	Khóa liên động	15,821,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105120R1	MIR-V XT6 MECH LOCK REAR VE. 2 C.BREA	Khóa liên động	14,383,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105126R1	MIR-P x XT6 F	Khóa liên động	3,777,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA105127R1	MIR-P x XT6 P/W	Khóa liên động	3,777,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA101888R1	MIR-P XT5 F x MIR-HV XT6	Khóa liên động	3,597,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA101898R1	MIR-P XT5 W/P 400A FP x MIR-HV XT6	Khóa liên động	3,597,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA101990R1	MIR-P XT5 W/P 630A FP x MIR-HV XT6	Khóa liên động	3,597,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA073881R1	Cable Interlock A - HR E1.2..E6.2-XT7/M	Khóa liên động	6,234,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073885R1	Cable Interlock A - VR E1.2..E6.2-XT7/M	Khóa liên động	6,234,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073896R1	Support for fixed part Type A E1.2-XT7/M	Bộ hỗ trợ khóa liên động	9,824,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073893R1	Sup. fixed Type A E1.2-XT7/M floor mount	Bộ hỗ trợ khóa liên động	9,824,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073894R1	Sup. fixed Type A E1.2-XT7/M wall mount	Bộ hỗ trợ khóa liên động	9,824,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA066475R1	RHD XT1-XT3 F/P STAND. DIRECT	Tay xoay	1,904,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA069053R1	RHD XT2-XT4 F/P STAND. DIRECT	Tay xoay	2,000,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104826R1	RHD XT5 F/P STAND. DIRECT	Tay xoay	3,468,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104832R1	RHD XT6 F/P STAND. DIRECT	Tay xoay	6,513,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104838R1	RHD XT7 F/W STAND. DIRECT	Tay xoay	6,839,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066476R1	RHD XT2-XT4 W STAND. DIRECT	Tay xoay	2,000,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104828R1	RHD XT5 W STAND. DIRECT	Tay xoay	3,468,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104834R1	RHD XT6 W STAND. DIRECT	Tay xoay	6,513,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104836R1	RHD XT7 F/W STAND. DIRECT	Tay xoay	6,839,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066479R1	RHE XT1-XT3 F/P STAND. RETURNED	Tay xoay	3,603,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA069055R1	RHE XT2-XT4 F/P STAND. RETURNED	Tay xoay	3,783,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104843R1	RHE XT5 F/P STAND. RETURNED	Tay xoay	5,349,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104853R1	RHE XT6 F/P STAND. RETURNED	Tay xoay	10,864,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104863R1	RHE XT7 F/W STAND. RETURNED	Tay xoay	10,862,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066480R1	RHE XT2-XT4 W STAND. RETURNED	Tay xoay	3,783,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104844R1	RHE XT5 W STAND. RETURNED	Tay xoay	5,349,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104854R1	RHE XT6 W STAND. RETURNED	Tay xoay	10,364,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104863R1	RHE XT7 F/W STAND. RETURNED	Tay xoay	10,862,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA066587R1	RHEIP54 XT1..XT4 PROTECT. IP54 ROT.HANDL	Tay xoay	1,079,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104876R1	IP54RHD XT5 PROTECT. IP54 ROT.HANDL	Tay xoay	2,156,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104877R1	IP54RHD XT6 PROTECT. IP54 ROT.HANDL	Tay xoay	2,606,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104878R1	IP54RHD XT7 PROTECT. IP54 ROT.HANDL	Tay xoay	2,911,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA068183R1	XT1 P PP 3p EF	Phần có định máy cắt MCCB XT1 3 cực	4,601,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA068192R1	XT3 P PP 3p EF	Phần có định máy cắt MCCB XT3 3 cực	4,955,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA068197R1	XT2 P PP 3p EF	Phần có định máy cắt MCCB XT2 3 cực	4,812,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA068196R1	XT4 P PP 3p EF	Phần có định máy cắt MCCB XT4 3 cực	5,134,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104668R1	XT5 P PP 400A 3p EF IEC	Phần có định máy cắt MCCB XT5 3 cực	13,664,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA104676R1	XT5 P PP 630A 3p EF IECUL	Phần có định máy cắt MCCB XT5 3 cực	15,141,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA068184R1	XT1 P PP 3p HR	Phần có định máy cắt MCCB XT1 3 cực	5,061,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA068193R1	XT3 P PP 3p HR	Phần có định máy cắt MCCB XT3 3 cực	5,449,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	
1SDA068189R1	XT2 P PP 3p HR	Phần có định máy cắt MCCB XT2 3 cực	5,295,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT	

1SDA068197R1	XT4 P PP 3p HR	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT4 3 cực	5,605,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104670R1	XT5 P PP 400A 3p HR HR IEC	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 3 cực	15,141,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA112981R1	XT5 P PP 400A 3p VR VR IEC	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 3 cực	15,141,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104677R1	XT5 P PP 630A 3p HR HR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 3 cực	16,655,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104678R1	XT5 P PP 630A 3p VR VR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 3 cực	16,655,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068185R1	XT1 P PP 4p EF	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT1 4 cực	5,750,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068194R1	XT3 P PP 4p EF	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT3 4 cực	6,192,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068190R1	XT2 P PP 4p EF	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT2 4 cực	6,016,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068198R1	XT4 P PP 4p EF	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT4 4 cực	6,370,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104672R1	XT5 P PP 400A 4p EF EF IEC	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	17,205,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104679R1	XT5 P PP 630A 4p EF EF IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	18,927,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068186R1	XT1 P PP 4p HR	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT1 4 cực	6,326,000	BG	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068195R1	XT3 P PP 4p HR	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT3 4 cực	6,862,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068191R1	XT2 P PP 4p HR	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT2 4 cực	6,618,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068199R1	XT4 P PP 4p HR	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT4 4 cực	7,008,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104674R1	XT5 P PP 400A 4p HR HR IEC	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	18,927,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA112983R1	XT5 P PP 400A 4p VR VR IEC	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	18,927,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104680R1	XT5 P PP 630A 4p HR HR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	20,666,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104681R1	XT5 P PP 630A 4p VR VR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	20,666,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066276R1	KIT P MP XT1 3p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	2,125,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066280R1	KIT P MP XT3 3p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	2,478,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066278R1	KIT P MP XT2 3p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	2,266,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066282R1	KIT P MP XT4 3p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	2,619,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104707R1	Kit P MP XT5 400A 3p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	6,389,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104709R1	Kit P MP XT5 630A 3p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	6,389,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066277R1	KIT P MP XT1 4p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	2,656,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066281R1	KIT P MP XT3 4p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	3,097,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066279R1	KIT P MP XT2 4p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	2,831,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066283R1	KIT P MP XT4 4p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	3,273,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104708R1	Kit P MP XT5 400A 4p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	7,986,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104710R1	Kit P MP XT5 630A 4p	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT	7,986,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068200R1	XT2 W FF 3p EF	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT2 3 cực	10,610,000	BG	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068204R1	XT4 W FF 3p EF	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT4 3 cực	11,532,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104682R1	XT5 W FF 400A 3p EF EF IEC	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 3 cực	27,899,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104690R1	XT5 W FF 630A 3p EF EF IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 3 cực	30,688,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104696R1	XT6 W FF 800A 3p EF EF IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT6 3 cực	32,141,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104702R1	XT7-XT7M W FF 3p EF IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT7 3 cực	51,302,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068201R1	XT2 W FF 3p HR	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT2 3 cực	11,585,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068205R1	XT4 W FF 3p HR	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT4 3 cực	12,686,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104684R1	XT5 W FF 400A 3p HR HR IEC	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 3 cực	30,688,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104691R1	XT5 W FF 630A 3p HR HR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 3 cực	33,758,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104692R1	XT5 W FF 630A 3p VR VR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 3 cực	33,758,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104697R1	XT6 W FF 800A 3p HR HR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT6 3 cực	35,354,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104698R1	XT6 W FF 800A 3p VR VR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT6 3 cực	35,354,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104703R1	XT7-XT7M W FF 3p HR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT7 3 cực	56,432,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068202R1	XT2 W FF 4p EF	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT2 4 cực	13,165,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068206R1	XT4 W FF 4p EF	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT4 4 cực	14,417,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104696R1	XT5 W FF 400A 4p EF EF IEC	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	34,872,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104693R1	XT5 W FF 630A 4p EF EF IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	38,360,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104699R1	XT6 W FF 800A 4p EF EF IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT6 3 cực	40,175,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104704R1	XT7-XT7M W FF 4p EF IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT7 3 cực	64,126,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068203R1	XT2 W FF 4p HR	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT2 4 cực	14,589,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068207R1	XT4 W FF 4p HR	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT4 4 cực	15,857,000	BG	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104698R1	XT5 W FF 630A 4p HR HR IEC	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	38,360,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104694R1	XT5 W FF 630A 4p HR HR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	42,196,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104695R1	XT5 W FF 630A 4p VR VR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT5 4 cực	42,196,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104700R1	XT6 W FF 800A 4p HR HR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT6 3 cực	44,193,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104701R1	XT6 W FF 800A 4p VR VR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT6 3 cực	44,193,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104705R1	XT7-XT7M W FF 4p HR/VR IEC/UL	Phần vỏ định máy cắt MCCB XT7 3 cực	70,538,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068204R1	KIT W MP XT2 3p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	4,580,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068206R1	KIT W MP XT4 3p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	5,343,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104711R1	Kit W MP XT5 400A 3p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	11,870,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104713R1	Kit W MP XT5 630A 3p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	11,870,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104715R1	Kit W MP XT5 800A 3p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	19,703,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104717R1	Kit W MP XT7 3p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	19,176,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068265R1	KIT W MP XT2 4p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	5,726,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA068267R1	KIT W MP XT4 4p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	6,728,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104712R1	Kit W MP XT5 400A 4p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	14,946,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104714R1	Kit W MP XT5 630A 4p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	14,946,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104716R1	Kit W MP XT5 800A 4p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	24,630,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104718R1	Kit W MP XT7 4p	Kit phần đi động máy cắt MCCB XT	24,147,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA067122R1	RC Inst HV 85...690Vac XT1 3p F	RC Inst HV 85...690Vac XT1 3p F	20,887,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA067123R1	RC Inst HV 85...690Vac XT1 3p F	RC Inst HV 85...690Vac XT1 3p F	20,887,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA067127R1	RC Inst HV 85...690Vac XT3 3p F	RC Inst HV 85...690Vac XT3 3p F	23,586,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA067128R1	RC Sel HV 85...690Vac XT3 3p F	RC Sel HV 85...690Vac XT3 3p F	23,586,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA067124R1	RC Inst HV 85...690Vac XT1 4p F	RC Inst HV 85...690Vac XT1 4p F	24,573,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA067125R1	RC Sel HV 85...690Vac XT1 4p F	RC Sel HV 85...690Vac XT1 4p F	24,573,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA067126R1	RC Sel x XT2 4p	RC Sel x XT2 4p	25,802,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA067129R1	RC Inst HV 85...690Vac XT3 4p F	RC Inst HV 85...690Vac XT3 4p F	27,747,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA067130R1	RC Sel HV 85...690Vac XT3 4p F	RC Sel HV 85...690Vac XT3 4p F	27,747,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA067131R1	RC Sel x XT4 4p	RC Sel x XT4 4p	29,133,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA105131R1	RC Sel x XT5 4p	RC Sel x XT5 4p	41,418,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA06664R1	HTC XT1 3p TERMINAL COVERS HIGH 2pcs	Tấm che đầu cực	1,246,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA06666R1	HTC XT2 3p TERMINAL COVERS HIGH 2pcs	Tấm che đầu cực	1,271,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA06669R1	HTC XT3 3p TERMINAL COVERS HIGH 2pcs	Tấm che đầu cực	1,307,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066670R1	HTC XT4 3p TERMINAL COVERS HIGH 2pcs	Tấm che đầu cực	1,346,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA054960R1	HTC T5 3p TERMINAL COVERS HIGH 2pcs	Tấm che đầu cực	7,457,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA014040R1	TERMINAL COVERS HIGH 3P S6-T6	Tấm che đầu cực	1,905,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA06665R1	HTC XT1 4p TERMINAL COVERS HIGH 2pcs	Tấm che đầu cực	1,557,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066667R1	HTC XT2 4p TERMINAL COVERS HIGH 2pcs	Tấm che đầu cực	1,588,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066699R1	HTC XT3 4p TERMINAL COVERS HIGH 2pcs	Tấm che đầu cực	1,635,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066671R1	HTC XT4 4p TERMINAL COVERS HIGH 2pcs	Tấm che đầu cực	1,682,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA054961R1	HTC T5 4p TERMINAL COVERS HIGH 2pcs	Tấm che đầu cực	9,688,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA014041R1	TERMINAL COVERS HIGH 4P S6-T6	Tấm che đầu cực	2,486,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066676R1	PB 100mm 4pcs XT1-XT3 3p PAR.DIV.PH.LOW	Tấm che đầu cực	359,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066675R1	PB 100mm 4pcs XT2-XT4 3p KIT PADI.PH.LO	Tấm che đầu cực	365,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA054970R1	PB100 T4-5-T7-X1-A3 3p PART.DIV.PH.ALOW	Tấm che đầu cực	636,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066696R1	KIT INSUL PARTIT. DIV.PHASE 3p S6-S7-T6	Tấm che đầu cực	1,329,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066681R1	PB 100mm 6pcs XT1-XT3 4p PAR.DIV.PH.LOW	Tấm che đầu cực	638,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066680R1	PB 100mm 6pcs XT2-XT4 4p KIT PADI.PH.LO	Tấm che đầu cực	548,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA054971R1	PB100 T4-5-T7-X1-A3 4p PART.DIV.PH.ALOW	Tấm che đầu cực	947,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA050697R1	KIT INSULAT. PART. DIV.PHASE 4p S6-S7-T6	Tấm che đầu cực	1,108,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066937R1	KIT R XT1 1 3pcs	Kit đầu cực MCCB	2,003,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066941R1	KIT R XT2 3pcs	Kit đầu cực MCCB	2,225,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066945R1	KIT R XT3 3pcs	Kit đầu cực MCCB	2,447,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA066949R1	KIT R XT4 3pcs	Kit đầu cực MCCB	2,668,000	CN	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104760R1	KIT R - REAR TERMINALS - XT5 3pcs	Kit đầu cực MCCB	5,071,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104762R1	KIT R - REAR TERMINALS - XT6 3pcs	Kit đầu cực MCCB	7,437,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA063120R1	KIT HR T7-T7M-X1-XT7-XT7M 3pcs	Kit đầu cực MCCB	10,040,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA073981R1	Kit HR Sup E1.2-XT7/XT7M F 3pcs INST	Kit đầu cực MCCB	13,291,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073983R1	Kit HR Inf E1.2-XT7/XT7M F 3pcs INST	Kit đầu cực MCCB	13,291,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA06938R1	KIT R XT1 1 4pcs	Kit đầu cực MCCB	2,668,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA06942R1	KIT R XT2 4pcs	Kit đầu cực MCCB	2,965,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA06946R1	KIT R XT3 4pcs	Kit đầu cực MCCB	3,263,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA06950R1	KIT R XT4 4pcs	Kit đầu cực MCCB	3,558,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104761R1	KIT R - REAR TERMINALS - XT5 4pcs	Kit đầu cực MCCB	6,811,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA104763R1	KIT R - REAR TERMINALS - XT6 4pcs	Kit đầu cực MCCB	9,296,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA063121R1	KIT HR T7-T7M-X1-XT7-XT7M 4pcs	Kit đầu cực MCCB	12,643,000	IT	1	ELSP-BS TMAX XT
1SDA073982R1	Kit HR Sup E1.2-XT7/XT7M F 4pcs INST	Kit đầu cực MCCB	17,722,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073984R1	Kit HR Inf E1.2-XT7/XT7M F 4pcs INST	Kit đầu cực MCCB	17,722,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA065523R1	ATS021 AUTO. TRAN.SWITCH MULTI VOLTAGE	Bộ chuyển nguồn tự động	114,149,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA065524R1	ATS022 AUTO. TRAN.SWITCH ADVANCED C	Bộ chuyển nguồn tự động	148,232,000	EE	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070701R1	E1-2B 630 Ekip Dip LI 3p F F	Máy cắt không khí E1.2 loại có định 630A	141,625,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070702R1	E1-2B 630 Ekip Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1.2 loại có định 630A	152,705,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070703R1	E1-2B 630 Ekip Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1.2 loại có định 630A	169,325,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070741R1	E1-2B 800 Ekip Dip LI 3p F F	Máy cắt không khí E1.2 loại có định 800A	142,891,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070742R1	E1-2B 800 Ekip Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1.2 loại có định 800A	153,969,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070743R1	E1-2B 800 Ekip Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1.2 loại có định 800A	170,591,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070741R1	E1-2B 1000 Ekip Dip LI 3p F F	Máy cắt không khí E1.2 loại có định 1000A	148,890,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070782R1	E1-2B 1000 Ekip Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1.2 loại có định 1000A	159,970,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070783R1	E1-2B 1000 Ekip Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1.2 loại có định 1000A	176,589,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070821R1	E1-2B 1250 Ekip Dip LI 3p F F	Máy cắt không khí E1.2 loại có định 1250A	136,769,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA070822R1	E1-2B 1250 Ekip Dip LSI 3p F F	Máy cắt không				

15DA070682R1	E1 2B 1600 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	158.548.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070683R1	E1 2B 1600 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	174.087.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070711R1	E1 2C 630 Eksp Dip U1 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	145.489.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070712R1	E1 2C 630 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	156.569.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070713R1	E1 2C 630 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	173.188.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070751R1	E1 2C 800 Eksp Dip U1 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	147.201.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070752R1	E1 2C 800 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	158.289.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070753R1	E1 2C 800 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	174.901.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070791R1	E1 2C 1000 Eksp Dip U1 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	152.600.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070792R1	E1 2C 1000 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	163.680.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070793R1	E1 2C 1000 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	180.301.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070831R1	E1 2C 1250 Eksp Dip U1 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	140.361.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070792R1	E1 2C 1250 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	153.993.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070833R1	E1 2C 1250 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	164.592.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070871R1	E1 2C 1600 Eksp Dip U1 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	154.121.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070872R1	E1 2C 1600 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	163.814.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070873R1	E1 2C 1600 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	178.354.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070721R1	E1 2N 630 Eksp Dip U1 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	148.893.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070722R1	E1 2N 630 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	159.975.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070723R1	E1 2N 630 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	176.593.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070761R1	E1 2N 800 Eksp Dip U1 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	150.670.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070762R1	E1 2N 800 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	161.751.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070763R1	E1 2N 800 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	178.371.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070801R1	E1 2N 1000 Eksp Dip U1 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	155.911.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070802R1	E1 2N 1000 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	166.991.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070803R1	E1 2N 1000 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	180.301.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070841R1	E1 2N 1250 Eksp Dip U1 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	142.409.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070842R1	E1 2N 1250 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	152.099.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070843R1	E1 2N 1250 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	166.640.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070881R1	E1 2N 1600 Eksp Dip U1 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	156.768.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070882R1	E1 2N 1600 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	166.480.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070883R1	E1 2N 1600 Eksp Dip LSI 3p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	180.301.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071331R1	E1 2B 630 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	177.033.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071332R1	E1 2B 630 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	190.880.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071333R1	E1 2B 630 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	211.655.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071371R1	E1 2B 800 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	178.612.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071372R1	E1 2B 800 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	192.462.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071373R1	E1 2B 800 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	213.286.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071411R1	E1 2B 1000 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	186.113.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071412R1	E1 2B 1000 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	199.963.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071413R1	E1 2B 1000 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	220.737.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071451R1	E1 2B 1250 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	170.961.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071452R1	E1 2B 1250 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	183.076.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071453R1	E1 2B 1250 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	201.250.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071491R1	E1 2B 1600 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	187.289.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071492R1	E1 2B 1600 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	199.436.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071493R1	E1 2B 1600 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	217.609.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071341R1	E1 2C 630 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	181.860.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071342R1	E1 2C 630 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	195.710.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071343R1	E1 2C 630 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	216.484.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071381R1	E1 2C 800 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	184.289.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071382R1	E1 2C 800 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	197.852.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071383R1	E1 2C 800 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	218.626.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071421R1	E1 2C 1000 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	190.749.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071422R1	E1 2C 1000 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	204.601.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071423R1	E1 2C 1000 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	225.375.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071461R1	E1 2C 1250 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	175.566.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071462R1	E1 2C 1250 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	187.568.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071463R1	E1 2C 1250 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	205.740.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071501R1	E1 2C 1600 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	192.653.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071502R1	E1 2C 1600 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	204.768.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071503R1	E1 2C 1600 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	222.941.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071351R1	E1 2C 630 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	196.986.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071352R1	E1 2C 630 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	216.484.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071353R1	E1 2C 630 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 630A	220.742.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071391R1	E1 2N 800 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	188.340.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071392R1	E1 2N 800 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	202.188.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071393R1	E1 2N 800 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 800A	222.962.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071431R1	E1 2N 1000 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	194.889.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071432R1	E1 2N 1000 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	208.129.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071433R1	E1 2N 1000 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1000A	229.513.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071471R1	E1 2N 1250 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	178.010.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071472R1	E1 2N 1250 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	190.125.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071473R1	E1 2N 1250 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1250A	208.299.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071511R1	E1 2N 1600 Eksp Dip U1 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	196.961.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071512R1	E1 2N 1600 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	208.129.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071513R1	E1 2N 1600 Eksp Dip LSI 4p F F	Máy cắt không khí E1 2 loại có định hình 1600A	226.250.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070981R1	E2 2B 1600 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1600A	158.525.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070982R1	E2 2B 1600 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1600A	168.216.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070983R1	E2 2B 1600 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1600A	182.756.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071021R1	E2 2B 2000 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2000A	175.759.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071022R1	E2 2B 2000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2000A	185.451.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071023R1	E2 2B 2000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2000A	199.990.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070891R1	E2 2N 800 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 800A	154.639.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070892R1	E2 2N 800 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 800A	165.720.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070893R1	E2 2N 800 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 800A	182.338.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070921R1	E2 2N 1000 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1000A	162.081.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070922R1	E2 2N 1000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1000A	173.160.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070923R1	E2 2N 1000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1000A	189.780.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070951R1	E2 2N 1250 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1250A	150.144.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070952R1	E2 2N 1250 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1250A	159.837.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070953R1	E2 2N 1250 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1250A	174.375.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070991R1	E2 2N 1600 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1600A	161.959.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070992R1	E2 2N 1600 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1600A	171.652.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070993R1	E2 2N 1600 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1600A	186.731.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071031R1	E2 2N 2000 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2000A	179.544.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071032R1	E2 2N 2000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2000A	198.235.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071033R1	E2 2N 2000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2000A	203.775.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071061R1	E2 2N 2500 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2500A	256.480.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071062R1	E2 2N 2500 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2500A	266.173.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071063R1	E2 2N 2500 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2500A	283.711.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070901R1	E2 2S 800 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 800A	172.269.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070902R1	E2 2S 800 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 800A	183.347.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070903R1	E2 2S 800 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 800A	199.968.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070931R1	E2 2S 1000 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1000A	180.730.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070932R1	E2 2S 1000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1000A	191.810.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070933R1	E2 2S 1000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1000A	208.451.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070961R1	E2 2S 1250 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1250A	165.908.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070962R1	E2 2S 1250 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1250A	175.600.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA070963R1	E2 2S 1250 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1250A	190.137.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071001R1	E2 2S 1600 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1600A	194.780.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071002R1	E2 2S 1600 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1600A	204.472.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071003R1	E2 2S 1600 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 1600A	219.013.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071041R1	E2 2S 2000 Eksp Dip U1 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2000A	221.074.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071042R1	E2 2S 2000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E2 2 loại có định hình 2000A	230.766.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA071071R1	E2 2S 2500 Eksp Dip U1					

1SDAO71552R1	E22N 1000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1000A	216.450.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71553R1	E22N 1000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1000A	226.520.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71581R1	E22N 1250 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	187.680.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71582R1	E22N 1250 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	199.795.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71583R1	E22N 1250 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	217.968.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71584R1	E22N 1250 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	230.620.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71621R1	E22N 1600 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	214.963.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71623R1	E22N 1600 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	232.736.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71661R1	E22N 2000 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	224.429.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71662R1	E22N 2000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	236.545.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71663R1	E22N 2000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	254.718.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71691R1	E22N 2500 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	320.600.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71692R1	E22N 2500 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	332.000.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71693R1	E22N 2500 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	350.889.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71531R1	E22S 800 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 800A	215.334.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71532R1	E22S 800 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 800A	229.185.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71533R1	E22S 800 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 800A	249.960.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71561R1	E22S 1000 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1000A	225.913.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71562R1	E22S 1000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1000A	239.470.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71563R1	E22S 1000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1000A	260.537.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71591R1	E22S 1250 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	207.384.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71592R1	E22S 1250 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	219.500.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71593R1	E22S 1250 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	237.673.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71631R1	E22S 1600 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	243.476.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71632R1	E22S 1600 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	255.440.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71633R1	E22S 1600 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	273.765.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71671R1	E22S 2000 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	276.342.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71672R1	E22S 2000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	288.456.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71673R1	E22S 2000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	306.631.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71701R1	E22S 2500 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	354.120.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71702R1	E22S 2500 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	366.235.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71703R1	E22S 2500 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	384.000.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71541R1	E22H 800 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 800A	227.398.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71542R1	E22H 800 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 800A	241.248.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71543R1	E22H 800 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 800A	262.022.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71571R1	E22H 1000 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1000A	238.533.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71572R1	E22H 1000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1000A	252.883.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71573R1	E22H 1000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1000A	273.400.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO70971R1	E22H 1250 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	175.149.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO70972R1	E22H 1250 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	184.842.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO70973R1	E22H 1250 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	199.380.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71011R1	E22H 1600 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	205.542.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71012R1	E22H 1600 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	215.235.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71013R1	E22H 1600 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	233.219.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71051R1	E22H 2000 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	233.219.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71052R1	E22H 2000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	242.912.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71053R1	E22H 2000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	257.450.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71081R1	E22H 2500 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	298.717.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71082R1	E22H 2500 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	308.400.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71083R1	E22H 2500 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	322.947.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71141R1	E22N 3200 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	303.557.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71142R1	E22N 3200 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	303.557.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71143R1	E22N 3200 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	318.097.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71191R1	E22N 4000 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	455.772.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71192R1	E22N 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	465.466.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71193R1	E22N 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	484.003.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71151R1	E22S 3200 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	342.000.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71152R1	E22S 3200 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	351.763.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71153R1	E22S 3200 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	366.300.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71201R1	E22S 4000 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	505.785.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71202R1	E22S 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	515.478.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71203R1	E22S 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	530.017.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71204R1	E22S 4000 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	536.000.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71162R1	E22H 3200 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	370.276.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71163R1	E22H 3200 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	384.816.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71211R1	E22H 4000 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	532.916.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71212R1	E22H 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	542.609.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71213R1	E22H 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	557.146.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71214R1	E22H 4000 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	571.043.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71102R1	E22V 2000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	428.290.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71103R1	E22V 2000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	441.274.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71121R1	E22V 2500 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	425.752.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71122R1	E22V 2500 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	435.444.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71123R1	E22V 2500 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	449.983.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71171R1	E22V 3200 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	434.637.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71172R1	E22V 3200 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	444.229.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71173R1	E22V 3200 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	458.870.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71221R1	E22V 4000 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	641.439.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71222R1	E22V 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	651.130.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71223R1	E22V 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	665.668.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71231R1	E62H 4000 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 4000A	608.752.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71232R1	E62H 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 4000A	616.000.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71233R1	E62H 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 4000A	630.984.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71261R1	E62H 5000 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 5000A	778.828.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71262R1	E62H 5000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 5000A	788.518.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71263R1	E62H 5000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 5000A	803.057.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71291R1	E62H 6300 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 6300A	961.346.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71292R1	E62H 6300 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 6300A	971.039.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71293R1	E62H 6300 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 6300A	985.577.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71241R1	E62V 4000 Eksp Dip L1 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 4000A	715.137.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71242R1	E62V 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 4000A	724.829.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71243R1	E62V 4000 Eksp Dip LSI 3p FHR	Máy cắt không khí E62 loại có định 4000A	739.369.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71601R1	E22H 1250 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	218.936.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71602R1	E22H 1250 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	231.053.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71603R1	E22H 1250 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1250A	249.220.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71641R1	E22H 1600 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	256.928.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71642R1	E22H 1600 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	269.044.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71643R1	E22H 1600 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 1600A	287.217.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71681R1	E22H 2000 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	291.525.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71682R1	E22H 2000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	303.640.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71683R1	E22H 2000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2000A	321.000.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71711R1	E22H 2500 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	373.394.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71712R1	E22H 2500 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	385.510.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71713R1	E22H 2500 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 2500A	403.683.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71771R1	E22N 3200 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	367.330.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71772R1	E22N 3200 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	379.448.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71773R1	E22N 3200 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	387.621.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71821R1	E22N 4000 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	569.776.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71822R1	E22N 4000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	581.833.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71823R1	E22N 4000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	600.006.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71781R1	E22S 3200 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	427.587.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71782R1	E22S 3200 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	439.702.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71783R1	E22S 3200 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	457.876.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71831R1	E22S 4000 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	632.232.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71832R1	E22S 4000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	644.348.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71833R1	E22S 4000 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 4000A	662.521.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71791R1	E22H 3200 Eksp Dip L1 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	450.728.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71792R1	E22H 3200 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	462.846.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71793R1	E22H 3200 Eksp Dip LSI 4p FHR	Máy cắt không khí E22 loại có định 3200A	481.019.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX X2
1SDAO71841R1						

1SDAO71862R1	E6:2H 4000 Exp Dip LSI FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	770.556.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71863R1	E6:2H 4000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	788.723.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71891R1	E6:2H 5000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	973.531.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71892R1	E6:2H 5000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	985.647.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71893R1	E6:2H 5000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71921R1	E6:2H 6300 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71922R1	E6:2H 6300 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71923R1	E6:2H 6300 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71871R1	E6:2V 4000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	893.923.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71872R1	E6:2V 4000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	906.039.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71873R1	E6:2V 4000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	924.210.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71271R1	E6:2V 5000 Exp Dip Li 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	915.470.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71272R1	E6:2V 5000 Exp Dip LSI 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	925.000.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71273R1	E6:2V 5000 Exp Dip LSG 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	939.700.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71301R1	E6:2V 6300 Exp Dip Li 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71302R1	E6:2V 6300 Exp Dip LSI 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71303R1	E6:2V 6300 Exp Dip LSG 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71251R1	E6:2X 4000 Exp Dip Li 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	787.622.000	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71252R1	E6:2X 4000 Exp Dip LSI 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	797.314.000	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71253R1	E6:2X 4000 Exp Dip LSG 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	811.000.000	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71281R1	E6:2X 5000 Exp Dip Li 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71282R1	E6:2X 5000 Exp Dip LSI 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71283R1	E6:2X 5000 Exp Dip LSG 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71311R1	E6:2X 6300 Exp Dip Li 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71312R1	E6:2X 6300 Exp Dip LSI 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71313R1	E6:2X 6300 Exp Dip LSG 3P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71901R1	E6:2V 5000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71902R1	E6:2V 5000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71903R1	E6:2V 5000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71931R1	E6:2V 6300 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71932R1	E6:2V 6300 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71933R1	E6:2V 6300 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71881R1	E6:2X 4000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	984.527.000	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71882R1	E6:2X 4000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	996.643.000	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71883R1	E6:2X 4000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71911R1	E6:2X 5000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71912R1	E6:2X 5000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71913R1	E6:2X 5000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71941R1	E6:2X 6300 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71942R1	E6:2X 6300 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71943R1	E6:2X 6300 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71951R1	E6:2HF 4000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	788.777.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71952R1	E6:2HF 4000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	801.377.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71953R1	E6:2HF 4000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	820.278.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71981R1	E6:2HF 5000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71982R1	E6:2HF 5000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71983R1	E6:2HF 5000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72011R1	E6:2HF 6300 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72012R1	E6:2HF 6300 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72013R1	E6:2HF 6300 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71961R1	E6:2V 4000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	929.280.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71962R1	E6:2V 4000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	942.280.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71963R1	E6:2V 4000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	961.180.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71991R1	E6:2VF 5000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71992R1	E6:2VF 5000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71993R1	E6:2VF 5000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72021R1	E6:2VF 6300 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72022R1	E6:2VF 6300 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72023R1	E6:2VF 6300 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71971R1	E6:2XF 4000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71972R1	E6:2XF 4000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO71973R1	E6:2XF 4000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 4000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72001R1	E6:2XF 5000 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72002R1	E6:2XF 5000 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72003R1	E6:2XF 5000 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 5000A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72031R1	E6:2XF 6300 Exp Dip Li 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72032R1	E6:2XF 6300 Exp Dip LSI 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72033R1	E6:2XF 6300 Exp Dip LSG 4P FHR	Máy cắt không khí E6:2 loại cđ định 6300A	#####	IT	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72051R1	E1:26 630 Exp Dip Li 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	134.080.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72052R1	E1:26 630 Exp Dip LSI 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	151.707.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72053R1	E1:26 630 Exp Dip LSG 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	161.779.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72091R1	E1:28 800 Exp Dip Li 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	134.080.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72092R1	E1:28 800 Exp Dip LSI 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	145.159.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72093R1	E1:28 800 Exp Dip LSG 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	161.779.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72131R1	E1:28 1000 Exp Dip Li 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	140.848.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72132R1	E1:28 1000 Exp Dip LSI 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	151.707.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72133R1	E1:28 1000 Exp Dip LSG 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	168.545.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72171R1	E1:28 1250 Exp Dip Li 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1250A	136.411.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72172R1	E1:28 1250 Exp Dip LSI 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1250A	146.104.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72173R1	E1:28 1250 Exp Dip LSG 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1250A	160.642.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72211R1	E1:28 1600 Exp Dip Li 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1600A	160.064.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72212R1	E1:28 1600 Exp Dip LSI 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1600A	169.757.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72213R1	E1:28 1600 Exp Dip LSG 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1600A	184.000.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72061R1	E1:2C 630 Exp Dip Li 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	140.627.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72062R1	E1:2C 630 Exp Dip LSI 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	151.707.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72063R1	E1:2C 630 Exp Dip LSG 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	168.326.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72101R1	E1:2C 800 Exp Dip Li 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	140.627.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72102R1	E1:2C 800 Exp Dip LSI 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	151.707.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72103R1	E1:2C 800 Exp Dip LSG 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	168.326.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72141R1	E1:2C 1000 Exp Dip Li 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	152.979.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72142R1	E1:2C 1000 Exp Dip LSI 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	164.061.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72143R1	E1:2C 1000 Exp Dip LSG 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	180.680.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72181R1	E1:2C 1250 Exp Dip Li 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1250A	140.459.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72182R1	E1:2C 1250 Exp Dip LSI 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1250A	150.153.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72183R1	E1:2C 1250 Exp Dip LSG 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1250A	164.689.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72221R1	E1:2C 1600 Exp Dip Li 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1600A	167.853.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72222R1	E1:2C 1600 Exp Dip LSI 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1600A	177.544.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72223R1	E1:2C 1600 Exp Dip LSG 3P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1600A	192.084.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72681R1	E1:28 630 Exp Dip Li 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	167.600.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72682R1	E1:28 630 Exp Dip LSI 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	181.450.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72683R1	E1:28 630 Exp Dip LSG 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	202.824.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72721R1	E1:28 800 Exp Dip Li 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	167.600.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72722R1	E1:28 800 Exp Dip LSI 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	181.450.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72723R1	E1:28 800 Exp Dip LSG 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	202.224.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72761R1	E1:28 1000 Exp Dip Li 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	176.058.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72762R1	E1:28 1000 Exp Dip LSI 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	198.908.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72763R1	E1:28 1000 Exp Dip LSG 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	210.682.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72801R1	E1:28 1250 Exp Dip Li 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1250A	170.000.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72802R1	E1:28 1250 Exp Dip LSI 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1250A	182.631.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72803R1	E1:28 1250 Exp Dip LSG 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1250A	200.803.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72841R1	E1:28 1600 Exp Dip Li 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1600A	200.080.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72842R1	E1:28 1600 Exp Dip LSI 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1600A	212.196.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72843R1	E1:28 1600 Exp Dip LSG 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1600A	230.369.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72691R1	E1:2C 630 Exp Dip Li 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	175.000.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72693R1	E1:2C 630 Exp Dip LSG 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 630A	198.632.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72731R1	E1:2C 800 Exp Dip Li 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	210.406.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72733R1	E1:2C 800 Exp Dip LSI 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	175.784.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72735R1	E1:2C 800 Exp Dip LSG 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	198.632.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72773R1	E1:2C 800 Exp Dip LSG 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 800A	210.406.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72775R1	E1:2C 1000 Exp Dip Li 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	198.908.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72777R1	E1:2C 1000 Exp Dip LSI 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	205.075.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO72779R1	E1:2C 1000 Exp Dip LSG 4P WMP	Máy cắt không khí E1:2 loại cđ định 1000A	225.849.000	CN	1	ELSP-BE EMAX X2
1SDAO7281						

15DA072150Z1R1	E12N 1000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1000A	171.093.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072153R1	E12N 1250 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1250A	187.714.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072191R1	E12N 1250 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1250A	144.423.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072192R1	E12N 1250 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1250A	154.115.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072193R1	E12N 1250 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1250A	186.654.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072231R1	E12N 1600 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1600A	171.822.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072232R1	E12N 1600 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1600A	181.303.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072233R1	E12N 1600 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1600A	196.053.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072331R1	E22B 1600 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	167.771.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072332R1	E22B 1600 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	177.464.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072333R1	E22B 1600 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	192.004.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072371R1	E22B 2000 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	191.613.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072372R1	E22B 2000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	201.303.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072373R1	E22B 2000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	215.844.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072241R1	E22N 800 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	144.054.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072242R1	E22N 800 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	155.134.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072243R1	E22N 800 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	171.751.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072271R1	E22N 1000 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	156.588.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072272R1	E22N 1000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	167.667.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072273R1	E22N 1000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	184.222.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072301R1	E22N 1250 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	142.226.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072302R1	E22N 1250 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	151.918.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072303R1	E22N 1250 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	166.456.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072341R1	E22N 1600 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	171.394.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072342R1	E22N 1600 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	181.086.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072343R1	E22N 1600 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	195.741.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072701R1	E12N 630 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 630A	181.343.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072702R1	E12N 630 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 630A	195.192.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072703R1	E12N 630 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 630A	215.967.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072741R1	E12N 800 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 800A	181.343.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072742R1	E12N 800 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 800A	195.192.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072761R1	E12N 800 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 800A	215.967.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072762R1	E12N 800 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 800A	230.018.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072763R1	E12N 800 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 800A	231.868.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072768R1	E12N 1000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1000A	234.640.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072821R1	E12N 1250 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1250A	180.528.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072822R1	E12N 1250 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1250A	192.643.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072823R1	E12N 1250 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1250A	210.817.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072861R1	E12N 1600 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1600A	226.893.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072863R1	E12N 1600 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E1 2 loại và dòng 1600A	245.068.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072961R1	E22B 1600 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	209.714.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072962R1	E22B 1600 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	221.829.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072963R1	E22B 1600 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	240.003.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073001R1	E22B 2000 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	239.122.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073002R1	E22B 2000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	251.632.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073003R1	E22B 2000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	269.804.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072871R1	E22N 800 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	180.066.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072872R1	E22N 800 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	193.916.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072873R1	E22N 800 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	214.690.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072901R1	E22N 1000 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	195.741.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072902R1	E22N 1000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	209.583.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072903R1	E22N 1000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	230.360.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072931R1	E22N 1250 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	177.782.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072932R1	E22N 1250 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	189.898.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072933R1	E22N 1250 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	208.071.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072971R1	E22N 1600 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	214.242.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072972R1	E22N 1600 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	228.288.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072973R1	E22N 1600 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	244.531.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072381R1	E22N 2000 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	195.721.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072382R1	E22N 2000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	205.414.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072383R1	E22N 2000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	219.952.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072411R1	E22N 2500 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	251.773.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072412R1	E22N 2500 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	265.129.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072413R1	E22N 2500 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	276.004.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072251R1	E22S 800 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	191.005.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072252R1	E22S 800 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	202.084.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072253R1	E22S 800 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	218.702.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072281R1	E22S 1000 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	206.557.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072282R1	E22S 1000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	217.635.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072283R1	E22S 1000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	234.258.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072311R1	E22S 1250 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	180.419.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072312R1	E22S 1250 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	190.112.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072313R1	E22S 1250 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	204.650.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072351R1	E22S 1600 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	217.810.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072352R1	E22S 1600 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	227.502.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072353R1	E22S 1600 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	242.100.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072391R1	E22S 2000 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	270.249.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072392R1	E22S 2000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	279.942.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072393R1	E22S 2000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	294.480.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072421R1	E22S 2500 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	327.471.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072422R1	E22S 2500 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	337.164.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072423R1	E22S 2500 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	351.242.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072261R1	E22H 800 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	205.443.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072262R1	E22H 800 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	216.531.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072263R1	E22H 800 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	233.150.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072291R1	E22H 1000 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	221.822.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072292R1	E22H 1000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	232.902.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072293R1	E22H 1000 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	249.521.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072321R1	E22H 1250 Eksp Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	193.758.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072322R1	E22H 1250 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	203.452.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072323R1	E22H 1250 Eksp Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	217.990.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073011R1	E22N 2000 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	244.651.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073012R1	E22N 2000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	256.768.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073013R1	E22N 2000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	274.942.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073041R1	E22N 2500 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	314.242.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073042R1	E22N 2500 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	326.830.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073043R1	E22N 2500 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	345.003.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072881R1	E22S 800 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	238.754.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072882R1	E22S 800 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	252.604.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072883R1	E22S 800 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	273.380.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072911R1	E22S 1000 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	258.521.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072912R1	E22S 1000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	272.045.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072913R1	E22S 1000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1000A	292.819.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072941R1	E22S 1250 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	225.524.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072942R1	E22S 1250 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	237.638.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072943R1	E22S 1250 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1250A	255.812.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072981R1	E22S 1600 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	275.266.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072982R1	E22S 1600 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	284.379.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072983R1	E22S 1600 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 1600A	302.552.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073021R1	E22S 2000 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	337.811.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073022R1	E22S 2000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	349.927.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073023R1	E22S 2000 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2000A	368.100.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073051R1	E22S 2500 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	409.340.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073052R1	E22S 2500 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	421.000.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA073053R1	E22S 2500 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 2500A	439.628.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072891R1	E22H 800 Eksp Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	256.814.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072892R1	E22H 800 Eksp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2 2 loại và dòng 800A	270.663.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
15DA072893R1	E22H 800 Ek					

1SDA07249GR1	E4-2N 3200 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	340,605.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07245SR1	E4-2N 3200 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	355,144.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07254LR1	E4-2N 4000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	461,367.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07254ZR1	E4-2N 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	471,058.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07254SR1	E4-2N 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	485,598.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07250LR1	E4-2S 3200 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	421,951.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07250ZR1	E4-2S 3200 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	431,644.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07250SR1	E4-2S 3200 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	446,739.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07255LR1	E4-2S 4000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	582,510.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07255ZR1	E4-2S 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	592,203.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07255SR1	E4-2S 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	606,741.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07251LR1	E4-2H 3200 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	449,248.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07251ZR1	E4-2H 3200 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	458,942.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07251SR1	E4-2H 3200 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	465,268.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07256LR1	E4-2H 4000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	620,446.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07256ZR1	E4-2H 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	630,138.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07256SR1	E4-2H 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	644,677.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07245LR1	E4-2V 2000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 2000A	519,227.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07245ZR1	E4-2V 2000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 2000A	528,921.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07245SR1	E4-2V 2000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 2000A	545,458.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07247LR1	E4-2V 2500 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 2500A	630,823.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07247ZR1	E4-2V 2500 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 2500A	654,755.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07252LR1	E4-2V 3200 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	541,037.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07252ZR1	E4-2V 3200 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	550,731.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07252SR1	E4-2V 3200 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	565,269.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07298LR1	E2-2H 1600 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 1600A	291,396.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07298ZR1	E2-2H 1600 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 1600A	303,513.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07298SR1	E2-2H 1600 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 1600A	321,687.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07303LR1	E2-2H 2000 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2000A	360,396.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07303ZR1	E2-2H 2000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2000A	372,512.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07303SR1	E2-2H 2000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2000A	390,686.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07306LR1	E2-2H 2500 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2500A	436,797.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07306ZR1	E2-2H 2500 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2500A	448,775.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07306SR1	E2-2H 2500 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2500A	466,948.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07312LR1	E4-2N 3200 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	413,641.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07312ZR1	E4-2N 3200 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	425,757.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07312SR1	E4-2N 3200 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	443,930.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07317LR1	E4-2N 4000 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	578,709.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07317ZR1	E4-2N 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	588,824.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07317SR1	E4-2N 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	606,998.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07313LR1	E4-2S 3200 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	527,440.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07313ZR1	E4-2S 3200 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	539,555.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07313SR1	E4-2S 3200 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	557,728.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07318LR1	E4-2S 4000 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	728,138.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07318ZR1	E4-2S 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	740,253.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07318SR1	E4-2S 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	758,427.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07314LR1	E4-2H 3200 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	561,561.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07314ZR1	E4-2H 3200 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	573,678.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07314SR1	E4-2H 3200 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	591,850.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07319LR1	E4-2H 4000 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	775,558.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07319ZR1	E4-2H 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	787,673.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07319SR1	E4-2H 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	805,845.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07308LR1	E4-2V 2000 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2000A	649,034.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07308ZR1	E4-2V 2000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2000A	661,149.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07308SR1	E4-2V 2000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2000A	679,324.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07310LR1	E4-2V 2500 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2500A	682,928.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07310ZR1	E4-2V 2500 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2500A	674,043.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07310SR1	E4-2V 2500 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E2-2 loại di động 2500A	692,816.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07315LR1	E4-2V 3200 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	676,295.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07315ZR1	E4-2V 3200 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	688,410.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07315SR1	E4-2V 3200 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 3200A	706,585.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07257LR1	E4-2V 4000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	746,473.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07257ZR1	E4-2V 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	756,568.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07257SR1	E4-2V 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	770,704.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07258LR1	E4-2H 4000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	560,010.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07258ZR1	E4-2H 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	569,702.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07258SR1	E4-2H 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	584,239.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07261LR1	E4-2H 5000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	763,886.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07261ZR1	E4-2H 5000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	773,576.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07261SR1	E4-2H 5000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	788,700.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07264LR1	E4-2H 6300 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07264ZR1	E4-2H 6300 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07264SR1	E4-2H 6300 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07259LR1	E4-2V 4000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	803,704.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07259ZR1	E4-2V 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	813,394.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07259SR1	E4-2V 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	827,935.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07262LR1	E4-2V 5000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07262ZR1	E4-2V 5000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07262SR1	E4-2V 5000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07265LR1	E4-2V 6300 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07265ZR1	E4-2V 6300 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07265SR1	E4-2V 6300 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07260LR1	E4-2X 4000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	904,875.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07260ZR1	E4-2X 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	914,568.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07260SR1	E4-2X 4000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	929,106.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07263LR1	E4-2X 5000 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07263ZR1	E4-2X 5000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07263SR1	E4-2X 5000 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07266LR1	E4-2X 6300 Expk Dip L1 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07266ZR1	E4-2X 6300 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07266SR1	E4-2X 6300 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07266LR1	E4-2X 6300 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07266ZR1	E4-2X 6300 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07266SR1	E4-2X 6300 Expk Dip LSI 3p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07320LR1	E4-2V 4000 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	933,091.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07320ZR1	E4-2V 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	945,207.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07320SR1	E4-2V 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	959,323.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07321LR1	E4-2H 4000 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	700,071.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07321ZR1	E4-2H 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	712,127.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07321SR1	E4-2H 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	730,300.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07324LR1	E4-2H 5000 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	954,857.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07324ZR1	E4-2H 5000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	966,972.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07324SR1	E4-2H 5000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	985,147.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07327LR1	E4-2H 6300 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07327ZR1	E4-2H 6300 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07327SR1	E4-2H 6300 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07327LR1	E4-2H 6300 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07327ZR1	E4-2H 6300 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07327SR1	E4-2H 6300 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07322LR1	E4-2V 4000 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07322ZR1	E4-2V 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07322SR1	E4-2V 4000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 4000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07325LR1	E4-2V 5000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07325ZR1	E4-2V 5000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07325SR1	E4-2V 5000 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 5000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07328LR1	E4-2V 6300 Expk Dip L1 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07328ZR1	E4-2V 6300 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07328SR1	E4-2V 6300 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07328LR1	E4-2V 6300 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07328ZR1	E4-2V 6300 Expk Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khí E4-2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA07328						

1SDA073342R1	E6.2V/1 5000 Exp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 5000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073343R1	E6.2V/1 5000 Exp Dip LSG 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 5000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073371R1	E6.2V/1 6300 Exp Dip Li 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073372R1	E6.2V/1 6300 Exp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073373R1	E6.2V/1 6300 Exp Dip LSG 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073382R1	E6.2X/1 4000 Exp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 4000A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073383R1	E6.2X/1 4000 Exp Dip LSG 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 4000A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073351R1	E6.2X/1 5000 Exp Dip Li 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 5000A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073352R1	E6.2X/1 5000 Exp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 5000A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073353R1	E6.2X/1 5000 Exp Dip LSG 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 5000A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073381R1	E6.2X/1 6300 Exp Dip Li 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073382R1	E6.2X/1 6300 Exp Dip LSI 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073383R1	E6.2X/1 6300 Exp Dip LSG 4p WMP	Máy cắt không khi E6.2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073392R1	E1.2B/MS 630 3p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 630A	137,434.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073394R1	E1.2B/MS 800 3p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 800A	136,573.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073396R1	E1.2B/MS 1000 3p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1000A	143,973.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073398R1	E1.2B/MS 1250 3p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1250A	131,815.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073400R1	E1.2B/MS 1600 3p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1600A	143,594.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073393R1	E1.2N/MS 630 3p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 630A	143,976.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073395R1	E1.2N/MS 800 3p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 800A	145,575.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073397R1	E1.2N/MS 1000 3p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1000A	150,292.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073399R1	E1.2N/MS 1250 3p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1250A	136,891.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073401R1	E1.2N/MS 1600 3p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1600A	149,815.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073403R1	E2.2B/MS 600 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1600A	151,396.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073404R1	E2.2B/MS 800 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 2000A	165,907.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073402R1	E2.2N/MS 800 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 800A	149,149.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073404R1	E2.2N/MS 1000 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1000A	155,846.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073406R1	E2.2N/MS 1250 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1250A	143,852.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073409R1	E2.2N/MS 1600 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1600A	154,485.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073412R1	E2.2N/MS 2000 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 2000A	173,612.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073414R1	E2.2H/MS 2500 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 2500A	230,555.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073403R1	E2.2H/MS 600 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 800A	170,397.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073405R1	E2.2H/MS 1000 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1000A	181,717.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073407R1	E2.2H/MS 1250 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1250A	166,357.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073410R1	E2.2H/MS 1600 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1600A	193,710.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073413R1	E2.2H/MS 2000 3p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 2000A	218,620.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073415R1	E2.2H/MS 2500 3p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 2500A	277,567.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073418R1	E4.2N/MS 3200 3p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 3200A	273,202.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073421R1	E4.2N/MS 4000 3p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 4000A	418,919.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073419R1	E4.2H/MS 3200 3p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 3200A	333,249.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073422R1	E4.2H/MS 4000 3p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 4000A	488,347.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073416R1	E4.2V/MS 2000 3p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 2000A	384,061.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073417R1	E4.2V/MS 2500 3p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 2500A	391,899.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073429R1	E6.2H/MS 3200 3p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 3200A	399,898.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073423R1	E6.2H/MS 4000 3p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 4000A	586,017.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073424R1	E6.2H/MS 4000 3p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 4000A	554,800.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073426R1	E6.2H/MS 5000 3p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 5000A	709,666.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073428R1	E6.2H/MS 6300 3p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 6300A	873,935.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073425R1	E6.2X/MS 4000 3p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 4000A	717,583.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073427R1	E6.2X/MS 5000 3p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 5000A	915,911.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073429R1	E6.2X/MS 6300 3p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073431R1	E1.2B/MS 630 4p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 630A	171,793.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073433R1	E1.2B/MS 800 4p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 800A	173,216.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073435R1	E1.2B/MS 1000 4p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1000A	179,966.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073437R1	E1.2B/MS 1250 4p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1250A	164,769.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073439R1	E1.2B/MS 1600 4p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1600A	179,491.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073432R1	E1.2N/MS 630 4p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 630A	179,970.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073434R1	E1.2N/MS 800 4p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 800A	181,970.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073436R1	E1.2N/MS 1000 4p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1000A	187,866.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073438R1	E1.2N/MS 1250 4p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1250A	171,113.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073440R1	E1.2N/MS 1600 4p F F	Dao cắt tài E1.2 loại cơ định 1600A	187,268.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073441R1	E2.2B/MS 1600 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1600A	189,244.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073450R1	E2.2B/MS 2000 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 2000A	208,634.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073441R1	E2.2N/MS 800 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 800A	186,434.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073443R1	E2.2N/MS 1000 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1000A	194,806.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073445R1	E2.2N/MS 1250 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1250A	179,816.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073448R1	E2.2N/MS 1600 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1600A	193,107.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073451R1	E2.2N/MS 2000 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 2000A	212,891.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073453R1	E2.2H/MS 2500 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 2500A	292,444.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073442R1	E2.2H/MS 800 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 800A	127,124.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073444R1	E2.2H/MS 1000 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1000A	227,145.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073446R1	E2.2H/MS 1250 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1250A	207,947.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073449R1	E2.2H/MS 1600 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 1600A	242,139.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073452R1	E2.2H/MS 2000 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 2000A	273,274.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073454R1	E4.2N/MS 3200 4p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 3200A	345,959.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073457R1	E4.2N/MS 3200 4p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 3200A	341,503.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073460R1	E4.2N/MS 4000 4p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 4000A	523,649.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073458R1	E4.2H/MS 3200 4p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 3200A	416,559.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073461R1	E4.2H/MS 4000 4p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 4000A	610,435.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073455R1	E4.2V/MS 2000 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 2000A	480,077.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073456R1	E4.2V/MS 2500 4p FHR	Dao cắt tài E2.2 loại cơ định 2500A	489,875.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073459R1	E4.2V/MS 3200 4p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 3200A	499,873.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073462R1	E4.2V/MS 4000 4p FHR	Dao cắt tài E4.2 loại cơ định 4000A	732,521.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073463R1	E6.2H/MS 4000 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 4000A	693,501.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073465R1	E6.2H/MS 5000 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 5000A	887,082.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073467R1	E6.2H/MS 6300 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073464R1	E6.2X/MS 4000 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 4000A	896,978.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073466R1	E6.2X/MS 5000 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073468R1	E6.2X/MS 6300 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073469R1	E6.2H/MS 4000 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 4000A	721,240.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073471R1	E6.2H/MS 5000 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 5000A	922,566.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073473R1	E6.2H/MS 6300 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073470R1	E6.2X/MS 4000 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 4000A	932,856.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073472R1	E6.2X/MS 5000 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 5000A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073474R1	E6.2X/MS 6300 4p FHR	Dao cắt tài E6.2 loại cơ định 6300A	#####	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073476R1	E1.2B/MS 630 3p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 630A	130,644.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073478R1	E1.2B/MS 800 3p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 800A	130,644.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073480R1	E1.2B/MS 1000 3p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1000A	136,734.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073477R1	E1.2B/MS 1250 3p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1250A	131,494.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073481R1	E1.2N/MS 630 3p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 630A	152,781.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073478R1	E1.2N/MS 800 3p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 800A	140,539.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073481R1	E1.2N/MS 1000 3p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1000A	153,983.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073483R1	E1.2N/MS 1250 3p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1250A	138,704.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073485R1	E1.2N/MS 1600 3p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1600A	163,364.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073492R1	E2.2B/MS 1600 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1600A	159,717.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073486R1	E2.2B/MS 2000 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 2000A	184,754.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073488R1	E2.2N/MS 800 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 800A	139,620.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073488R1	E2.2N/MS 1000 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1000A	150,901.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073490R1	E2.2N/MS 1250 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1250A	136,726.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073493R1	E2.2N/MS 1600 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1600A	162,976.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073496R1	E2.2N/MS 2000 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 2000A	184,783.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073498R1	E2.2H/MS 2500 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 2500A	235,319.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073497R1	E2.2H/MS 800 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 800A	194,878.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073489R1	E2.2H/MS 1000 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1000A	208,613.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073491R1	E2.2H/MS 1250 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1250A	183,106.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073494R1	E2.2H/MS 1600 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1600A	218,530.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073497R1	E2.2H/MS 2000 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 2000A	268,209.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073499R1	E2.2N/MS 2500 3p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 2500A	322,119.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073502R1	E4.2N/MS 3200 3p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 3200A	326,545.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073505R1	E4.2N/MS 4000 3p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 4000A	423,954.000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073503R1	E4.2H/MS 3200 3p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 3200A	413,048.000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073506R1	E4.2H/MS 4000 3p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 4000A	467,124.000	CN	1	ELSP-B5 E

1SDA073517R1	E1 2BIMS 800 4p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 800A	163,305,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073519R1	E1 2BIMS 1000 4p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1000A	170,917,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073521R1	E1 2BIMS 1250 4p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1250A	164,367,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073523R1	E1 2NIMS 1600 4p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1600A	190,978,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073514R1	E1 2NIMS 250 4p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 250A	172,158,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073516R1	E1 2NIMS 630 4p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 630A	175,673,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073518R1	E1 2NIMS 800 4p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 800A	175,673,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073520R1	E1 2NIMS 1000 4p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1000A	192,479,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073522R1	E1 2NIMS 1250 4p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1250A	173,379,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073524R1	E1 2NIMS 1600 4p WMP	Dao cắt tài E1.2 loại di động 1600A	204,204,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073531R1	E2 2BIMS 1600 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1600A	199,647,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073534R1	E2 2BIMS 2000 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 2000A	226,469,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073525R1	E2 2NIMS 800 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 800A	174,525,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073527R1	E2 2NIMS 1000 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1000A	188,626,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073529R1	E2 2NIMS 1250 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1250A	170,908,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073532R1	E2 2NIMS 1600 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1600A	203,721,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073535R1	E2 2NIMS 2000 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 2000A	231,090,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073537R1	E2 2NIMS 2500 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 2500A	294,147,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073526R1	E2 2HIMS 800 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 800A	243,597,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073528R1	E2 2HIMS 1000 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1000A	262,015,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073530R1	E2 2HIMS 1250 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1250A	228,883,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073533R1	E2 2HIMS 1600 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 1600A	273,161,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073536R1	E2 2HIMS 2000 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 2000A	335,261,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073538R1	E2 2HIMS 2500 4p WMP	Dao cắt tài E2.2 loại di động 2500A	403,897,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073541R1	E4 2NIMS 3200 4p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 3200A	383,180,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073544R1	E4 2NIMS 4000 4p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 4000A	529,941,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073542R1	E4 2HIMS 3200 4p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 3200A	516,309,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073545R1	E4 2HIMS 4000 4p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 4000A	708,905,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073539R1	E4 2VIMS 3200 4p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 3200A	525,036,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073540R1	E4 2VIMS 2500 4p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 2500A	607,179,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073543R1	E4 2VIMS 3200 4p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 3200A	619,570,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073546R1	E4 2VIMS 4000 4p WMP	Dao cắt tài E4.2 loại di động 4000A	850,686,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073547R1	E6 2HIMS 4000 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 4000A	640,914,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073549R1	E6 2HIMS 5000 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 5000A	870,276,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073551R1	E6 2HIMS 6300 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073548R1	E6 2XIMS 4000 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 4000A	#####	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073550R1	E6 2XIMS 5000 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 5000A	#####	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073552R1	E6 2XIMS 6300 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073553R1	E6 2HIMS 4000 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 4000A	833,187,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073555R1	E6 2HIMS 5000 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 5000A	905,087,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073557R1	E6 2HIMS 6300 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 6300A	#####	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073554R1	E6 2XIMS 4000 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 4000A	#####	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073556R1	E6 2XIMS 5000 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 5000A	#####	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073558R1	E6 2XIMS 6300 4p WMP	Dao cắt tài E6.2 loại di động 6300A	#####	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073907R1	E1.2 W FP l=1600 3p HR HR	Phần cơ định máy cắt E1.2 1600A	59,260,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073909R1	E2.2 W FP l=2000 3p HR HR	Phần cơ định máy cắt E2.2 2000A	70,605,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073911R1	E2.2 W FP l=2500 3p HR HR	Phần cơ định máy cắt E2.2 2500A	87,064,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073913R1	E4.2 W FP l=3200 3p HR HR	Phần cơ định máy cắt E4.2 3200A	88,970,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073915R1	E4.2 W FP l=4000 or V version 3p HR HR	Phần cơ định máy cắt E4.2 4000A	143,288,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073915R1	E4.2 W FP l=4000 or V version 3p HR HR	Phần cơ định máy cắt E4.2 4000A	143,288,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073917R1	E6.2 W FP l=5000 3p HR HR	Phần cơ định máy cắt E6.2 5000A	265,005,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073920R1	E6.2 W FP l=6300 or X version 3p HR HR	Phần cơ định máy cắt E6.2 6300A	269,401,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073908R1	E1.2 W FP l=1600 4p HR HR	Phần cơ định máy cắt E1.2 1600A	74,076,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073910R1	E2.2 W FP l=2000 4p HR HR	Phần cơ định máy cắt E2.2 2000A	88,258,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073912R1	E2.2 W FP l=2500 4p HR HR	Phần cơ định máy cắt E2.2 2500A	108,830,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073914R1	E4.2 W FP l=3200 4p HR HR	Phần cơ định máy cắt E4.2 3200A	121,213,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073916R1	E4.2 W FP l=4000 or V version 4p HR HR	Phần cơ định máy cắt E4.2 4000A	179,109,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073916R1	E4.2 W FP l=4000 or V version 4p HR HR	Phần cơ định máy cắt E4.2 4000A	179,109,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073918R1	E6.2 W FP l=5000 4p HR HR	Phần cơ định máy cắt E6.2 5000A	331,256,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073919R1	E6.2 W FP l=6300 4p HR HR	Phần cơ định máy cắt E6.2 6300A	344,907,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073921R1	E6.2 W FP l=6300 or X version 4p HR HR	Phần cơ định máy cắt E6.2 6300A	336,753,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073922R1	E6.2 W FP l=6300 or X version 4p/ HRHR	Phần cơ định máy cắt E6.2 6300A	350,223,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073668R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 24 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073669R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 30 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073670R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 48 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073671R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 60 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073672R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 110-120 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073673R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 120-127 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073674R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 220-240 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073675R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 240-250 VAC/DC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073677R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 380-400 VAC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073678R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 415-440 VAC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073679R1	YO E1.2..E6.2-XT7-XT7M 480-500 VAC	Phụ kiện cuộn mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073681R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 24 VAC/DC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073682R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 30 VAC/DC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073683R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 48 VAC/DC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073684R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 60 VAC/DC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073685R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 110-120 VAC/DC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073686R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 120-127 VAC/DC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073687R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 220-240 VAC/DC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073688R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 240-250 VAC/DC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073690R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 380-400 VAC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073691R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 415-440 VAC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073692R1	YC E1.2..E6.2-XT7M 480-500 VAC	Phụ kiện cuộn đóng E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA082751R1	YO Y01 TB UNIT TmaxXTX1-Emax-Emax2	Phụ kiện cuộn đóng, mở E1.2...E6.2-XT7-XT7M	34,884,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073694R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 24 VAC/DC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073695R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 30 VAC/DC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073696R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 48 VAC/DC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073697R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 60 VAC/DC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073698R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 110-120 VAC/DC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073699R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 120-127 VAC/DC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073700R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 220-240 VAC/DC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073701R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 240-250 VAC/DC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073703R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 380-400 VAC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073704R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 415-440 VAC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073705R1	YU E1.2..E6.2-XT7-XT7M 480-500 VAC	Phụ kiện bảo vệ thấp áp E1.2...E6.2-XT7-XT7M	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA038316R1	UVD 2430VE16-T7-X1-T8-E1.2/6.2-XT7/M	Phụ kiện bảo vệ thấp áp điện từ E1.2...E6.2-XT7-XT7M	26,360,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA038317R1	UVD 360 VE16-T7-X1-T8-E1.2/6.2-XT7-XT7M	Phụ kiện bảo vệ thấp áp điện từ E1.2...E6.2-XT7-XT7M	26,360,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA038318R1	UVD 60V E16-T7-X1-T8-E1.2/6.2-XT7-XT7M	Phụ kiện bảo vệ thấp áp điện từ E1.2...E6.2-XT7-XT7M	26,360,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA038319R1	UVD 110/127VE16-T7-X1-T8-E1.2/6.2-XT7/M	Phụ kiện bảo vệ thấp áp điện từ E1.2...E6.2-XT7-XT7M	26,360,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA038320R1	UVD 220/250VE16-T7-X1-T8-E1.2/6.2-XT7/M	Phụ kiện bảo vệ thấp áp điện từ E1.2...E6.2-XT7-XT7M	26,360,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073744R1	YR 24 VDC E1.2-XT7M	Phụ kiện bộ khởi động từ xa E1.2	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073745R1	YR 110 VAC/DC E1.2-XT7M	Phụ kiện bộ khởi động từ xa E1.2	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073746R1	YR 220 VAC/DC E1.2-XT7M	Phụ kiện bộ khởi động từ xa E2.2-E6.2	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073747R1	YR 24 VDC E2.2..E6.2	Phụ kiện bộ khởi động từ xa E2.2-E6.2	9,178,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073748R1	YR 110 VAC/DC E2.2..E6.2	Phụ kiện bộ khởi động từ xa E2.2-E6.2	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073749R1	YR 220 VAC/DC E2.2..E6.2	Phụ kiện bộ khởi động từ xa E2.2-E6.2	9,178,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073708R1	M E1.2 24-30 VAC/DC	Mô tơ sạc E1.2	30,924,000	TN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073709R1	M E1.2 48-60 VAC/DC	Mô tơ sạc E1.2	30,924,000	TN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073710R1	M E1.2 100-130 VAC/DC	Mô tơ sạc E1.2	30,924,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073711R1	M E1.2 220-250 VAC/DC	Mô tơ sạc E1.2	30,924,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073713R1	M E1.2 380-415 VAC	Mô tơ sạc E1.2	30,924,000	TN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073722R1	M E2.2..E6.2 24-30 VAC/DC	Mô tơ sạc E2.2-E6.2	43,901,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073723R1	M E2.2..E6.2 48-60 VAC/DC	Mô tơ sạc E2.2-E6.2	43,901,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073724R1	M E2.2..E6.2 100-130 VAC/DC	Mô tơ sạc E2.2-E6.2	43,901,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073725R1	M E2.2..E6.2 220					

1SDA0107557R1	Ext CS N E6.2 for 1% CB	Biến dòng trung tính E6.2	78,741,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073743R1	Homopolar toroid E1.2..E6.2-XT7-X77M100A	Biến áp toroid E1.2-E6.2 100A	51,241,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA076248R1	Toroid omopol. E1.2..E6.2-XT7-XT7M 250A	Biến áp toroid E1.2-E6.2 250A	51,241,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA076249R1	Toroid omopol. E1.2..E6.2-XT7-XT7M 400A	Biến áp toroid E1.2-E6.2 400A	51,241,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA076250R1	Toroid omopol. E1.2..E6.2-XT7-XT7M 800A	Biến áp toroid E1.2-E6.2 800A	51,241,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073741R1	Toroid RC E1.2 3p/4p E2.2 3p-XT7M 3p/4p	Toroid E2.2	128,099,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073742R1	Toroid RC E2.2 4p, E4.2 3p	Toroid E2.2	170,370,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073750R1	AUX 4Q 400V E1.2-XT7-XT7M	Phụ kiện tiếp điểm phụ	4,287,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073751R1	AUX 4Q 24VDC E1.2-XT7-XT7M	Phụ kiện tiếp điểm phụ	4,287,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073752R1	AUX 2Q 400VAC + 2Q 24VDC E1.2-XT7-XT7M	Phụ kiện tiếp điểm phụ	4,287,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073753R1	AUX 4Q 400VAC E2.2..E6.2	Tiếp điểm phụ E2.2-E6.2	4,694,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073754R1	AUX 4Q 24VDC E2.2..E6.2	Tiếp điểm phụ E2.2-E6.2	4,694,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073755R1	AUX 2Q 400V + 2Q 24V E2.2..E6.2	Tiếp điểm phụ E2.2-E6.2	4,694,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073756R1	AUX 6Q 400VAC E2.2..E6.2	Tiếp điểm phụ E2.2-E6.2	7,041,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073757R1	AUX 6Q 24VDC E2.2..E6.2	Tiếp điểm phụ E2.2-E6.2	7,041,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA075973R1	AUX 3Q 400VAC + 3Q 24VDC E2.2..E6.2	Tiếp điểm phụ E2.2-E6.2	7,041,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073758R1	AUX 15Q 400V E1.2-XT7M	Phụ kiện tiếp điểm phụ	16,000,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073759R1	AUX 15Q 24V E1.2-XT7M	Phụ kiện tiếp điểm phụ	16,000,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073760R1	AUX 15Q SUPPL 400VAC F-W/FPIIns E2.2/E6.2	Tiếp điểm phụ E6.2	17,601,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073761R1	AUX 15Q SUPPL 24Vac F-W/FPIIns E2.2/E6.2	Tiếp điểm phụ E6.2	17,601,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073846R1	AUX15Q SUPPL 400VAC W/FPI Ins/Test E2-E6.2	Tiếp điểm phụ E6.2	6,928,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073847R1	AUX15Q SUPPL 24Vdc W/FPI Ins/Test E2-E6.2	Tiếp điểm phụ E6.2	6,928,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073762R1	AUP 6 contacts 400VAC E1.2-XT7-XT7M	Tiếp điểm phụ E1.2	6,400,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073763R1	AUP 6 contacts 24Vdc E1.2-XT7-XT7M	Tiếp điểm phụ E1.2	6,400,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073764R1	AUP 5 contacts 400VAC SX E2.2..E6.2	Tiếp điểm phụ E2.2-E6.2	5,867,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073765R1	AUP 5 contacts 24Vdc SX E2.2..E6.2	Tiếp điểm phụ E2.2-E6.2	5,867,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073766R1	AUP 5 suppl.cont. 400VAC DX E2.2..E6.2	Tiếp điểm phụ E2.2-E6.2	5,867,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073767R1	AUP 5 suppl.cont. 24Vdc DX E2.2..E6.2	Tiếp điểm phụ E2.2-E6.2	5,867,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073768R1	AUP Ekip aux pos. cont. E1.2..E6.2-XT7M	Tiếp điểm phụ E1.2-E6.2	3,200,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073770R1	RTC 250VAC E1.2-XT7M	RTC 250VAC E1.2-XT7M	3,895,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073771R1	RTC 24VDC E1.2-XT7M	RTC 24VDC E1.2-XT7M	3,895,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073772R1	RTC EKIP 24VDC E1.2-XT7M	RTC EKIP 24VDC E1.2-XT7M	3,895,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073773R1	RTC 250VAC E2.2..E6.2	RTC 250VAC E2.2..E6.2	4,285,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073774R1	RTC 24VDC E2.2..E6.2	RTC 24VDC E2.2..E6.2	4,285,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073775R1	RTC EKIP 24VDC E2.2..E6.2	RTC EKIP 24VDC E2.2..E6.2	4,285,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073776R1	SS1 250V E1.2-XT7-XT7M	Phụ kiện tiếp điểm phụ	2,047,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073777R1	SS1 24V E1.2-XT7-XT7M	Phụ kiện tiếp điểm phụ	2,047,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073778R1	SS1 250V E2.2..E6.2	Tiếp điểm báo trip E2.2-E6.2	2,252,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073779R1	SS1 24V E2.2..E6.2	Tiếp điểm báo trip E2.2-E6.2	2,252,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073906R1	Terminals term.box E1.2..E6.2-XT7M 10pz	Cầu đầu E1.2-E6.2	3,417,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073908R1	MOC MECC OPERATION COUNTER E1.2	Bộ đếm số lần đóng cắt E1.2	8,660,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073910R1	MOC MECC OPERATION COUNTER E2.2..E6.2	Bộ đếm số lần đóng cắt E2.2-E6.2	8,660,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073782R1	KLC-D Key lock open E1.2	Ổ khóa E1.2	4,850,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073783R1	KLC-S Key lock open N.20005 E1.2	Ổ khóa E1.2	4,850,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073784R1	KLC-S Key lock open N.20006 E1.2	Ổ khóa E1.2	4,850,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073785R1	KLC-S Key lock open N.20007 E1.2	Ổ khóa E1.2	4,850,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073786R1	KLC-S Key lock open N.20008 E1.2	Ổ khóa E1.2	4,850,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073787R1	KLC-S Key lock open N.20009 E1.2	Ổ khóa E1.2	4,850,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073788R1	KLC-A Key lock open Castelli E1.2	Ổ khóa E1.2	4,366,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073789R1	KLC-A Key lock open Kirk E1.2	Ổ khóa E1.2	4,366,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073909R1	KLC-A Key lock open STI E1.2	Ổ khóa E1.2	4,366,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073791R1	KLC-D Key lock open E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,578,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073792R1	KLC-S Key lock open N.20005 E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,578,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073793R1	KLC-S Key lock open N.20006 E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,578,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073794R1	KLC-S Key lock open N.20007 E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,578,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073795R1	KLC-S Key lock open N.20008 E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,578,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073796R1	KLC-S Key lock open N.20009 E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,578,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073797R1	KLC-A Key lock open Castelli E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,020,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073798R1	KLC-A Key lock open Kirk E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,020,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073799R1	KLC-A STI key lock open E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,020,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073800R1	PLC E1.2-XT7M Padlocks open pos. D=4mm	Khóa E1.2	2,994,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073801R1	PLC E1.2-XT7M Padlocks open pos. D=7mm	Khóa E1.2	2,994,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073802R1	PLC E1.2-XT7M Padlocks open pos. D=8mm	Khóa E1.2	2,994,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073803R1	PLC E2.2..E6.2 Padlocks in open D=4mm	Khóa E2.2-E6.2	3,443,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073804R1	PLC E2.2..E6.2 Padlocks in open D=7mm	Khóa E2.2-E6.2	3,443,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073805R1	PLC E2.2..E6.2 Padlocks in open D=8mm	Khóa E2.2-E6.2	3,443,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073822R1	KLP-D Pos.lock E1.2-XT7-XT7M 1key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073823R1	KLP-S Pos.lock N.20005 E1.2-XT7M 1key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073824R1	KLP-S Pos.lock N.20006 E1.2-XT7M 1key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073825R1	KLP-S Pos.lock N.20007 E1.2-XT7M 1key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073826R1	KLP-S Pos.lock N.20008 E1.2-XT7M 1key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073827R1	KLP-S Pos.lock N.20009 E1.2-XT7M 1key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073828R1	KLP-D Pos.lock E1.2-XT7-XT7M 2key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073829R1	KLP-S Pos.lock N.20005 E1.2-XT7M 2key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073830R1	KLP-S Pos.lock N.20006 E1.2-XT7M 2key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073831R1	KLP-S Pos.lock N.20007 E1.2-XT7M 2key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073832R1	KLP-S Pos.lock N.20008 E1.2-XT7M 2key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073833R1	KLP-S Pos.lock N.20009 E1.2-XT7M 2key	Khóa vị trí E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073834R1	KLP-A Pos.lockRoProKirk E1.2-XT7M1key	Khóa vị trí E1.2	4,988,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073835R1	KLP-A Pos.lockRoProKirk E1.2-XT7M2key	Khóa vị trí E1.2	4,988,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073806R1	KLP-D Pos.lock E2.2..E6.2 1key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073807R1	KLP-S Pos.lock N.20005 E2.2..E6.2 1key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073808R1	KLP-S Pos.lock N.20006 E2.2..E6.2 1key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073809R1	KLP-S Pos.lock N.20007 E2.2..E6.2 1key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073810R1	KLP-S Pos.lock N.20008 E2.2..E6.2 1key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073811R1	KLP-S Pos.lock N.20009 E2.2..E6.2 1key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073812R1	KLP-D Pos.lock E2.2..E6.2 2key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073813R1	KLP-S Pos.lock N.20005 E2.2..E6.2 2key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073814R1	KLP-S Pos.lock N.20006 E2.2..E6.2 2key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073815R1	KLP-S Pos.lock N.20007 E2.2..E6.2 2key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073816R1	KLP-S Pos.lock N.20008 E2.2..E6.2 2key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073817R1	KLP-S Pos.lock N.20009 E2.2..E6.2 2key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073818R1	KLP-A Pos.lock RoProKirk E2.2..E6.2 1key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	5,736,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073819R1	KLP-A Pos.lock RoProKirk E2.2..E6.2 2key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	5,736,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073820R1	KLP-A Pos.lock Castelli E2.2..E6.2 1key	Khóa vị trí E2.2-E6.2	5,736,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073838R1	Suppl. locks in racked-out E1.2-XT7-XT7M	Khóa bộ sung E1.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073839R1	Suppl. locks in racked-out E2.2..E6.2	Khóa bộ sung E2.2-E6.2	6,374,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073840R1	PLP Pos. padlock D=4/8/8mm E1.2-XT7M	Ổ khóa vị trí vào E1.2	4,647,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073841R1	PLP Position padlock D=4/8/8mm E2.2..E6.2	Ổ khóa vị trí ra vào E2.2-E6.2	4,647,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073845R1	DLR Padlock Door Conliso FP E2.2-E6.2	Khóa rack E1.2	6,928,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073849R1	DLP E2.2..E6.2	Khóa rack E2.2-E6.2	5,543,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073853R1	DLC Interlock direct door E2.2..E6.2	Khóa chống mở E2.2-E6.2	20,786,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073854R1	PBC Prot. Pushbutton AP/CH E1.2-XT7M	Bộ bảo vệ nút nhấn E1.2	1,198,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073855R1	PBC Prot. Pushbutt AP/CH D=4mm E1.2-XT7M	Bộ bảo vệ nút nhấn E1.2	1,198,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073856R1	PBC Prot. Pushbutt AP/CH D=7mm E1.2-XT7M	Bộ bảo vệ nút nhấn E1.2	1,198,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073857R1	PBC Prot. Pushbutt AP/CH D=8mm E1.2-XT7M	Bộ bảo vệ nút nhấn E1.2	1,198,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073858R1	PBC Prot. Pushbuttons AP/CH E2.2..E6.2	Bộ bảo vệ nút nhấn E2.2-E6.2	1,378,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073859R1	PBC Prot.Pushb. AP/CH D=4mm E2.2..E6.2	Bộ bảo vệ nút nhấn E2.2-E6.2	1,378,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073860R1	PBC Prot.Pushb. AP/CH D=7mm E2.2..E6.2	Bộ bảo vệ nút nhấn E2.2-E6.2	1,378,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073861R1	PBC Prot.Pushb. AP/CH D=8mm E2.2..E6.2	Bộ bảo vệ nút nhấn E2.2-E6.2	1,378,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073862R1	IP30 Flange E1.2-XT7-XT7M F	Tấm che E1.2	2,042,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073863R1	IP30 Flange E1.2-XT7-XT7M W	Tấm che E1.2	2,042,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073864R1	IP30 Flange E2.2..E6.2 F	Tấm che E2.2-E6.2	2,144,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073865R1	IP30 Flange E2.2..E6.2 W	Tấm che E2.2-E6.2	2,144,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073866R1	IP54 Flange different keys E1.2-XT7M	Tấm che E1.2	8,171,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073867R1	IP54 Flange different keys E2.2..E6.2	Tấm che E2.2-E6.2	8,580,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073868R1	IP54 Flange key No. 20005 E1.2-XT7M	Tấm che E1.2	8,171,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073869R1	IP54 Flange key No. 20005 E2.2..E6.2	Tấm che E2.2-E6.2	8,580,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073870R1	Sealable trip unit cover E2.2..E6.2	Tấm che trip unit E2.2-E6.2	8,580,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA085528R1	RRD Emax2 E1.2..E6.2 110 Vac/dc	Thiết bị xếp chồng từ xa	456,106,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA085529R1	RRD Emax2 E1.2..E6.2 220 Vac/dc	Thiết bị xếp chồng từ xa	456,106,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA085530R1	Rit for Remote Racking Device E2.2..E6.2	Thiết bị xếp chồng từ xa	33,008,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073871R1	HTC high terminal covers E1.2 3p 2pcs	Tấm che đầu cực ACB	1,981,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073873R1	LTC low terminal covers E1.2 F 3p 2pcs	Tấm che đầu cực ACB	1,684,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2
1SDA073872R1	HTC high terminal covers E1.2 4p 2pcs	Tấm che đầu cực ACB	2,637,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2

1SDA076169R1	PB Separator 3pz E2.2..E6.2 W FP 4P	Tám che đầu cực ACB	990,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073881R1	Cable interlock A - HR E1.2..E6.2-XT7/M	Khóa liên động	6,234,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073882R1	Cable interlock B, C, D - HR E2.2..E6.2	Khóa liên động ACB	16,206,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073885R1	Cable interlock A - VR E1.2..E6.2-XT7/M	Khóa liên động	6,234,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073886R1	Cable interlock B, C, D - VR E2.2..E6.2	Khóa liên động ACB	16,206,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073889R1	Lever interlock E2.2	Khóa liên động ACB	4,912,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073890R1	Lever interlock E4.2	Khóa liên động ACB	5,894,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073891R1	Lever interlock E6.2 3p	Khóa liên động ACB	7,860,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073889R1	Lever interlock E2.2	Khóa liên động ACB	4,912,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073890R1	Lever interlock E4.2	Khóa liên động ACB	5,894,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073892R1	Lever interlock E6.2 4p	Khóa liên động ACB	7,860,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073893R1	Sup. fixed Type A E1.2-XT7/M floor mount	Bộ hỗ trợ khóa liên động	9,824,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073894R1	Sup. fixed Type A E1.2-XT7/M wall mount	Bộ hỗ trợ khóa liên động	9,824,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073895R1	Support F/FP Type A,B,D E2.2...E6.2	Thiết bị hỗ trợ khóa liên động ACB	12,281,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073897R1	Support F/FP Type C E2.2...E6.2	Thiết bị hỗ trợ khóa liên động ACB	12,281,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073896R1	Support for fixed part Type A E1.2-XT7/M	Bộ hỗ trợ khóa liên động	9,824,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073895R1	Support F/FP Type A,B,D E2.2...E6.2	Thiết bị hỗ trợ khóa liên động ACB	12,281,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073897R1	Support F/FP Type C E2.2...E6.2	Thiết bị hỗ trợ khóa liên động ACB	12,281,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA065523R1	ATS021 AUTO. TRAN. SWITCH MULTI VOLTAGE	Bộ chuyển nguồn tự động	114,149,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA065524R1	ATS022 AUTO. TRAN. SWITCH ADVANCED C	Bộ chuyển nguồn tự động	148,232,000	EE	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA107526R1	Ekip Dip LI E1.2..E6.2 Ed.2	Tríp Unit rời	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107527R1	Ekip Dip LSI E1.2..E6.2 Ed.2	Tríp Unit rời	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107528R1	Ekip Dip LSIG E1.2..E6.2 Ed.2	Tríp Unit rời	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107529R1	Ekip Touch LI E1.2..E6.2 Ed.2	Tríp Unit rời	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107530R1	Ekip Touch LSI E1.2..E6.2 Ed.2	Tríp Unit rời	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107531R1	Ekip Touch LSIG E1.2..E6.2 Ed.2	Tríp Unit rời	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107532R1	Ekip Hi-Touch LSI E1.2..E6.2 Ed.2	Tríp Unit rời	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107533R1	Ekip Hi-Touch LSIG E1.2..E6.2 Ed.2	Tríp Unit rời	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107534R1	Ekip G Touch LSI E1.2..E6.2 Ed.2	Tríp Unit rời	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107535R1	Ekip G Hi-Touch LSIG E1.2..E6.2 Ed.2	Tríp Unit rời	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074193R1	Ekip Battery E1.2..E6.2	Pin trip unit	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074172R1	EKIP SUPPLY 110-240VAC/DC E1.2..E6.2-XT	Mô đun truyền thông	14,717,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074173R1	EKIP SUPPLY 24-48VDC E1.2..E6.2-Tmax XT	Mô đun truyền thông	14,717,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074150R1	EKIP COM MODBUS RS-485 E1.2..E6.2	Mô đun truyền thông	41,802,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074151R1	EKIP COM MODBUS TCP E1.2..E6.2	Mô đun truyền thông	48,237,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074152R1	EKIP COM PROFIBUS E1.2..E6.2	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074153R1	EKIP COM PROFINET E1.2..E6.2	Mô đun truyền thông	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074154R1	EKIP COM DEVICENET E1.2..E6.2	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074155R1	EKIP COM ETHERNET/IP E1.2..E6.2	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074156R1	EKIP COM IEC61850 E1.2..E6.2	Mô đun truyền thông	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA082849R1	Ekip Com Hup E1.2..E6.2	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074163R1	EKIP LINK E1.2..E6.2	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074166R1	EKIP COM ACTUATOR E1.2..E6.2-XT7-XT7M	Mô đun truyền thông	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074167R1	EKIP 2K-1 E1.2..E6.2-Tmax XT	Mô đun truyền thông	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074168R1	EKIP 2K-2 E1.2..E6.2-Tmax XT	Mô đun truyền thông	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074169R1	REL-T Ekip 2K-3 E1.2..E6.2-Tmax XT	Mô đun truyền thông	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074170R1	Ekip 4K E2.2..E6.2 Ed.2 Black	Mô đun truyền thông	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074171R1	EKIP 10K E1.2..E6.2-Tmax XT	Mô đun truyền thông	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA085693R1	Ekip Signalling 3T-1	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA085694R1	Ekip Signalling 3T-2	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA082485R1	Ekip Signalling Modbus TCP E1.2..E6.2	Mô đun truyền thông	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107543R1	Measurement Enabler E1.2	Bộ đo lường	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107544R1	Measur Enabler with voltage sockets E1.2	Bộ đo lường	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107545R1	Measurement Enabler E2.2	Bộ đo lường	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107546R1	Measur Enabler with voltage sockets E2.2	Bộ đo lường	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107547R1	Measurement Enabler E4.2	Bộ đo lường	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107548R1	Measur Enabler with voltage sockets E4.2	Bộ đo lường	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107549R1	Measurement Enabler E6.2	Bộ đo lường	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107550R1	Measur Enabler with voltage sockets E6.2	Bộ đo lường	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074163R1	EKIP SYNCHROCHECK E1.2..E6.2-Tmax XT	Mô đun đồng bộ	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA085695R1	External Probe PT 1000 3m	Đầu dò bảo vệ người	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA069698R1	Ekip T e P TEST AND PROGRAMMING UNIT	Bộ lập trình và test trip unit	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA069698R1	Ekip TT Emax 2/XT2-XT4	Bộ test trip unit	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA076154R1	Ekip Programming Emax2 - Tmax XT	Bộ lập trình trip unit	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074192R1	EKIP MULTIMETER E1.2..E6.2-Tmax XT	Bộ đo lường	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074296R1	Ekip View software 60 interuttori	Mô theo dõi thiết bị	***	ON	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA114809R1	Lite Panel	Lite Panel	***	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA082921R1	Adaptive Load Shedding Emax 2	Chức năng phân tải	***	EE	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA074212R1	Power Controller Emax 2	Bộ điều khiển công suất	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107525R1	SW Measuring package for Emax 2	Chức năng đo lường	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA105227R1	SW Voltages Protection for Emax 2	Chức năng đo điện áp	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA105228R1	SW Voltages Protection Advanced Emax 2	Chức năng đo điện áp	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA105229R1	SW Frequency Protection for Emax 2	Chức năng bảo vệ tần số	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA105230R1	SW Power Protection for Emax 2	Chức năng bảo vệ công suất	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA105232R1	SW Adaptive Protection for Emax 2	Chức năng bảo vệ công suất	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA105233R1	SW Datalogger for Emax 2	Chức năng ghi dữ liệu	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA105234R1	SW Network Analyzer for Emax 2	Chức năng phân tích	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107551R1	Class 1 Power&Energy Metering E1.2 Ex Co	Chức năng đo lường năng lượng	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107675R1	Class 1 Power&Energy Metering E2.2 Ex Co	Chức năng đo lường năng lượng	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107676R1	Class 1 Power&Energy Metering E4.2 Ex Co	Chức năng đo lường năng lượng	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA107677R1	Class 1 Power&Energy Metering E6.2 Ex Co	Chức năng đo lường năng lượng	***	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	Contact ABB for price information
1SDA112840R1	Rating Plug 100 E1.2..E2.2 ed.2	Bộ định dòng 100 E1.2..E2.2 ed.2	3,308,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112841R1	Rating Plug 200 E1.2..E2.2 ed.2	Bộ định dòng 200 E1.2..E2.2 ed.2	3,308,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112842R1	Rating Plug 250 E1.2..E2.2 ed.2	Bộ định dòng 250 E1.2..E2.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112843R1	Rating Plug 400 E1.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng 400 E1.2..E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112845R1	Rating Plug 630 E1.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng 630 E1.2..E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112846R1	Rating Plug 800 E1.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng 800 E1.2..E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112847R1	Rating Plug 1000 E1.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng 1000 E1.2..E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112849R1	Rating Plug 1250 E1.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng 1250 E1.2..E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112850R1	Rating Plug 1600 E2.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng 1600 E2.2..E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112851R1	Rating Plug 2000 E2.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng 2000 E2.2..E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112852R1	Rating Plug 2500 E2.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng 2500 E2.2..E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112854R1	Rating Plug 3200 E4.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng 3200 E4.2..E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112856R1	Rating Plug 4000 E4.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng 4000 E4.2..E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112857R1	Rating Plug 5000 E6.2 ed.2	Bộ định dòng 5000 E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112859R1	Rating Plug 6300 E6.2 ed.2	Bộ định dòng 6300 E6.2 ed.2	3,308,000	CN	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112879R1	Rating Plug RC R100 E1.2..E2.2 ed.2	Bộ định dòng RC R100 E1.2..E2.2 ed.2	3,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112880R1	Rating Plug RC R200 E1.2..E2.2 ed.2	Bộ định dòng RC R200 E1.2..E2.2 ed.2	3,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112881R1	Rating Plug RC R250 E1.2..E2.2 ed.2	Bộ định dòng RC R250 E1.2..E2.2 ed.2	3,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112882R1	Rating Plug RC R400 E1.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng RC R400 E1.2..E6.2 ed.2	3,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112884R1	Rating Plug RC R630 E1.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng RC R630 E1.2..E6.2 ed.2	3,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112885R1	Rating Plug RC R800 E1.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng RC R800 E1.2..E6.2 ed.2	3,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112887R1	Rating Plug RC R1250 E1.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng RC R1250 E1.2..E6.2 ed.2	3,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112888R1	Rating Plug RC R2000 E2.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng RC R2000 E2.2..E6.2 ed.2	3,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112889R1	Rating Plug RC R3200 E4.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng RC R3200 E4.2..E6.2 ed.2	3,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA112891R1	Rating Plug RC R4000 E4.2..E6.2 ed.2	Bộ định dòng RC R4000 E4.2..E6.2 ed.2	3,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073963R1	Kit EF Sup E1.2-XT7/XT7M F 3pcs INST	Kit EF Sup E1.2-XT7/XT7M F 3pcs INST	11,918,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073965R1	Kit EF Inf E1.2-XT7/XT7M F 3pcs INST	Kit EF Inf E1.2-XT7/XT7M F 3pcs INST	11,918,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073981R1	Kit HR Sup E1.2-XT7/XT7M F 3pcs INST	Kit đầu cực MCCB	13,291,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073983R1	Kit HR Inf E1.2-XT7/XT7M F 3pcs INST	Kit đầu cực MCCB	13,291,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074045R1	Kit SHR Up E2.2 lu=2000 3pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Up E2.2 lu=2000 3pcs INST	20,673,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074047R1	Kit SHR Low E2.2 lu=2000 3pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Low E2.2 lu=2000 3pcs INST	20,673,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074051R1	Kit SHR Up E2.2 lu=2500 3pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Up E2.2 lu=2500 3pcs INST	24,808,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074053R1	Kit SHR Low E2.2 lu=2500 3pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Low E2.2 lu=2500 3pcs INST	24,808,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA082816R1	Kit SHR Sup E4.2 lu=3200 3pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Sup E4.2 lu=3200 3pcs INST	27,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA082818R1	Kit SHR Inf E4.2 lu=3200 3pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Inf E4.2 lu=3200 3pcs INST	27,475,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA082822R1	Kit SHR Sup E4.2 lu=4000 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Sup E4.2 lu=4000 4pcs INST	32,971,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA082824R1	Kit SHR Inf E4.2 lu=4000 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Inf E4.2 lu=4000 4pcs INST	32,971,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073964R1	Kit EF Sup E1.2-XT7/XT7M F 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB EF Sup E1.2-XT7/XT7M F 4pcs INST	15,891,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073966R1	Kit EF Inf E1.2-XT7/XT7M F 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB EF Inf E1.2-XT7/XT7M F 4pcs INST	15,891,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073982R1	Kit HR Sup E1.2-XT7/XT7M F 4pcs INST	Kit đầu cực MCCB	17,722,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA073984R1	Kit HR Inf E1.2-XT7/XT7M F 4pcs INST	Kit đầu cực MCCB	17,722,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074046R1	Kit SHR Up E2.2 lu=2000 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Up E2.2 lu=2000 4pcs INST	27,564,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074048R1	Kit SHR Low E2.2 lu=2000 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Low E2.2 lu=2000 4pcs INST	27,564,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074052R1	Kit SHR Up E2.2 lu=2500 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Up E2.2 lu=2500 4pcs INST	33,078,000	IT	1	ELSP-BS EMAX 2	
1SDA074054R1	Kit SHR Low E2.2 lu=2500 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB SHR Low E2.2 lu=2500 4pcs INST	33,07				

1SDA074032R1	Kit VR Low E6.2 Iu=5000 4p/f 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB VR Up E6.2 Iu=5000 4pcs INST, full neu	4,000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA074036R1	Kit VR Up E6.2 Iu=6300 3pcs INST	Bộ đầu cực ACB VR Up E6.2 Iu=6300 3pcs INST	4,000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA074037R1	Kit VR Up E6.2 Iu=6300 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB VR Up E6.2 Iu=6300 4pcs INST	4,000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA074040R1	Kit VR Low E6.2 Iu=6300 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB VR Low E6.2 Iu=6300 4pcs INST	4,000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA074038R1	Kit VR Up E6.2 Iu=6300 4p/f 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB VR Up E6.2 Iu=6300 4pcs INST, full neu	4,000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA074041R1	Kit VR Low E6.2 Iu=6300 4p/f 4pcs INST	Bộ đầu cực ACB VR Low E6.2 Iu=6300 4pcs INST, full neu	4,000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA065523R1	ATS021 AUTO.TRAN.SWITCH MULTI VOLTAGE	Bộ chuyển nguồn tự động	114,149,000	IT	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA065524R1	ATS022 AUTO.TRAN.SWITCH ADVANCED C	Bộ chuyển nguồn tự động	148,232,000	EE	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073736R1	EXT CS N E1.2-E2.2-XT7-XT7M 2000A	Biến dòng trung tính E1.2-E2.2 2000A	28,834,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073737R1	EXT CS N E2.2 2500A	Biến dòng trung tính E2.2 2500A	34,360,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073738R1	EXT CS N E4.2 3200A	Biến dòng trung tính E4.2 3200A	40,065,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073739R1	EXT CS E4.2 4000A - E6.2 N 50%	Biến dòng trung tính E4.2 4000A - 50%	71,582,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073740R1	EXT CS N E6.2	Biến dòng trung tính E6.2	71,582,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073782R1	KLC-D Key lock open E1.2	Ổ khóa E1.2	4,850,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073791R1	KLC-D Key lock open E2.2...E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,578,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073792R1	KLC-S Key lock open N.2000E E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,578,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073793R1	KLC-S Key lock open N.2000E E2.2..E6.2	Ổ khóa E2.2-E6.2	5,578,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073881R1	Cable interlock A - HR E1.2..E6.2-XT7/M	Khóa liên động	6,234,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073882R1	Cable interlock B, C, D - HR E2.2..E6.2	Khóa liên động ACB	16,206,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073885R1	Cable interlock A - VR E1.2..E6.2-XT7/M	Khóa liên động	6,234,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073886R1	Cable interlock B, C, D - VR E2.2..E6.2	Khóa liên động ACB	16,206,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073889R1	Lever interlock E2.2	Khóa liên động ACB	4,912,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073890R1	Lever interlock E4.2	Khóa liên động ACB	5,894,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073891R1	Lever interlock E6.2 3p	Khóa liên động ACB	7,860,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073889R1	Lever interlock E2.2	Khóa liên động ACB	4,912,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073890R1	Lever interlock E4.2	Khóa liên động ACB	5,894,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073892R1	Lever interlock E6.2 4p	Khóa liên động ACB	7,860,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073893R1	Sup. fixed Type A E1.2-XT7/M floor mount	Bộ hỗ trợ khóa liên động	9,824,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073894R1	Sup. fixed Type E1.2-XT7/M wall mount	Bộ hỗ trợ khóa liên động	9,824,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073895R1	Support F/FP Type A,B,D E2.2...E6.2	Thiết bị hỗ trợ khóa liên động ACB	12,281,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073897R1	Support F/FP Type C E2.2...E6.2	Thiết bị hỗ trợ khóa liên động ACB	12,281,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073896R1	Support for fixed part Type A E1.2-XT7/M	Bộ hỗ trợ khóa liên động	9,824,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073895R1	Support F/FP Type A,B,D E2.2...E6.2	Thiết bị hỗ trợ khóa liên động ACB	12,281,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA073897R1	Support F/FP Type C E2.2...E6.2	Thiết bị hỗ trợ khóa liên động ACB	12,281,000	CN	1	ELSP-B5 EMAX 2
1SDA104919R1	M XT7M 24-30 V AC/DC	Mô tơ sạc	24,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104920R1	M XT7M 48-60 V AC/DC	Mô tơ sạc	24,774,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104921R1	M XT7M 100-130 V AC/DC	Mô tơ sạc	24,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104922R1	M XT7M 220-250 V AC/DC	Mô tơ sạc	24,774,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104923R1	M XT7M 380-415 V AC/DC	Mô tơ sạc	24,774,000	IT	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066635R1	FLO XT2-XT4 F/P	Mặt che phía trước	3,050,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104871R1	FLO - XTS F/P	Mặt che phía trước	4,052,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104873R1	FLO - XTS W	Mặt che phía trước	4,693,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA066636R1	FLO XT2-XT4 W	Mặt che phía trước	3,050,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104872R1	FLO - XTS W	Mặt che phía trước	4,052,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SDA104874R1	FLO - XTS W	Mặt che phía trước	4,693,000	CN	1	ELSP-B5 TMAX XT
1SCA104811R1001	OT16F3	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 16A	1,001,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104857R1001	OT25F3	Cầu dao cách ly 25A	1,078,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104902R1001	OT16F3	Cầu dao cách ly 16A	1,285,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105332R1001	OT63F3	Cầu dao cách ly 63A	1,861,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105798R1001	OT80F3	Cầu dao cách ly 80A	2,295,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105004R1001	OT100F3	Cầu dao cách ly 100A	3,142,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105033R1001	OT125F3	Cầu dao cách ly 125A	3,463,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA135139R1001	OT160G03P	Cầu dao cách ly 160A, có tay vận	6,090,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022712R0800	OT200E03P	Cầu dao cách ly 200A	7,978,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022710R0100	OT250E03P	Cầu dao cách ly 250A	9,620,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022718R6510	OT315E03P	Cầu dao cách ly 315A	11,643,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022718R8780	OT400E03P	Cầu dao cách ly 400A	13,606,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022718R8940	OT630E03P	Cầu dao cách ly 630A	22,171,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022718R9410	OT800E03P	Cầu dao cách ly 800A	32,825,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022860R5930	OT1600E03P	Cầu dao cách ly 1600A	49,960,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022860R6230	OT1250E03P	Cầu dao cách ly 1250A	66,450,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022860R6580	OT1600E03P	Cầu dao cách ly 1600A	85,016,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA108036R1001	OT2000E03P	Cầu dao cách ly 2000A	125,162,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104972R1001	OT2500E03P	Cầu dao cách ly 2500A	147,270,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA128481R1001	OT3200E03P	Cầu dao cách ly 3200A	160,512,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA128484R1001	OT4000E03P	Cầu dao cách ly 4000A	221,407,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115233R1001	OTM160E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 160A	43,634,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115234R1001	OTM315E3M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 200A	46,689,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115334R1001	OTM315E3M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 315A	57,421,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115333R1001	OTM400E3M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 400A	62,782,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115354R1001	OTM630E3M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 630A	80,838,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115355R1001	OTM800E3M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 800A	89,722,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115364R1001	OTM1000E3M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1000A	104,376,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115365R1001	OTM1250E3M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1250A	117,318,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115366R1001	OTM1600E3M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1600A	139,296,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115372R1001	OTM2000E3M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 2000A	269,301,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115373R1001	OTM2500E3M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 2500A	298,204,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104829R1001	OT16F4N2	Cầu dao cách ly 16A	1,285,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104869R1001	OT40F4N2	Cầu dao cách ly 40A	1,574,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104932R1001	OT40F4N2	Cầu dao cách ly 40A	1,578,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105365R1001	OT63F4N2	Cầu dao cách ly 63A	2,425,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105413R1001	OT80F4N2	Cầu dao cách ly 80A	2,850,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105018R1001	OT100F4N2	Cầu dao cách ly 100A	4,236,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105051R1001	OT125F4N2	Cầu dao cách ly 125A	4,734,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA135140R1001	OT160G04P	Cầu dao cách ly 160A	7,309,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022713R4930	OT200E04P	Cầu dao cách ly 200A	9,938,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022710R0520	OT250E04P	Cầu dao cách ly 250A	11,376,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022719R1730	OT315E04P	Cầu dao cách ly 315A	13,414,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022719R1810	OT400E04P	Cầu dao cách ly 400A	15,441,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022719R2030	OT630E04P	Cầu dao cách ly 630A	26,416,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022719R2110	OT800E04P	Cầu dao cách ly 800A	39,237,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022860R6150	OT100E04P	Cầu dao cách ly 1000A	57,116,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022860R6310	OT1250E04P	Cầu dao cách ly 1250A	73,500,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022860R6740	OT1600E04P	Cầu dao cách ly 1600A	91,429,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA108038R1001	OT2000E04P	Cầu dao cách ly 2000A	132,355,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105140R1001	OT2500E04P	Cầu dao cách ly 2500A	154,465,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA128482R1001	OT3200E04P	Cầu dao cách ly 3200A	199,056,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA128486R1001	OT4000E04P	Cầu dao cách ly 4000A	274,735,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115293R1001	OTM160E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 160A	50,100,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115292R1001	OTM200E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 200A	54,280,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115335R1001	OTM315E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 315A	66,832,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115336R1001	OTM400E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 400A	73,115,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115357R1001	OTM630E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 630A	94,044,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115366R1001	OTM1000E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1000A	104,376,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115368R1001	OTM1250E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1250A	129,742,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115367R1001	OTM1600E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1600A	140,732,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115369R1001	OTM2000E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 2000A	167,159,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115374R1001	OTM2500E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 2500A	307,757,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115375R1001	OTM3200E4M230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 3200A	340,715,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA109037R1001	OHBS1	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	141,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA109065R1001	OHRS1	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	281,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA108252R1001	OHBS12	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	281,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA108253R1001	OHRS12	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	281,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA102680R1001	OHBS1AH	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	439,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105290R1001	OHYS1AH	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	439,000	LT	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105210R1001	OHBS1AH1	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	439,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105291R1001	OHYS1AH1	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	439,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105234R1001	OHBS3AH	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	346,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105325R1001	OHYS3AH	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	720,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105235R1001	OHBS3AH1	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	578,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105326R1001	OHYS3AH1	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	720,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022380R6770	OHBS5J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,053,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022380R6930	OHYS5J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,053,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022380R9660	OHBS5J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,131,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022380R9820	OHY65J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,131,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022381R0240	OHBS0J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,285,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022381R0410	OHY80J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,497,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022381R0380	OHBS9J12	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,053,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022381R1050	OHYS9J12	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,321,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022381R1560	OHBS125J12	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,360,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022381R1720	OHY125J12	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,181,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022865R9430	OHBS150J12P	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	2,720,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA101568R1001	OHY150J12P	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	3,014,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115920R1001	OHBS274J12	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	3,573,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115919R1001	OHY274J12	Cầu dao cách ly 274A	3,463,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES

1SCA022399R8110	OH865J6T	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,231,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022456R9540	OHY65J6T	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,271,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022736R1750	OH895J12T	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,423,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022736R1910	OHY125J12T	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,423,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022652R2220	OH8125J12T	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,604,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022652R2310	OHY125J12T	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,528,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA120250R1001	OH8274J12T	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	3,573,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022353R4970	OA1G10	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	411,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022353R4890	OA1G01	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	411,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022379R8100	OAQ211	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	873,000	BG	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022353R4970	OA1G10	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	411,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022456R7410	OA3G01	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	464,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022353R4970	OA1G10	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	411,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022744R2240	OA8G01	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	588,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022456R7410	OA3G01	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	464,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022714R8810	OEAZ8	Phụ kiện bộ gạt tiếp điểm Phụ cho cầu dao	7,729,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA114581R1001	OS3250012P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 32A	7,720,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115227R1001	OS63G012P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 63A	8,183,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115641R1001	OS125G012P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 125A	9,620,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115643R1001	OS160G012P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 160A	14,261,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022709R9500	OS200D03P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 200A	17,849,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022719R0090	OS250D03P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 250A	22,044,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022719R0250	OS400D03P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 400A	32,049,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022825R2830	OS630D03P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 630A	46,654,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022825R4880	OS800D03P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 800A	57,152,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105475R1001	OS1250D03P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 1250A	121,508,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115202R1001	OS32G022N2P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 32A	10,657,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115230R1001	OS63G022N2P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 63A	11,643,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115806R1001	OS125G022N2P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 125A	13,606,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA115882R1001	OS160G004N2P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 160A	19,029,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022709R9680	OS200D04N2P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 200A	25,110,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022719R2380	OS250D04N2P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 250A	26,685,000	IN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022719R2460	OS400D04N2P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 400A	34,918,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022825R4290	OS630D04N2P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 630A	62,910,000	IN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022825R5180	OS800D04N2P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 800A	72,193,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105248R1001	OS1250D04N2P	Cầu dao bảo vệ bằng chì 1250A	150,938,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022295R5600	OXPEX150	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	184,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022067R1760	OXPEX161	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	184,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022067R1760	OXPEX161	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	184,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022295R6080	OXPEX210	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	184,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022295R6080	OXPEX210	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	184,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R6860	OXPI2X250	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	439,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022137R5140	OXPI2X280	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	474,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022137R5140	OXPI2X280	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	474,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022380R9660	OH865J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,131,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022380R9660	OH865J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,131,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022380R9660	OH865J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,131,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022380R9660	OH865J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,131,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022380R9660	OH865J6	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,131,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022381R0830	OH895J12	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,053,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022381R2110	OH8145J12	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,423,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022865R9510	OH8200J12P	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	3,014,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104816R1001	OT16F3C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 16A	3,720,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104838R1001	OT16E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 25A	4,258,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104913R1001	OT40F3C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 40A	5,080,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105338R1001	OT63F3C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 63A	6,874,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105402R1001	OT80F3C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 80A	7,452,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105008R1001	OT100F3C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 100A	10,005,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105037R1001	OT125F3C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 125A	10,800,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022772R6610	OT16E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 160A	16,286,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022771R7520	OT200E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 200A	23,699,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022771R3450	OT250E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 250A	24,325,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022772R6780	OT315E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 315A	29,031,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022771R8500	OT400E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 400A	34,005,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022785R6050	OT630E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 630A	53,100,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022785R6300	OT800E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 800A	78,478,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022872R1840	OT1070E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 1000A	130,793,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022872R0790	OT1250E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 1250A	143,872,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022872R1840	OT1600E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 1600A	170,032,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA103908R1001	OT2000E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 2000A	267,342,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105615R1001	OT2500E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 2500A	298,730,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA129156R1001	OT3200E03CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 3200A	374,125,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022067R1760	OXPEX161	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	184,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R7100	OXPI2x166	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	361,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R6710	OXPI2x185	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	385,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R6710	OXPI2x185	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	385,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R6710	OXPI2x185	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	385,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022383R2480	OH865J6E011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,285,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022621R0760	OH895J12E011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,475,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022589R3340	OH8125J12E011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,618,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022873R4230	OH8200J12PE011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	5,781,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022873R4230	OH8200J12PE011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	5,781,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022845R8610	OTM160E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 160A	55,985,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022845R8690	OTM200E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 200A	61,344,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022845R9260	OTM250E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 250A	65,271,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022847R1210	OTM315E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 315A	79,785,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022847R1630	OTM400E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 400A	80,964,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA103567R1001	OTM630E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 630A	91,032,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA103570R1001	OTM800E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 800A	116,535,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA110677R1001	OTM1000E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1000A	161,004,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA112676R1001	OTM1250E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1250A	179,059,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA112678R1001	OTM1600E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1600A	233,068,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA112709R1001	OTM2000E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 2000A	360,729,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA112710R1001	OTM2500E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 2500A	430,180,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104831R1001	OT16F4C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 16A	4,823,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104877R1001	OT25F4C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 25A	5,464,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA104934R1001	OT40F4C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 40A	6,231,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105369R1001	OT63F4C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 63A	9,620,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105418R1001	OT80F4C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 80A	10,529,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105019R1001	OT100F4C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 100A	11,901,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105054R1001	OT125F4C	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 125A	12,889,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022775R9440	OT160E04CP	Cầu dao cách ly 160A	22,569,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022771R7280	OT200E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 200A	25,110,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022775R4640	OT250E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 250A	28,380,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022775R7150	OT315E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 315A	32,698,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022771R8680	OT400E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 400A	38,458,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022785R6130	OT630E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 630A	60,293,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022785R6210	OT800E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 800A	88,939,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022872R1500	OT1000E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 1000A	156,952,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022872R1250	OT1250E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 1250A	170,032,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022872R2310	OT1600E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 1600A	196,190,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA103917R21001	OT2000E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 2000A	286,563,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA103906R1001	OT2500E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 2500A	318,081,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA129158R1001	OT3200E04CP	Cầu dao chuyển nguồn bằng tay 3200A	430,189,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022067R1760	OXPEX161	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	184,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R7100	OXPI2x166	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	361,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R6710	OXPI2x185	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	385,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R6710	OXPI2x185	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	385,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R6710	OXPI2x185	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	385,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022383R2480	OH865J6E011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,285,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022621R0760	OH895J12E011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,475,000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022589R3340	OH8125J12E011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1,618,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022873R4230	OH8200J12PE011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	5,781,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022873R4230	OH8200J12PE011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	5,781,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022848R1510	OTM160E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 160A	57,025,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022846R1590	OTM200E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 200A	64,487,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022846R1910	OTM250E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 250A	67,616,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022847R2870	OTM315E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 315A	78,478,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022847R3250	OTM400E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 400A	80,964,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022873R1900	OTM630E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 630A	97,185,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022872R8340	OTM800E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 800A	159,566,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA112703R1001	OTM1000E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1000A	181,803,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA112702R1001	OTM1250E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1250A	195,664,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA112704R1001	OTM1600E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 1600A	244,186,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA112712R1001	OTM2000E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 2000A	388,561,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES

1SCA112713R1001	OTM2500E4CM230C	Cầu dao chuyển nguồn bằng động cơ 2500A	457,900.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA108320R1001	OHBS3	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	141.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA10865R1001	OHBS9	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1.001.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA10906R1001	OHBS10	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	281.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA10906R21001	OHBS11	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1.143.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA105220R1001	OHBS2AJE011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	669.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA02259R7110	OHB45JE011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1.123.000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA02238R2480	OHB65JE011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1.285.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022621R0760	OHB95J12E011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1.475.000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA02269R3340	OHBJ125J12E011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	1.618.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022873R4230	OHB20J12PE011	Phụ kiện tay xoay cho cầu dao	5.781.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA02235R4970	OA1G10	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	411.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA02235R4890	OA1G01	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	411.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022379R8100	OA2G11	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	873.000	BG	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022379R8100	OA2G11	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	873.000	BG	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA02235R4970	OA1G10	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	411.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022456R7410	OA3G01	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	654.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA11689R1001	ODPSE230C	Cầu dao cách ly 230A	11.819.000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA101647R1001	OXSE6X85	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	220.000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA108043R1001	OXSE6X10	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	281.000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA101654R1001	OXSE6X120	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	281.000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA101655R1001	OXSE6X130	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	281.000	EE	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022037R00570	OXPK130	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	184.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022067R1760	OXPKX161	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	184.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022295R6080	OXPK6X10	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	184.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022042R6370	OXPK6X290	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	208.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R7100	OXP12X166	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	361.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R6980	OXP12X250	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	439.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022042R5810	OXP12X325	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	598.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022042R5990	OXP12X395	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	512.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022325R6980	OXP12X250	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	439.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022042R5810	OXP12X325	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	598.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022042R5990	OXP12X395	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	512.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022042R6020	OXP12X465	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	512.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022042R5810	OXP12X325	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	598.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022042R5990	OXP12X395	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	512.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022042R6020	OXP12X465	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	512.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022042R6110	OXP12X535	Phụ kiện trục nối dài tay vịn cho cầu dao	512.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151252R1001	OTM40F4C20D400C	Compact ATS	26.738.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151421R1001	OTM63F2C20D230C	Compact ATS	28.655.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151423R1001	OTM63F3C20D400C	Compact ATS	28.953.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151254R1001	OTM63F4C20D400C	Compact ATS	29.849.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151417R1001	OTM125F2C20D230C	Compact ATS	33.486.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151419R1001	OTM125F3C20D400C	Compact ATS	33.835.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151250R1001	OTM125F4C20D400C	Compact ATS	34.881.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153423R1001	OBX200E1S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	114.777.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153432R1001	OBX250E1S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	126.878.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153497R1001	OBX1500E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	157.456.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153511R1001	OBX400E1S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	177.209.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151023R1001	OBX500E1S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	200.779.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151049R1001	OBX630E1S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	226.363.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA150929R1001	OBX800E1S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	281.683.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153433R1001	OBX200E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	122.692.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153459R1001	OBX250E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	135.630.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153506R1001	OBX315E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	168.317.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA152049R1001	OBX400E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	189.429.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151027R1001	OBX500E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	214.624.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151062R1001	OBX630E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	241.977.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA14990R1001	OBX800E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	301.109.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA152411R1001	OBX1600E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	325.169.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153616R1001	OBX1500E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	365.234.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153625R1001	OBX1600E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	421.642.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153427R1001	OBX200E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	131.926.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153456R1001	OBX250E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	145.840.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153501R1001	OBX315E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	180.987.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153515R1001	OBX400E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	203.684.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151025R1001	OBX500E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	230.777.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151054R1001	OBX630E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	260.188.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA150934R1001	OBX800E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	323.774.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153577R1001	OBX1000E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	349.644.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153610R1001	OBX1250E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	392.723.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153622R1001	OBX1600E3S2QB	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	453.378.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA148926R1001	OA3G01	Tập điểm phụ cho bộ ATS	11.332.000	PL	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA02235R4970	OA1G10	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	411.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022456R7410	OA3G01	Phụ kiện tiếp điểm phụ cho cầu dao	644.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151252R1001	OTM40F4C20D400C	Compact ATS	26.738.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151421R1001	OTM63F2C20D230C	Compact ATS	28.655.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151423R1001	OTM63F3C20D400C	Compact ATS	28.953.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151254R1001	OTM63F4C20D400C	Compact ATS	29.849.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151417R1001	OTM125F2C20D230C	Compact ATS	33.486.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151419R1001	OTM125F3C20D400C	Compact ATS	33.835.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151250R1001	OTM125F4C20D400C	Compact ATS	34.881.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153424R1001	OBX200E1S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	114.777.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153433R1001	OBX250E1S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	126.878.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153498R1001	OBX1500E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	157.456.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153512R1001	OBX400E1S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	177.209.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151024R1001	OBX500E1S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	200.779.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151050R1001	OBX630E1S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	226.363.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA150930R1001	OBX800E1S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	281.683.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153434R1001	OBX200E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	122.692.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153460R1001	OBX250E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	135.630.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153507R1001	OBX315E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	168.317.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153520R1001	OBX400E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	189.429.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151028R1001	OBX500E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	214.624.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA149957R1001	OBX630E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	241.977.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA150940R1001	OBX800E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	301.109.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA152413R1001	OBX1600E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	325.169.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153617R1001	OBX1500E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	365.234.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153626R1001	OBX1600E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	421.642.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153428R1001	OBX200E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	131.926.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153457R1001	OBX250E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	145.840.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153502R1001	OBX315E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	180.987.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153516R1001	OBX400E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	203.684.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151026R1001	OBX500E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	230.777.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151055R1001	OBX630E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	260.188.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA150935R1001	OBX800E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	323.774.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153578R1001	OBX1000E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	349.644.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153611R1001	OBX1250E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	392.723.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153623R1001	OBX1600E3S2QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne	453.378.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151422R1001	OTM125F2C21D230C	Dao cắt tải có động cơ 63A	30.811.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151418R1001	OTM125F2C21D230C	Dao cắt tải có động cơ 125A	36.397.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151424R1001	OTM63F3C21D400C	Dao cắt tải có động cơ 400A	31.132.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151420R1001	OTM125F3C21D400C	Dao cắt tải có động cơ 400A	36.776.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151253R1001	OTM40F4C21D400C	Dao cắt tải có động cơ 400A	28.444.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151255R1001	OTM63F4C21D400C	Dao cắt tải có động cơ 400A	32.095.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151251R1001	OTM125F4C21D400C	Dao cắt tải có động cơ 400A	56.301.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153426R1001	OBX200E1S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 200A	150.556.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153455R1001	OBX250E1S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 250A	162.447.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153500R1001	OBX315E1S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 315A	193.238.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153514R1001	OBX400E1S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 400A	223.286.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151740R1001	OBX500E1S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 500A	248.449.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151053R1001	OBX630E1S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 630A	280.939.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA150933R1001	OBX800E1S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 800A	355.686.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153435R1001	OBX200E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 200A	160.942.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153462R1001	OBX250E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 250A	173.652.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153509R1001	OBX315E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 315A	206.565.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153522R1001	OBX400E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 400A	238.686.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151745R1001	OBX500E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 500A	265.584.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151056R1001	OBX630E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 630A	300.315.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA150943R1001	OBX800E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 800A	380.215.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151492R1001	OBX1000E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 1000A	402.347.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153619R1001	OBX1250E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 1250A	448.428.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153628R1001	OBX1600E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 1600A	518.114.000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153430R1001	OBX200E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 200A	173.052.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153458R1001	OBX250E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 250A	186.722.000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES

1SCA153503R1001	0XB315E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 315A	222,112,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153518R1001	0XB400E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 400A	256,652,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151742R1001	0XB500E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 500A	285,573,000	FI	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA151058R1001	0XB600E3S3QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne 600A	328,408,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA150937R1001	0XB800E3S3QT	Bộ chuyển đổi ATS TrueOne 800A	346,104,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153580R1001	0XB1000E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 1000A	432,630,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153613R1001	0XB1250E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 1250A	482,178,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA153624R1001	0XB1600E3S3QT	Bộ chuyển nguồn tự động Truone 1600A	557,111,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA148926R1001	0XEA1	Tập điểm phụ cho bộ ATS	11,332,000	PL	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA02233SR4970	0A1G10	Phụ kiện tập điểm phụ cho cầu dao	411,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022456R7410	0AQ301	Phụ kiện tập điểm phụ cho cầu dao	464,000	CN	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R0230	0FAF000H2	Cầu chì 2A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R0310	0FAF000H4	Cầu chì 4A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R0400	0FAF000H6	Cầu chì 6A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R0580	0FAF000H10	Cầu chì 10A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R0680	0FAF000H16	Cầu chì 16A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R0740	0FAF000H20	Cầu chì 20A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R0820	0FAF000H25	Cầu chì 25A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R0910	0FAF000H32	Cầu chì 32A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R1040	0FAF000H35	Cầu chì 35A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R1120	0FAF000H40	Cầu chì 40A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R1210	0FAF000H50	Cầu chì 50A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R1390	0FAF000H63	Cầu chì 63A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R1470	0FAF000H80	Cầu chì 80A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R1550	0FAF000H100	Cầu chì 100A	556,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R1630	0FAF00H125	Cầu chì 125A	669,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R1710	0FAF00H160	Cầu chì 160A	669,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R1800	0FAF0H6	Cầu chì 6A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R1980	0FAF0H10	Cầu chì 10A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R2010	0FAF0H16	Cầu chì 16A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R2100	0FAF0H20	Cầu chì 20A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R2280	0FAF0H25	Cầu chì 25A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R2360	0FAF0H32	Cầu chì 32A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R2440	0FAF0H35	Cầu chì 35A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R2520	0FAF0H40	Cầu chì 40A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R2610	0FAF0H50	Cầu chì 50A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R2790	0FAF0H63	Cầu chì 63A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R2870	0FAF0H80	Cầu chì 80A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R2950	0FAF0H100	Cầu chì 100A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3090	0FAF0H125	Cầu chì 125A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3170	0FAF0H160	Cầu chì 160A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022629R5140	0FAF0H200	Cầu chì 200A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022629R5220	0FAF0H224	Cầu chì 224A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3170	0FAF0H160	Cầu chì 160A	887,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3250	0FAF1H16	Cầu chì 16A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3330	0FAF1H20	Cầu chì 20A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3410	0FAF1H25	Cầu chì 25A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3500	0FAF1H32	Cầu chì 32A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3680	0FAF1H35	Cầu chì 35A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3760	0FAF1H40	Cầu chì 40A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3840	0FAF1H50	Cầu chì 50A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R3920	0FAF1H63	Cầu chì 63A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R4060	0FAF1H80	Cầu chì 80A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R4140	0FAF1H100	Cầu chì 100A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R4220	0FAF1H125	Cầu chì 125A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R4310	0FAF1H160	Cầu chì 160A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R4490	0FAF1H200	Cầu chì 200	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R4570	0FAF1H224	Cầu chì 224A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R4650	0FAF1H250	Cầu chì 250A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R4730	0FAF1H315	Cầu chì 315A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022701R4520	0FAF1H35A	Cầu chì 355A	975,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R4810	0FAF2H35	Cầu chì 35A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R4900	0FAF2H40	Cầu chì 40A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R5030	0FAF2H50	Cầu chì 50A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R5110	0FAF2H63	Cầu chì 63A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R5200	0FAF2H80	Cầu chì 80A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R5380	0FAF2H100	Cầu chì 100A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R5460	0FAF2H125	Cầu chì 125A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R5540	0FAF2H160	Cầu chì 160A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R5620	0FAF2H200	Cầu chì 200A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R5710	0FAF2H224	Cầu chì 224A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R5890	0FAF2H250	Cầu chì 250A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R5970	0FAF2H300	Cầu chì 300	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R6010	0FAF2H315	Cầu chì 314A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R6190	0FAF2H355	Cầu chì 355A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R6270	0FAF2H400	Cầu chì 400A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022706R3900	0FAF2H425	Cầu chì 425A	1,374,000	FR	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022701R4610	0FAF2H500	Cầu chì 500A	1,374,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R6350	0FAF2H250	Cầu chì 250A	2,347,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R6430	0FAF3H300	Cầu chì 300A	2,347,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R6510	0FAF3H315	Cầu chì 315A	2,347,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R6600	0FAF3H355	Cầu chì 355A	2,347,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R6780	0FAF3H400	Cầu chì 400A	2,347,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R6860	0FAF3H425	Cầu chì 425A	2,347,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R6940	0FAF3H450	Cầu chì 450A	2,347,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R7080	0FAF3H500	Cầu chì 500A	2,347,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R7160	0FAF3H630	Cầu chì 630A	2,347,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R7240	0FAF3H800	Cầu chì 800A	2,347,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R7320	0FAF4H400	Cầu chì 400A	7,898,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R7410	0FAF4H500	Cầu chì 500A	7,898,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R7590	0FAF4H630	Cầu chì 630A	7,898,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R7670	0FAF4H800	Cầu chì 800A	7,898,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R7750	0FAF4H1000	Cầu chì 1000A	7,978,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022627R7830	0FAF4H1250	Cầu chì 1250A	7,978,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022637R3980	0FAF4AH500	Cầu chì 500A	7,978,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022637R4010	0FAF4AH630	Cầu chì 630A	8,736,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
1SCA022637R4100	0FAF4AH800	Cầu chì 800A	8,736,000	HU	1	ELSP-B5 SWITCHES
2CDS241001R006A	MCB SH201L-C6	Cầu dao tự động dạng lắp 6A	111,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS241001R010A	MCB SH201L-C10	Cầu dao tự động dạng lắp 10A	111,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS241001R016A	MCB SH201L-C16	Cầu dao tự động dạng lắp 16A	111,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS241001R020A	MCB SH201L-C20	Cầu dao tự động dạng lắp 20A	111,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS241001R025A	MCB SH201L-C25	Cầu dao tự động dạng lắp 25A	111,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS241001R032A	MCB SH201L-C32	Cầu dao tự động dạng lắp 32A	111,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS241001R040A	MCB SH201L-C40	Cầu dao tự động dạng lắp 40A	116,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS242001R006A	MCB SH202L-C6	Cầu dao tự động dạng lắp 6A	296,000	CN	6	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS242001R010A	MCB SH202L-C10	Cầu dao tự động dạng lắp 10A	296,000	CN	6	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS242001R016A	MCB SH202L-C16	Cầu dao tự động dạng lắp 16A	296,000	CN	6	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS242001R020A	MCB SH202L-C20	Cầu dao tự động dạng lắp 20A	296,000	CN	6	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS242001R025A	MCB SH202L-C25	Cầu dao tự động dạng lắp 25A	296,000	CN	6	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS242001R032A	MCB SH202L-C32	Cầu dao tự động dạng lắp 32A	296,000	CN	6	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS242001R040A	MCB SH202L-C 40	Cầu dao tự động dạng lắp 40A	313,000	CN	6	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS242001R050A	MCB SH202L-C50	Cầu dao tự động dạng lắp 50A	523,000	DE	6	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS242001R063A	MCB SH202L-C63	Cầu dao tự động dạng lắp 63A	457,000	CN	6	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS243001R006A	MCB SH203L-C6	Cầu dao tự động dạng lắp 6A	502,000	CN	4	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS243001R010A	MCB SH203L-C10	Cầu dao tự động dạng lắp 10A	502,000	CN	4	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS243001R016A	MCB SH203L-C16	Cầu dao tự động dạng lắp 16A	502,000	CN	4	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS243001R020A	MCB SH203L-C20	Cầu dao tự động dạng lắp 20A	502,000	CN	4	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS243001R025A	MCB SH203L-C25	Cầu dao tự động dạng lắp 25A	502,000	CN	4	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS243001R032A	MCB SH203L-C32	Cầu dao tự động dạng lắp 32A	502,000	CN	4	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS243001R040A	MCB SH203L-C40	Cầu dao tự động dạng lắp 40A	532,000	CN	4	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS243001R050A	MCB SH203L-C50	Cầu dao tự động dạng lắp 50A	774,000	DE	4	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS243001R063A	MCB SH203L-C63	Cầu dao tự động dạng lắp 63A	694,000	CN	4	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS244001R006A	MCB SH204L-C6	Cầu dao tự động dạng lắp 6A	1,192,000	CN	3	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS244001R010A	MCB SH204L-C10	Cầu dao tự động dạng lắp 10A	1,192,000	CN	3	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS244001R016A	MCB SH204L-C16	Cầu dao tự động dạng lắp 16A	1,192,000	CN	3	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS244001R020A	MCB SH204L-C20	Cầu dao tự động dạng lắp 20A	1,192,000	CN	3	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS244001R025A	MCB SH204L-C25	Cầu dao tự động dạng lắp 25A	1,192,000	CN	3	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS244001R032A	MCB SH204L-C32	Cầu dao tự động dạng lắp 32A	1,192,000	CN	3	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS244001R040A	MCB SH204L-C40	Cầu dao tự động dạng lắp 40A	1,263,000	CN	3	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS244001R050A	MCB SH204L-C50	Cầu dao tự động dạng lắp 50A	1,383,000	DE	3	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS244001R063A	MCB SH204L-C63	Cầu dao tự động dạng lắp 63A	1,369,000	CN	3	ELSB DIN-RAIL (MCB SH200L)
2CDS211001R006A	MCB SH201-C6	Cầu dao tự động dạng lắp 6A	183,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDS211001R010A	MCB SH201-C10	Cầu dao tự động dạng lắp 10A	183,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDS211001R016A	MCB SH201-C16	Cầu dao tự động dạng lắp 16A	183,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDS211001R020A	MCB SH201-C20	Cầu dao tự động dạng lắp 20A	183,000	CN	12	ELSB DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)

2CSF202006R3250	FH202AC-25V0.3	Cầu dao tự động chống dòng rò 25A	2,198,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF202006R3400	FH202AC-40V0.3	Cầu dao tự động chống dòng rò 40A	2,417,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF202006R3630	FH202AC-63V0.3	Cầu dao tự động chống dòng rò 63A	3,174,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF202005R3800	FH204AC-80V0.3	Cầu dao tự động chống dòng rò 80A	4,383,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF202005R3900	FH204AC-100V0.3	Cầu dao tự động chống dòng rò 100A	4,881,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204006R1250	FH204AC-25V0.03	Cầu dao tự động chống dòng rò 25A	3,277,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204006R1400	FH204AC-40V0.03	Cầu dao tự động chống dòng rò 40A	3,374,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204006R1630	FH204AC-63V0.03	Cầu dao tự động chống dòng rò 63A	3,712,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204005R1800	F204AC-80V0.03	Cầu dao tự động chống dòng rò 80A	5,491,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204005R1900	F204AC-100V0.03	Cầu dao tự động chống dòng rò 100A	6,101,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204006R2250	FH204AC-25V0.1	Cầu dao tự động chống dòng rò 25A	3,691,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204006R2400	FH204AC-40V0.1	Cầu dao tự động chống dòng rò 40A	3,806,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204006R2630	FH204AC-63V0.1	Cầu dao tự động chống dòng rò 63A	4,495,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204005R2800	F204AC-80V0.1	Cầu dao tự động chống dòng rò 80A	5,491,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204005R2900	F204AC-100V0.1	Cầu dao tự động chống dòng rò 100A	6,101,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204006R3250	FH204AC-25V0.3	Cầu dao tự động chống dòng rò 25A	3,515,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204006R3400	FH204AC-40V0.3	Cầu dao tự động chống dòng rò 40A	3,623,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204006R3630	FH204AC-63V0.3	Cầu dao tự động chống dòng rò 63A	4,280,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204005R3800	F204AC-80V0.3	Cầu dao tự động chống dòng rò 80A	5,491,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSF204005R3900	F204AC-100V0.3	Cầu dao tự động chống dòng rò 100A	6,101,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R1064	DS201LC6AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 6A	2,187,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R1104	DS201LC10AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 10A	2,115,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R1164	DS201LC16AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 16A	2,115,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R1204	DS201LC20AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 20A	2,115,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R1254	DS201LC25AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 25A	2,260,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R1324	DS201LC32AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 32A	2,260,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R3064	DS201LC6AC300	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 6A	4,217,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R3104	DS201LC10AC300	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 10A	3,906,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R3164	DS201LC16AC300	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 16A	3,906,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R3204	DS201LC20AC300	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 20A	3,942,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R3254	DS201LC25AC300	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 25A	4,018,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR245008R3324	DS201LC32AC300	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 32A	4,296,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R1064	DS201C6AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 6A	2,903,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R1104	DS201C10AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 10A	2,772,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R1164	DS201C16AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 16A	2,268,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R1204	DS201C20AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 20A	2,268,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R1254	DS201C25AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 25A	2,657,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R1324	DS201C32AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 32A	2,802,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R1404	DS201C40AC30	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 40A	3,179,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R2064	DS201C6AC100	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 6A	3,384,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R2104	DS201C10AC100	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 10A	3,132,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R2164	DS201C16AC100	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 16A	3,132,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R2204	DS201C20AC100	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 20A	3,132,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R2254	DS201C25AC100	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 25A	3,132,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R2324	DS201C32AC100	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 32A	3,445,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSR255008R2404	DS201C40AC100	Cầu dao tự động chống dòng rò và quá tải, ngắn mạch 40A	3,760,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG452120R1202	ELR7V2V24	Rơ le chống dòng rò	20,774,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG252120R1202	ELR96V24	Rơ le chống dòng rò	20,772,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG452130R1202	ELR96V24	Rơ le chống dòng rò	19,418,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG152130R1202	ELR96	Rơ le chống dòng rò	19,418,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG452211R1202	ELR48V24P	Rơ le chống dòng rò	21,669,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG252211R1202	ELR48P	Rơ le chống dòng rò	21,669,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG452424R1202	ELR7V2V24P	Rơ le chống dòng rò	29,044,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG152424R1202	ELR96P	Rơ le chống dòng rò	29,044,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG452434R1202	ELR96V24P	Rơ le chống dòng rò	28,499,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG152434R1202	ELR96P	Rơ le chống dòng rò	28,499,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG035100R1211	TR1	Biến dòng thử tự không	4,052,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG060100R1211	TR2	Biến dòng thử tự không	4,576,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG080100R1211	TR3	Biến dòng thử tự không	6,380,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG110100R1211	TR4	Biến dòng thử tự không	7,884,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG160100R1211	TR160	Biến dòng thử tự không	16,343,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSG210100R1211	TR5	Biến dòng thử tự không	18,069,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CTB815710R1300	OVR T1-T2 1N 12.5-275s P QS	Bộ chống sét lan truyền T1-T2 1P+N 12.5KA	20,812,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CTB815710R1900	OVR T1-T2 3N 12.5-275s P QS	Bộ chống sét lan truyền T1-T2 1P+N 12.5KA	34,451,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CTB803972R1100	OVR T2 1N 40-275 P QS	Bộ chống sét lan truyền T1 1P+N 25KA	5,764,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CTB815706R1400	OVR T2 1N 80-275s P QS	Bộ chống sét lan truyền T1+2 1P+N 12.5KA	7,359,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CTB803973R1100	OVR T2 3N 40-275 P QS	Bộ chống sét lan truyền T1+2 3P+N 12.5KA	10,031,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CTB815708R2000	OVR T2 3N 80-275s P QS	Bộ chống sét lan truyền T2 1P+N 40KA	16,006,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CTB803972R1200	OVR T2 1N 20-275 P QS	Bộ chống sét lan truyền T2 1P+N 80KA	6,087,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CTB803973R1200	OVR T2 3N 20-275 P QS	Bộ chống sét lan truyền T2 3P+N 40KA	10,758,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM200983R1801	E9120	Hộp cầu chì 20A	193,000	RO	6	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM200983R1801	E91N32	Hộp cầu chì 32A	658,000	RO	3	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM200953R1801	E9320	Hộp cầu chì 20A	573,000	RO	3	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM200883R1801	E93232	Hộp cầu chì 32A	520,000	RO	3	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM200943R1801	E9320	Hộp cầu chì 20A	810,000	RO	2	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM204753R1801	E9332	Hộp cầu chì 32A	762,000	RO	2	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM204733R1801	E93N32	Hộp cầu chì 32A	1,026,000	IT	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM204723R1801	E9432	Hộp cầu chì 32A	1,044,000	RO	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM219022R1801	E91N50	Hộp cầu chì 50A	703,000	HU	4	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM217572R1801	E91125	Hộp cầu chì 125A	2,425,000	HU	4	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM217982R1801	E91N50	Hộp cầu chì 50A	1,980,000	HU	2	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM217352R1801	E91N125	Hộp cầu chì 125A	5,278,000	HU	2	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM217972R1801	E9250	Hộp cầu chì 50A	1,980,000	HU	2	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM217132R1801	E92125	Hộp cầu chì 125A	5,278,000	HU	2	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM217962R1801	E93950	Hộp cầu chì 50A	2,800,000	HU	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM217502R1801	E93125	Hộp cầu chì 125A	7,485,000	HU	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM217952R1801	E93N50	Hộp cầu chì 50A	3,710,000	HU	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM206532R1801	E93N125	Hộp cầu chì 125A	9,893,000	HU	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD271111R0016	SHD201/16 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 16A	500,000	BG	10	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD271111R0025	SHD201/25 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 25A	528,000	BG	10	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD271111R0032	SHD201/32 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 32A	566,000	BG	10	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD271111R0040	SHD201/40 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 40A	599,000	BG	10	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD271111R0063	SHD201/63 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 63A	714,000	BG	10	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD272111R0016	SHD202/16 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 16A	1,054,000	BG	5	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD272111R0025	SHD202/25 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 25A	1,107,000	BG	5	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD272111R0032	SHD202/32 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 32A	1,192,000	BG	5	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD272111R0040	SHD202/40 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 40A	1,262,000	BG	5	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD272111R0063	SHD202/63 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 63A	1,498,000	BG	5	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD273111R0016	SHD203/16 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 16A	1,653,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD273111R0025	SHD203/25 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 25A	1,739,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD273111R0032	SHD203/32 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 32A	1,873,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD273111R0040	SHD203/40 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 40A	1,980,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD274111R0063	SHD203/63 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 63A	2,354,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD274111R0016	SHD204/16 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 16A	2,202,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD274111R0025	SHD204/25 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 25A	2,318,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD274111R0032	SHD204/32 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 32A	2,494,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD274111R0040	SHD204/40 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 40A	2,642,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CDD274111R0063	SHD204/63 Switch Disconnect	Cầu dao cách ly 63A	3,142,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM229921R1341	TL1	Công tắc cảm biến ánh sáng TL1	5,687,000	AL	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM229931R1341	TL2	Công tắc cảm biến ánh sáng TL2	1,939,000	BG	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM229911R1341	TL1POLE	Công tắc cảm biến ánh sáng TL1POLE	5,192,000	AL	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM222471R1000	AD1NO-15m	Công tắc đóng cắt hẹn giờ dạng cơ điện	2,946,000	ES	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM222461R1000	AD1NO-R-15m	Công tắc đóng cắt hẹn giờ dạng cơ điện	3,218,000	ES	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM222451R1000	AD1CO-30m	Công tắc đóng cắt hẹn giờ dạng cơ điện	2,573,000	ES	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM222441R1000	AD1CO-R-30m	Công tắc đóng cắt hẹn giờ dạng cơ điện	3,047,000	ES	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM222431R1000	AW1CO-R-210m	Công tắc đóng cắt hẹn giờ dạng cơ điện	3,890,000	ES	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM222421R1000	AD1CO-15m	Công tắc đóng cắt hẹn giờ dạng cơ điện	2,573,000	ES	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM208151R1000	AD1CO-R-15m	Công tắc đóng cắt hẹn giờ dạng cơ điện	3,265,000	ES	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2CSM208141R1000							

2TAZ662012R2000	M1M 20 MODBUS	Đồng hồ đa năng M1M 20 MODBUS	11,243.000	CN	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2TAZ662014R2000	M1M 20 ETHERNET	Đồng hồ đa năng M1M 20 ETHERNET	13,488.000	CN	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2TAZ662012R2001	M1M 20 I/O	Đồng hồ đa năng M1M 20 I/O	14,050.000	CN	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2TAZ663012R2000	M1M 30 MODBUS	Đồng hồ đa năng M1M 30 MODBUS	12,927.000	CN	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2TAZ663014R2000	M1M 30 ETHERNET	Đồng hồ đa năng M1M 30 ETHERNET	15,126.000	CN	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
2TAZ663012R2001	M1M 30 I/O	Đồng hồ đa năng M1M 30 I/O	15,512.000	CN	1	ELSB	DIN-RAIL (EXCLUDING MCB SH200L)
1SLM004100A1200	MISTRAL41F1flushtransparentdoor4M	Tủ điện nhựa âm tường 4 đường	731.000	BG	24	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1201	MISTRAL41F1flushtransparentdoor6M	Tủ điện nhựa âm tường 6 đường	765.000	BG	18	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1202	MISTRAL41F1flushtransparentdoor8M	Tủ điện nhựa âm tường 8 đường	961.000	IT	12	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1203	MISTRAL41F1flushtransparentdoor12M	Tủ điện nhựa âm tường 12 đường	1,185.000	IT	9	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1204	MISTRAL41F1flushtransparentdoor18M	Tủ điện nhựa âm tường 18 đường	1,826.000	IT	6	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1205	MISTRAL41F1flushtransparentdoor24M	Tủ điện nhựa âm tường 24 đường	2,083.000	IT	5	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1206	MISTRAL41F1flushtransparentdoor36M2F	Tủ điện nhựa âm tường 36 đường (loại 2 dây)	2,929.000	IT	3	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1209	MISTRAL41F1flushtransparentdoor54M	Tủ điện nhựa âm tường 54 đường	6,149.000	IT	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1210	MISTRAL41F1flushtransparentdoor72M	Tủ điện nhựa âm tường 72 đường	9,040.000	IT	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007715F5650	MCBCover12MGW1650MISTRAL41W	Tấm che mặt tủ 12 mô đun	249.000	BG	5	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007717F1100	MISTRAL41W650wallwithoutdoor2M	Tủ điện nhựa lắp nổi 4 đường	504.000	BG	36	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007717F0220	MISTRAL41W650walltransparentdoor4M	Tủ điện nhựa lắp nổi 6 đường	967.000	BG	24	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007717F0320	MISTRAL41W650walltransparentdoor8M	Tủ điện nhựa lắp nổi 8 đường	1,562.000	BG	18	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007717F0420	MISTRAL41W650walltransparentdoor12M	Tủ điện nhựa lắp nổi 12 đường	2,246.000	BG	12	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007717F0820	MISTRAL41W650walltransparentdoor18M	Tủ điện nhựa lắp nổi 18 đường	2,896.000	BG	9	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007717F0520	MISTRAL41W650walltransparentdoor24M	Tủ điện nhựa lắp nổi 24 đường	3,603.000	BG	6	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007717F0920	MISTRAL41W650walltransparentdoor36M2F	Tủ điện nhựa lắp nổi 36 đường (loại 2 dây)	5,797.000	BG	5	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007717F1020	MISTRAL41W650walltransparentdoor54M	Tủ điện nhựa lắp nổi 54 đường	9,464.000	BG	3	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007717F1120	MISTRAL41W650walltransparentdoor72M	Tủ điện nhựa lắp nổi 72 đường	13,879.000	BG	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SPE007715F5650	MCBCover12MGW1650MISTRAL41W	Tấm che mặt tủ 12 mô đun	249.000	BG	5	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
M125310000	TERMINALBAR5HD.4.5MM	Cầu đầu dây	122.000	IT	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
M125320000	TERMINALBAR10HD.4.5MMAND3HD.5.6MM	Cầu đầu dây	199.000	IT	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
M125330000	TERMINALBAR16HD.4.5MMAND3HD.5.6MM	Cầu đầu dây	253.000	IT	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
M125340000	TERMINALBAR15HD.4.5MMAND6HD.5.6MM	Cầu đầu dây	278.000	IT	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
M125350000	TERMINALBAR19HD.4.5MMAND6HD.5.6MM	Cầu đầu dây	305.000	IT	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1953	Terminalholder18modulesMISTRAL	Đế giữ cầu đầu dây 8 module	74.000	BG	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1954	Terminalholder12modulesMISTRAL	Đế giữ cầu đầu dây 12 module	86.000	BG	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
1SLM004100A1955	Terminalholder18modulesMISTRAL	Đế giữ cầu đầu dây 18 module	102.000	BG	1	ELSB	DISTRIBUTION ENCLOSURES
CBA031A01151010	AC101 1G 1W switch,10AX	Công tắc đơn, một chiều 10A	203.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A02151010	AC105 1G 2W switch,10AX	Công tắc đơn, hai chiều 10A	262.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A01351010	AC110 1G 1W switch,20AX	Công tắc đơn, một chiều 20A	244.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A02351010	AC112 1G 2W switch,20AX	Công tắc đơn, hai chiều 20A	288.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A03151010	AC102 2G 1W switch,10AX	Công tắc đôi, một chiều 10A	306.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A04151010	AC106 2G 2W switch,10AX	Công tắc đôi, hai chiều 10A	367.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A03351010	AC114 2G 1W switch,20AX	Công tắc đôi, một chiều 20A	335.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A04351010	AC115 2G 2W switch,20AX	Công tắc đôi, hai chiều 20A	380.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A05151010	AC103 3G 1W switch,10AX	Công tắc ba 1 chiều, 10A	446.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A06151010	AC107 3G 2W switch,10AX	Công tắc ba 2 chiều, 10A	519.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A05251010	AC116 3G 1W switch,16AX	Công tắc ba 1 chiều, 16A	478.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A06251010	AC121 3G 2W switch,16AX	Công tắc ba 2 chiều, 16A	549.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A19151010	AC104 4G 1W switch,10AX	Công tắc bốn 1 chiều, 10A	608.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A31151010	AC107 4G 2W switch,10AX	Công tắc bốn 2 chiều, 10A	797.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A19251010	AC117 4G 1W switch,16AX	Công tắc bốn 1 chiều, 16A	633.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A08151010	AC161 1G 1W switch w/LED/DL,10AX	Công tắc đơn 1 chiều, 10A hiển thị LED	340.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A10151010	AC164 1G 2W switch w/LED/DL,10AX	Công tắc đơn 2 chiều, 10A hiển thị LED	431.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A08351010	AC170 1G 1W switch w/LED/DL,20AX	Công tắc đơn 1 chiều, 20A hiển thị LED	380.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A10351010	AC172 1G 2W switch w/LED/DL,20AX	Công tắc đơn 2 chiều, 20A hiển thị LED	426.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A12151010	AC162 2G 1W switch w/LED/DL,10AX	Công tắc đôi 1 chiều, 10A hiển thị LED	474.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A14151010	AC165 2G 2W switch w/LED/DL,10AX	Công tắc đôi 2 chiều, 10A hiển thị LED	562.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A12351010	AC173 2G 1W switch w/LED/DL,20AX	Công tắc đôi 1 chiều, 20A hiển thị LED	549.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A14351010	AC174 2G 2W switch w/LED/DL,20AX	Công tắc đôi 2 chiều, 20A hiển thị LED	643.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A16151010	AC163 3G 1W switch w/LED/DL,10AX	Công tắc ba hiển thị LED 1 chiều, 10A hiển thị LED	716.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A18151010	AC166 3G 2W switch w/LED/DL,10AX	Công tắc ba hiển thị LED 2 chiều, 10A hiển thị LED	847.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A16251010	AC175 3G 2W switch w/LED/DL,16AX	Công tắc ba hiển thị LED 2 chiều, 16A hiển thị LED	847.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA031A293R9410	AC171 W/WH-G 1G 1W DP switch w/LED/DL,w/IF	Công tắc đơn 1 chiều, 2P 20A, dùng cho máy nước nóng	734.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA032A166S1020	AC208 1G BS SO,13A	Ô cảm đơn 3 chiều, 13A	664.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA032A176S1020	AC224 1G BS switched SO,13A	Ô cảm đơn 3 chiều, 13A, gồm công tắc chuẩn BS	516.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA032A186S1020	AC229 1G BS switched SO w/Neon,13A	Ô cảm công tắc đơn 3 chiều, 13A, chuẩn BS, có đèn neon	563.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA032A216R1420	AC227-G 2G BS switched SO,13A	Ô cảm công tắc đôi 3 chiều, 13A, chuẩn BS	1,117.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA032A226S1020	AC230 2G BS switched SO w/Neon,13A	Ô cảm công tắc đôi 3 chiều, 13A, chuẩn BS, có đèn neon	1,002.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA032A08151010	AC212 2G SO,10A	Ô cảm đôi 10A	352.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA032A07151010	AC222 2G switched SO,10A	Ô cảm công tắc đôi 10A	588.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA032A12151010	AC234 2G switched SO w/Neon,10A	Ô cảm công tắc đôi 10A, có đèn neon	708.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA035A040S1010	AC504 Blank plate	Mặt che trơn	148.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA035A130S1010	AC505 2G Blank plate	Mặt che trơn	311.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA035A120S1010	AC5201 2G Frame Concept BS	Khung viền đôi	89.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA035A230S1010	AC5103 3G frame concept bs	Khung viền ba	120.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
CBA035A240R1410	AC5104-G 4G frame concept bs	Khung viền bốn	194.000	CN	15	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751006R0001	WSD220CL 20A 2P SWITCH-ISOLATOR	Cầu dao chống nước 2 cực 20A	1,075.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751006R0002	WSD232CL 32A 2P SWITCH-ISOLATOR	Cầu dao chống nước 2 cực 32A	1,294.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751006R0003	WSD245CL 45A 2P SWITCH-ISOLATOR	Cầu dao chống nước 2 cực 45A	1,728.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751006R0004	WSD263CL 63A 2P SWITCH-ISOLATOR	Cầu dao chống nước 2 cực 63A	1,885.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751006R0005	WSD420CL 20A 4P SWITCH-ISOLATOR	Cầu dao chống nước 4 cực 20A	1,666.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751006R0006	WSD432CL 32A 4P SWITCH-ISOLATOR	Cầu dao chống nước 4 cực 32A	1,776.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751006R0007	WSD445CL 45A 4P SWITCH-ISOLATOR	Cầu dao chống nước 4 cực 45A	2,133.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751006R0008	WSD463CL 63A 4P SWITCH-ISOLATOR	Cầu dao chống nước 4 cực 63A	2,585.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751003R0030	WSW101CL WEATHERPROOF 10AX 1W SW	Cầu dao chống nước 1 chiều 10A	999.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751004R0030	WSW102CL WEATHERPROOF 10AX 2W SW	Cầu dao chống nước 2 chiều 10A	1,122.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ751005R0070	WSW114CL WEATHERPROOF 20AX 2P SW	Cầu dao chống nước 1 chiều, 2 cực, 20A	1,244.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)
2TCZ752001R0040	WSO123CL WEATHERPROOF 13A UN-SW S	Ô cảm chống nước bao gồm công tắc, 13A	1,852.000	CN	60	ELSB	WIRING ACCESSORIES (EXCLUDING ORIGIN)